DỰ ÁN 8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM

SỔ TAY HƯỚNG DẪN

HOẠT ĐỘNG "HỖ TRỢ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐỂ NÂNG CAO QUYỀN NĂNG KINH TẾ CHO PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ"

(Tài liệu tham khảo dành cho cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp)

MỤC LỤC

Phần 1 5
THÔNG TIN CHUNG 5
1. BỐI CẢNH 5
2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NỘI DUNG SỐ 2 THUỘC DỰ ÁN 8 6
2.1. Giới thiệu chung về Dự án: 6
2.1. Giới thiệu chung về Nội dung 2: 6
3. GIỚI THIỆU VỀ SỔ TAY HƯỚNG DẪN 7
3.1. Căn cứ pháp lý 7
3.2. Phạm vi áp dụng 8
3.3. Đối tượng sử dụng tài liệu 9
3.4. Các thông tin chính 9
3.4.1. Nội dung hỗ trợ 9
3.4.2. Nguyên tắc triển khai 9
3.4.3. Đối tượng thụ hưởng giai đoạn 2021 - 2025: 10
3.4.4. Địa bàn triển khai: 10
3.4.5. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2021-2025 10
3.5. Bố cục tài liệu 10
Phần 2 11
NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH TRIỂN KHAI 11
1. NỘI DUNG HỖ TRỢ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ 11
1.1. Xây dựng thương hiệu: 11
1.1.1. Nội dung hỗ trợ: 11
1.1.2. Hoạt động hỗ trợ: 11
1.2. Đăng ký tiêu chuẩn 12
1.2.1. Nội dung hỗ trợ: 12
1.2.2. Hoạt động hỗ trợ: 12
1.2.3. Các tiêu chuẩn thường gặp: 12
1.3. Truy xuất nguồn gốc và tập huấn quản lý chất lượng 13
1.3.1. Nội dung hỗ trợ: 13
1.3.2. Hoạt động hỗ trợ: 13

1.4. Tham gia sàn thương mại điện tử 14
1.4.1. Nội dung hỗ trợ: 14
1.4.2. Hoạt động hỗ trợ: 15
1.5. Kết nối với các giải pháp dịch vụ logistics và thanh toán điện tử: 15
1.5.1. Nội dung hỗ trợ: 15
1.5.2. Hoạt động hỗ trợ: 15
1.6. Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật 17
1.6.1. Nội dung hỗ trợ: 17
1.6.2. Hoạt động hỗ trợ: 17
2. QUY TRÌNH TRIỂN KHAI HỖ TRỢ 17
Phần 3 24
TỔ CHỨC THỰC HIỆN 24
1. Ban Điều hành dự án 8: 24
2. Trung ương Hội LHPN Việt Nam: 24
4. Hội LHPN cấp huyện: 28
5. Hội LHPN cấp cơ sở: 30
6. Công tác lập dự toán và quản lý chi phí 32
Phần 4 34
PHỤ LỤC VÀ BIỂU MẪU 34
Tài liệu tham khảo 110

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AAA	Tiên lượng - Thích ứng - Linh hoạt
ATTP	An toàn thực phẩm
Ban DT	Ban Dân tộc
BQL	Ban Quản lý
BQT	Ban Quản trị
CTMTQG	Chương trình Mục tiêu quốc gia
DTTS	Dân tộc thiểu số
DTTS&MN	Dân tộc thiểu số và Miền núi
HTX	Hợp tác xã
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
KT – XH	Kinh tế - Xã hội
LHPN	Liên hiệp phụ nữ
MTQG	Mục tiêu quốc gia
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
TCĐLCL	Tiêu chuẩn- Đo lường- Chất lượng
TMĐT	Thương mại điện tử
TNXG	Truy xuất nguồn gốc
TT&TT	Thông tin và truyền thông
UBND	Ủy ban nhân dân
QLCL NLS& TS	Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản
QL CN&CN	Quản lý công nghệ và chuyên ngành
QLCN	Quản lý công nghiệp
VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm

Phần 1
THÔNG TIN CHUNG

1. BỐI CẢNH

Khoa học và công nghệ (KH&CN) có vai trò quan trọng trong việc tăng năng suất lao động, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, góp phần phát triển và tăng trưởng kinh tế, cung cấp luận cứ khoa học cho hoạch định cơ chế chính sách. Cụ thể hơn, vai trò của KH&CN có thể được thể hiện ở một số góc độ như sau: Tác động tích cực tới việc năng suất lao động của nền kinh tế, góp phần tạo ra nguyên liệu mới, sản phẩm mới với giá trị gia tăng cao hơn; đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực; góp phần gia tăng sức cạnh tranh của hàng hóa.

Tại Việt Nam, đặc biệt trong những năm gần đây, KH&CN đã có những đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, giảm dần phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu thô và mở rộng tín dụng. Đóng góp của KH&CN đối với nền kinh tế Việt Nam được thể hiện thông qua chỉ số năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) và giá trị gia tăng mà KH&CN tạo ra đối với các ngành. Tỷ lệ đóng góp của TFP trong tăng trưởng GDP năm 2019 đạt 44,6%, bình quân giai đoạn 2016 -2019 đạt 44,46%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% của giai đoạn 2011 - 2015 [(1)]. Ngoài ra, KH&CN đóng góp trên 30% giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp, 38% trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi [(2)]. Bên cạnh đó, nhiều mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp công nghệ cao với sự đầu tư mạnh của các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong nước và nước ngoài đã xuất hiện. Trong công nghiệp, đóng góp của KH&CN vào tăng trưởng Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2018 tăng 10,2% so với năm 2017, vượt mức chỉ tiêu theo kế hoạch (9%)[(3)].

Khoa học và công nghệ là nền tảng phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi [(4)]. Theo Báo cáo của Chương trình Nông thôn miền núi, giai đoạn 2016-2020 có 233 trong tổng số 402 dự án triển khai, dự án triển khai tại 34 tỉnh, thành phố vùng DTTS&MN. Chương trình đã xây dựng được 2.324 mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN có hiệu quả, quy mô phù hợp với điều kiện sinh thái cho 34 tỉnh/thành phố nằm trong vùng DTTS&MN, trong đó, thực hiện được 30 mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; 14 mô hình ứng dụng công nghệ thông tin; 27 mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất hỗ trợ tạo việc làm cho trên 2.000 lao động thường xuyên và 5.000 lao động thời vụ, tạo sinh kế cho đồng bào người dân vùng DTTS.

Trong những năm qua, Hội LHPN Việt Nam các cấp đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, mô hình sinh kế có

[1] Nguồn Tổng cục Thống kê, 2019
[2] Nguồn Bộ Khoa học & Công nghệ, 2019
[3] Nguồn: Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2020
[4] Nguồn: Hội nghị tổng kết Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 2020

phụ nữ tham gia ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất và kết nối thị trường. Đặc biệt, từ năm 2017, Hội LHPN các cấp đã tích cực triển khai Đề án 939: Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 – 2025. Trong triển khai nhiệm vụ hỗ trợ phụ nữ đổi mới sáng tạo phát triển kinh doanh và khởi nghiệp của Đề án giai đoạn 2017 – 2021, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã hỗ trợ 63.864 phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp; phối hợp, hỗ trợ thành lập 4.747 tổ hợp tác/hợp tác xã do phụ nữ quản lý, có 50.665 doanh nghiệp của phụ nữ mới thành lập được tư vấn, hỗ trợ nâng cao năng lực phát triển doanh nghiệp; tăng cường các hoạt động kết nối các chương trình tín dụng, chính sách của các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân trong hỗ trợ nguồn vốn cho phụ nữ khởi nghiệp với tổng số vốn là 316,049 tỷ đồng.

Tuy nhiên hiện nay, phụ nữ, đặc biệt phụ nữ nông thôn, phụ nữ vùng dân tộc thiểu số, miền núi ít có điều kiện tập huấn về khoa học kỹ thuật để phát triển sản xuất. Đặc biệt, trong lĩnh vực nông nghiệp, phần lớn phụ nữ dân tộc thiểu số áp dụng kỹ thuật sản xuất lạc hậu, năng suất và sản lượng thấp. Nguyên nhân khách quan là do các điều kiện kinh tế, cơ sở hạ tầng, trình độ sản xuất và nhận thức của đồng bào còn ở mức thấp hơn nhiều so với các khu vực khác. Nhiều vùng chưa được phủ sóng điện thoại 3G, 4G, hoặc sóng chập chờn. Nhiều vùng chưa được kết nối internet dẫn tới đồng bào hầu như không được tiếp cận thông tin KH&CN. Khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa cũng là một yếu tố cản trở nhiều phụ nữ DTTS tiếp cận thông tin KH&CN.

2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NỘI DUNG SỐ 2 THUỘC DỰ ÁN 8 [5]

2.1. Giới thiệu chung về Dự án:

Ngày 14/10/2021, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1719/QĐ - TTg về việc phê duyệt Chương mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025 (Quyết định 1719).

Trong Quyết định 1719, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (Hội LHPN) được Thủ tướng chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức thực hiện, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành xây dựng văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện ***Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết với phụ nữ và trẻ em***.

Mục tiêu chung Dự án 8 là nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

2.1. Giới thiệu chung về Nội dung 2:

Dự án 8 được chia thành 4 nội dung, trong đó nội dung số 2 cụ thể là: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" nâng cao quyền

[5] Dự án "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết với phụ nữ và trẻ em" thuộc Chương mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025

năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

- Nội dung số 2 có 4 hoạt động chính, một trong bốn hoạt động chính trong đó là Hoạt động 2: Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số.

Tài liệu này dành cho Hội LHPN các cấp tham khảo trong quá trình xây dựng, tổ chức triển khai Hoạt động 2 trong Nội dung 2 thuộc Dự án 8 (sau đây viết tắt là Hoạt động 2) có tên cụ thể là: Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số.

- Chỉ tiêu cụ thể: Đến năm 2025, hỗ trợ 500 tổ/nhóm sinh kế có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ (tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã) ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và kết nối thị trường.

Chỉ tiêu tối thiểu cho từng tỉnh thành lấy theo Phụ lục 01: Phân bổ chỉ tiêu thực hiện Dự án 8 giai đoạn I: 2021-2025, Kế hoạch số 43/KH-ĐCT ngày 03/06/2022 về việc Triển khai Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Xây dựng thương hiệu

Đăng ký các tiêu chuẩn

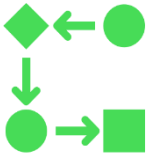

Xây dựng truy xuất nguồn gốc và tập huấn về quản lý chất lượng

Hỗ trợ tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử

Giới thiệu và hỗ trợ kết nối với các giải pháp dịch vụ logistics và thanh toán điện tử

Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho tổ nhóm

- Nội dung hỗ trợ gồm: 1) Xây dựng thương hiệu; 2) Đăng ký các tiêu chuẩn theo quy định; 3) Xây dựng truy xuất nguồn gốc và tập huấn về quản lý chất lượng; 4) Hỗ trợ tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử; 5) Giới thiệu và hỗ trợ kết nối với các giải pháp dịch vụ logistics và thanh toán điện tử; 6) Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho tổ nhóm.

3. GIỚI THIỆU VỀ SỔ TAY HƯỚNG DẪN

3.1. Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng

Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1719) phê duyệt CTMTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện CTMTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP);

- Nghị định số 56/2012/NĐ-CP, ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ Quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, UBND các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội LHPN Việt Nam tham gia quản lý nhà nước;

- Thông tư số 01/2022/TT-UBDT, ngày 26/5/2022 của Ủy Ban Dân tộc Quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện CTMTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 03 năm 2022 của Bộ Tài Chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 358/QĐ-ĐCT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Đoàn chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam về việc thành lập Ban điều hành Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em" cấp Trung ương;

- Kế hoạch số 43/KH-ĐCT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam về Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em";

- Quyết định số 275/QĐ-ĐCT ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam về việc phân công nhiệm vụ thực hiện Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em";

- Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em".

3.2. Phạm vi áp dụng

Sổ tay hướng dẫn này áp dụng cho việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện

các hoạt động trong Hoạt động 2: Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số.

3.3. Đối tượng sử dụng tài liệu

- Thành viên Ban Điều hành Dự án 8;
- Cán bộ Hội LHPN các cấp.

3.4. Các thông tin chính

3.4.1. Nội dung hỗ trợ

Lựa chọn và hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ cho các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ quảng bá, phát triển các sản phẩm bản địa, cải thiện sản xuất, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, kết nối thị trường thông qua hỗ trợ 6 nội dung:

1) Xây dựng thương hiệu;

2) Đăng ký các tiêu chuẩn theo quy định;

3) Xây dựng truy xuất nguồn gốc và tập huấn về quản lý chất lượng;

4) Hỗ trợ tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử;

5) Giới thiệu và hỗ trợ kết nối với các giải pháp dịch vụ logistics và thanh toán điện tử;

6) Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho tổ nhóm.

3.4.2. Nguyên tắc triển khai

- Nguyên tắc xây dựng hoạt động:

+ Đầu tư tập trung, không dàn trải: với mỗi đối tượng thụ hưởng tiềm năng đầu tư hỗ trợ tất cả các nội dung ứng dụng công nghệ phù hợp. Tránh đầu tư lẻ tẻ mỗi đối tượng 1-2 nội dung ứng dụng công nghệ.

+ Tránh chồng chéo với các dự án khác: Tiểu dự án 2 thuộc **Dự án 3** có nội dung là *Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.* Các hoạt động của tiểu dự án này có thể trùng lặp với Hoạt động 2, Nội dung 2, **Dự án 8.**

+ Kết hợp lồng ghép nguồn vốn, nguồn lực từ các nguồn khác nhau và từ các dự án khác: Tiểu dự án 4, Dự án 5 có nội dung là "Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp". Các hoạt động của Tiểu dự án này rất phù hợp để phối hợp với Hoạt động 2, Nội dung 2, Dự án 8.

- Nguyên tắc hỗ trợ đối tượng:

+ Lựa chọn đúng đối tượng thụ hưởng (đối tượng có tiềm năng phát triển).

+ Lựa chọn đúng nội dung hỗ trợ (phù hợp với hiện trạng, nhu cầu và khả năng đầu tư đối ứng của đơn vị).

+ Lựa chọn đúng tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ hỗ trợ (chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm làm việc với đồng bào vùng dân tộc thiểu số).

+ Tránh hỗ trợ dưới hình thức cung ứng 100%. Đơn vị thụ hưởng bắt buộc phải có đối ứng theo một tỷ lệ nhất định (Mức hỗ trợ theo thực tế phát sinh, tối đa 100 triệu đồng/mô hình thí điểm. Các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ sẽ phải đối ứng phần chi phí còn lại để thực hiện, duy trì bền vững mô hình).

+ Tránh áp đặt các nội dung hỗ trợ theo kế hoạch. Các nội dung hỗ trợ được xây dựng từ hiện trạng, nhu cầu của đối tượng hỗ trợ và từ kết quả tham vấn với các tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ (tham khảo *Phụ lục 01 – Tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ*).

3.4.3. Đối tượng thụ hưởng giai đoạn 2021 - 2025:

Các tổ/nhóm sinh kế (tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã) có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh và kết nối thị trường.

Lưu ý: Công ty cổ phần, Công ty TNHH, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân không thuộc diện đối tượng hỗ trợ trong Hoạt động 2.

3.4.4. Địa bàn triển khai:

- Các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Uỷ ban Dân tộc và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); trong đó ưu tiên xã ATK, xã biên giới được xác định theo các văn bản của cấp có thẩm quyền.

3.4.5. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2021-2025

3.5. Bố cục tài liệu

Tài liệu gồm 4 phần:

- Phần 1: Thông tin chung
- Phần 2: Nội dung và quy trình triển khai
- Phần 3: Tổ chức thực hiện
- Phần 4: Biểu mẫu và phụ lục tham khảo

Phần 2
NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐỂ NÂNG CAO QUYỀN NĂNG KINH TẾ CHO PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ

1. NỘI DUNG HỖ TRỢ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

1.1. Xây dựng thương hiệu:

1.1.1. Nội dung hỗ trợ:

Bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:

- Cung cấp kiến thức về nghiên cứu thị trường và xác định phân khúc thị trường mục tiêu; thiết kế và đăng ký nhãn hiệu; thiết kế bộ nhận diện thương hiệu; xây dựng kế hoạch quảng bá thương hiệu và triển khai.

- Hỗ trợ lập báo cáo nghiên cứu thị trường và xác định phân khúc thị trường mục tiêu;

- Hỗ trợ thiết kế và đăng ký nhãn hiệu;

- Hỗ trợ thiết kế bộ nhận diện thương hiệu

- Hỗ trợ xây dựng kế hoạch quảng bá thương hiệu.

1.1.2. Hoạt động hỗ trợ:

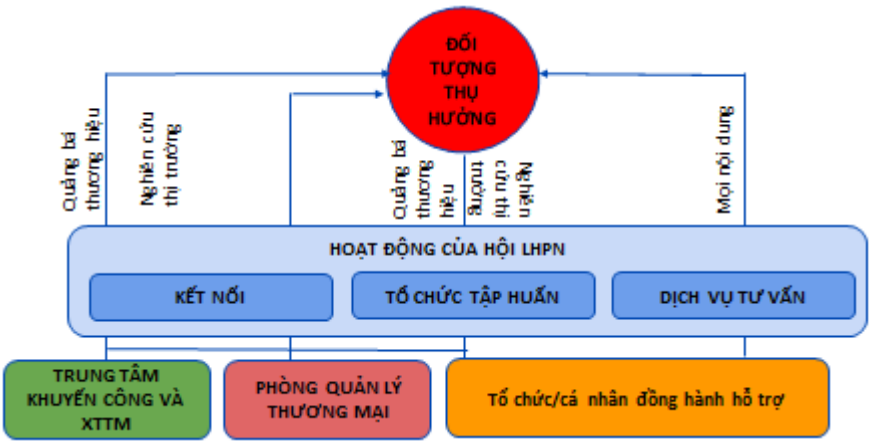

Tuỳ theo nguồn lực, Hội LHPN các cấp có thể triển khai các hoạt động:

- Tổ chức tập huấn cho đối tượng thụ hưởng về các nội dung: Nghiên cứu thị trường và xác định phân khúc thị trường mục tiêu; xây dựng kế hoạch quảng bá thương hiệu;

- Kết nối với Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại để lồng ghép, hỗ trợ các hoạt động quảng bá thương hiệu; Kết nối với Phòng Quản lý thương mại - Sở Công thương để lồng ghép, hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu thị trường;

- Thuê tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ cung cấp dịch vụ cho từng mô

hình tùy theo nhu cầu.

1.2. Đăng ký tiêu chuẩn

1.2.1. Nội dung hỗ trợ:

Bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:

- Cung cấp các kiến thức về tiêu chuẩn dành cho quản lý và người lao động;
- Hỗ trợ lập Hồ sơ xin cấp giấy phép hoặc hồ sơ đề nghị cấp chứng nhận.

1.2.2. Hoạt động hỗ trợ:

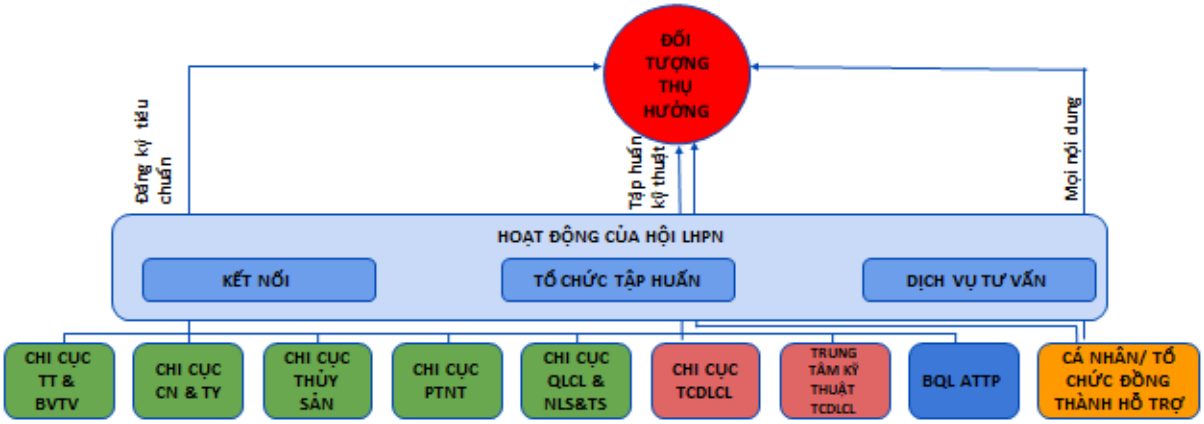

Tuỳ theo nguồn lực, Hội LHPN các cấp có thể triển khai các hoạt động:

- Kết nối với Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và thú ý, Chi cục Thủy sản, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thuỷ sản, Chi cục phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT), Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Sở KH&CN), Ban Quản lý an toàn thực phẩm (Sở Y tế) để lồng ghép nguồn lực trong hỗ trợ các đơn vị đăng ký các tiêu chuẩn cần thiết.
- Thuê tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ cung cấp dịch vụ cho từng mô hình tùy theo nhu cầu.

1.2.3. Các tiêu chuẩn thường gặp:

- Với các trang trại trồng trọt:
  + Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP);
  + Chứng nhận hữu cơ PGS;
  + Chứng nhận hữu cơ EU, chứng nhận hữu cơ USDA,...
- Với các trang trại chăn nuôi:
  + Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi (áp dụng cho trang trại chăn nuôi quy mô lớn từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên - 1 đơn vị vật nuôi tương đương 500kg thịt hơi);
  + Chứng nhận VietGAP chăn nuôi;

+ Chứng nhận hữu cơ EU, chứng nhận hữu cơ USDA,...

- Với các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm:

+ Chứng nhận Vệ sinh an toàn thực phẩm;

+ Chứng nhận ISO 22000:2018 - Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm;

+ Tiêu chuẩn HACCP - Hệ thống đánh giá có tính phòng ngừa các mối đe doạ và điểm kiểm soát tới hạn.

- Một số tiêu chuẩn chung thường gặp:

+ Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng;

+ Tiêu chuẩn ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường;

+ Tiêu chuẩn ISO 45001:2018 - Hệ thống quản lý an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.

1.3. Truy xuất nguồn gốc và tập huấn quản lý chất lượng

1.3.1. Nội dung hỗ trợ: Bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:

- Cung cấp kiến thức quản lý và triển khai hệ thống lưu trữ thông tin hoặc hệ thống truy xuất nguồn gốc;

- Hỗ trợ lập Hồ sơ đăng ký mã số mã vạch tại cơ quan quản lý chuyên ngành;

- Cung cấp kiến thức quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015; quản lý chất lượng VSATTP; quản lý sản xuất theo phương pháp 5S.

(Ghi chú: 5S là phương pháp quản lý, sắp xếp môi trường làm việc có nguồn gốc từ Nhật Bản và đã được áp dụng rộng rãi trên thế giới. 5S là viết tắt của 5 từ: Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ - Săn sóc – Sẵn sàng).

1.3.2. Hoạt động hỗ trợ:

Tuỳ theo nguồn lực, Hội LHPN các cấp có thể triển khai các hoạt động:

- Kết nối với Chi cục quản lý thị trường (Sở Công Thương), Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản (Sở NN&PTNT), Chi cục VSATTP (Sở Y tế) để lồng ghép nguồn lực hỗ trợ các đối tượng thụ hưởng thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc;

- Tổ chức tập huấn cho các đối tượng thụ hưởng về các nội dung: hướng dẫn tự thiết lập hệ thống lưu trữ thông tin hoặc hệ thống truy xuất nguồn gốc; hướng dẫn quản lý hệ thống lưu trữ thông tin hoặc hoặc hệ thống truy xuất nguồn gốc;

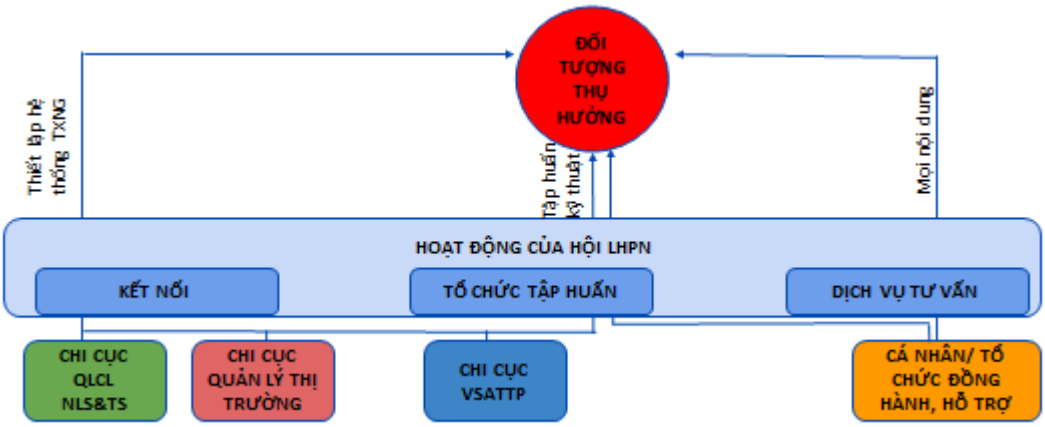

- Kết nối với Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và thú ý, Chi cục Thủy sản, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thuỷ sản, Chi cục phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT), Phòng Quản lý Công nghệ và Chuyên ngành (Sở KH&CN), Phòng Quản lý công nghiệp (Sở Công thương) để lồng ghép nguồn lực hỗ trợ các đơn vị tập huấn về quản lý chất lượng;

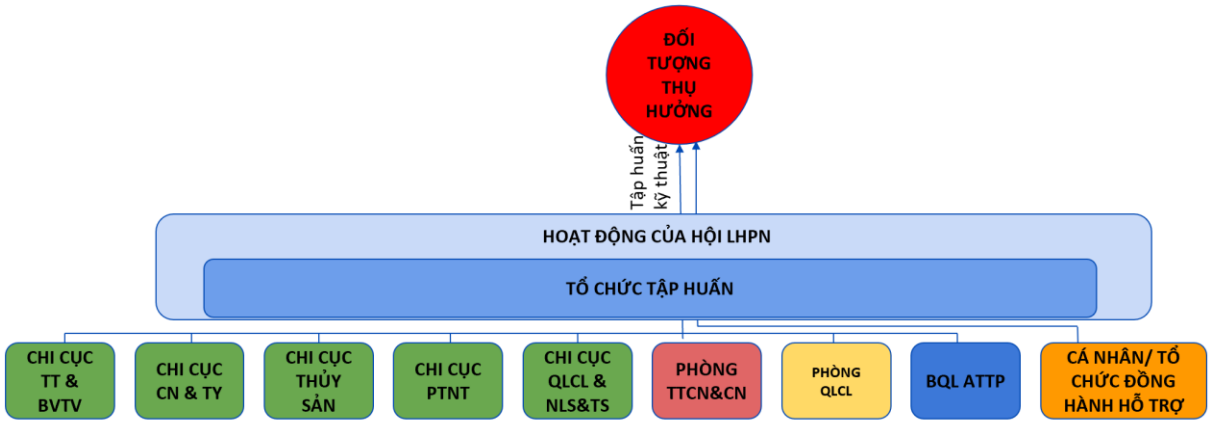

- Tổ chức các khóa tập huấn về quản lý chất lượng;
- Thuê tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ cung cấp dịch vụ cho từng mô hình tùy theo nhu cầu.

1.4. Tham gia sàn thương mại điện tử

1.4.1. Nội dung hỗ trợ:

Bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:

- Xây dựng gian hàng trên một hoặc nhiều sàn thương mại điện tử;
- Cung cấp kiến thức kinh doanh thương mại điện tử;
- Cung cấp kiến thứcvề quản lý vận hành gian hàng trên các sàn thương mại điện tử như voso, lazada, tiki, shopee,…;
- Khóa tập huấn, hội thảo chia sẻ kiến thức, kỹ năng/kinh nghiệm bán hàng thông qua các gian hàng trên sàn thương mại điện tử.

1.4.2. Hoạt động hỗ trợ:

Tuỳ theo nguồn lực, Hội LHPN các cấp có thể triển khai các hoạt động:

- Kết nối với hệ thống Chăm sóc khách hàng (CSKH) của các sàn thương mại điện tử để lồng ghép các chương trình hỗ trợ các đối tượng thụ hưởng đăng ký gian hàng trên các sàn thương mại điện tử;

- Kết nối với Trung tâm khuyến công và Xúc tiến thương mại, Hiệp hội thương mại điện tử để lồng ghép nguồn vốn hỗ trợ;

- Tổ chức các khóa tập huấn/hội thảo chia sẻ về kiến thức, kỹ năng, chia sẻ kinh nghiệm với các nội dung nêu trên;

- Thuê tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ cung cấp dịch vụ cho từng mô hình tùy theo nhu cầu.

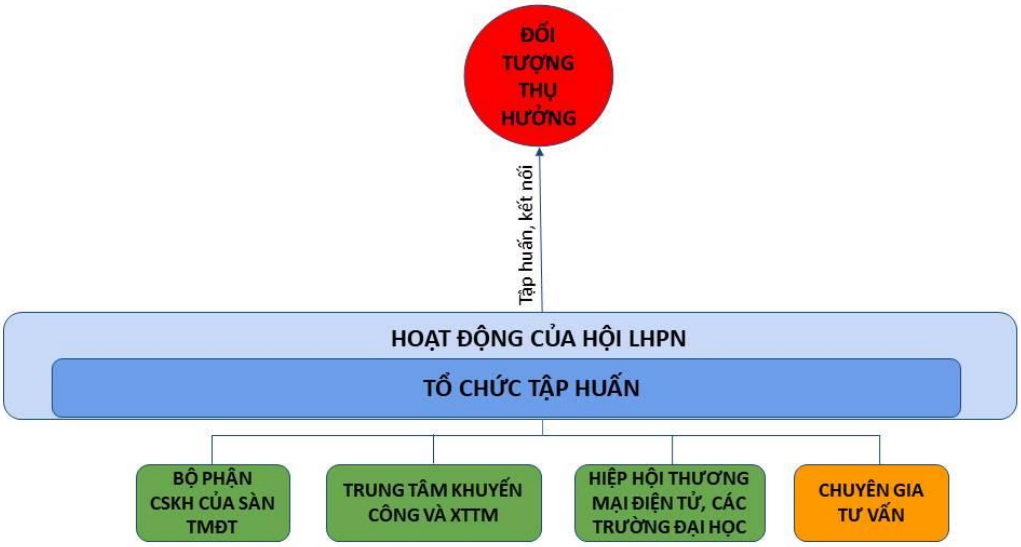

1.5. Kết nối với các giải pháp dịch vụ logistics và thanh toán điện tử:

1.5.1. Nội dung hỗ trợ: Kết nối các giải pháp dịch vụ logistics và thanh toán điện tử bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Thông tin kết nối các bên có nhu cầu kho hàng và vận chuyển hàng hóa với các bên cung cấp dịch vụ kho hàng và vận chuyển hàng hóa.

- Kết nối đối tượng thụ hưởng với các bên cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử (ngân hàng, ví điện tử, cổng thanh toán điện tử,...) để đăng ký sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử phù hợp.

1.5.2. Hoạt động hỗ trợ:

Đối với hỗ trợ kết nối với các giải pháp dịch vụ Logistics, Hội LHPN các

cấp có thể triển khai hoạt động hỗ trợ theo trình tự sau:

- Bước 1: Tham vấn 02 đối tác chính trên địa bàn tỉnh gồm Hiệp hội vận tải ô tô và Phòng Quản lý vận tải (Sở Giao thông vận tải) để lấy ý kiến về việc thu thập thông tin của các hãng vận tải hàng hóa và hành khách trên địa bàn tỉnh.

- Bước 2: Thu thập thông tin về hệ thống kho bãi và vận tải hàng hóa chuyên nghiệp của các hãng vận tải hàng hóa và hành khách và mời tham gia phiên Hội thảo kết nối vận tải hàng hóa.

- Bước 3: Tổ chức hội thảo kết nối và chia sẻ thông tin giữa hai bên, gồm bên vận tải hàng hóa và các tổ nhóm sinh kế có nhu cầu vận chuyển hàng hóa.

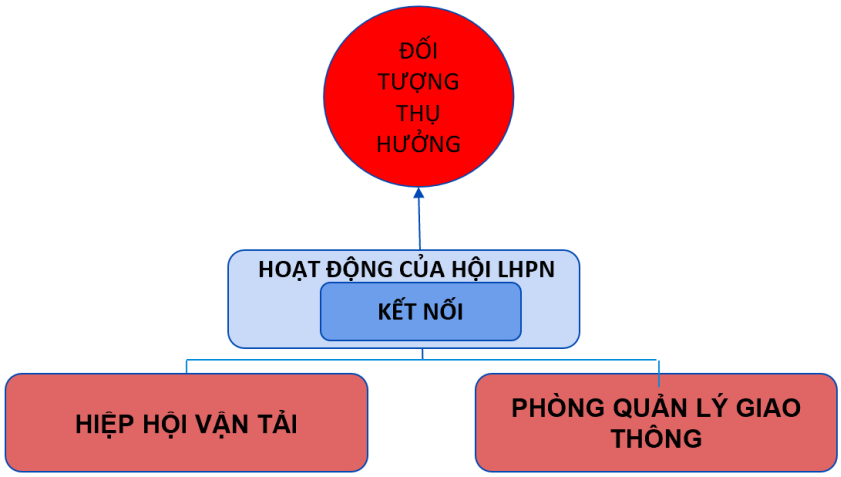

Đối với hỗ trợ kết nối thanh toán điện tử, Hội LHPN các cấp có thể triển khai:

- Tổ chức tập huấn cho đối tượng thụ hưởng về lợi ích của thanh toán điện tử và các giải pháp thanh toán điện tử.

- Tổ chức hội thảo kết nối đối tượng thụ hưởng với các bên cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử (ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, đơn vị cung cấp dịch vụ ví điện tử, cổng thanh toán điện tử,...) để đăng ký sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử phù hợp.

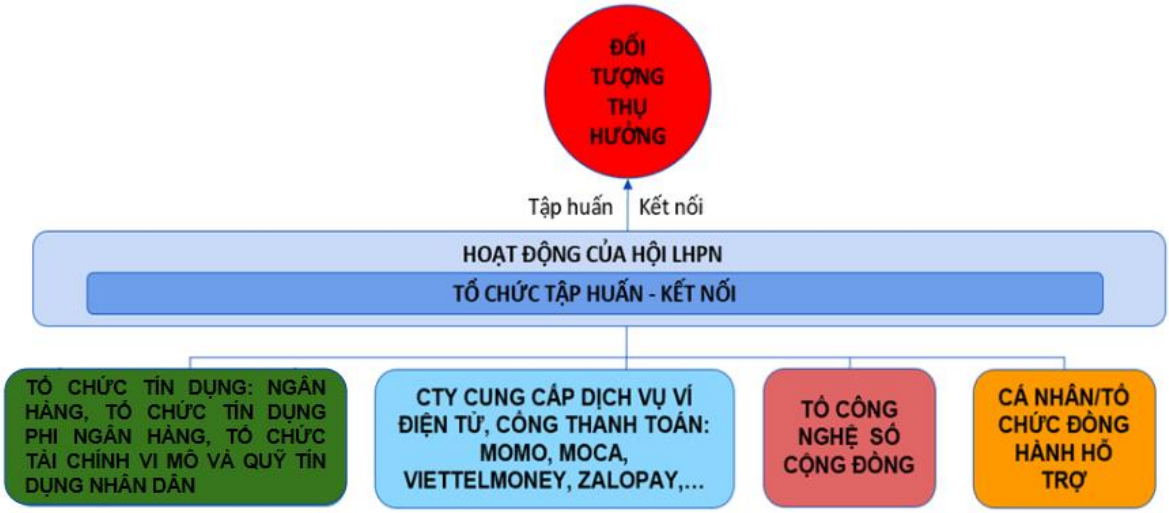

1.6. Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật

1.6.1. Nội dung hỗ trợ:

Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Kỹ thuật trồng trọt theo các tiêu chuẩn VietGAP, tiêu chuẩn hữu cơ;
- Kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Kỹ thuật sản xuất, chế biến thực phẩm;
- Kỹ thuật bảo quản nông sản;
- Kỹ thuật khác theo yêu cầu của từng tình huống cụ thể

1.6.2. Hoạt động hỗ trợ:

Tuỳ theo nguồn lực, Hội LHPN các cấp có thể triển khai các hoạt động:

- Tổ chức các phiên tập huấn về các nội dung nêu trên;
- Thuê tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ cung cấp dịch vụ cho các hoạt động trên trong một số trường hợp cụ thể, ví dụ như quy hoạch - thiết kế trang trại, thiết kế chuồng trại, quy hoạch - thiết kế nhà xưởng,...

Lưu ý: Trong các lĩnh vực hỗ trợ nêu trên, nguồn tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ tham khảo *Phụ lục 01 – Tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ*. Chi phí cho tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ lấy từ kinh phí hỗ trợ các đơn vị (nếu có).

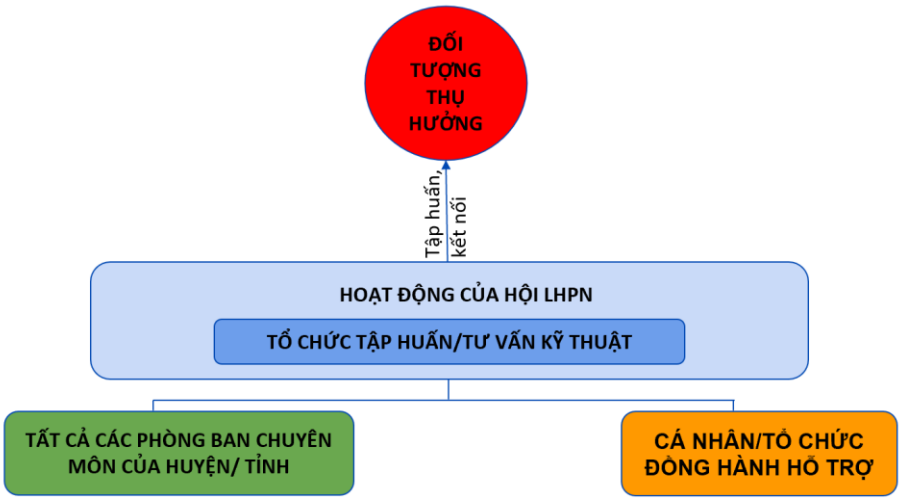

2. QUY TRÌNH TRIỂN KHAI HỖ TRỢ

Dựa trên nguồn ngân sách được giao và nguồn kinh phí vận động được, Hội LHPN các cấp chủ động lựa chọn 1 trong 2 trình tự triển khai nêu dưới đây. Tuy nhiên, trong mọi tình huống, khuyến khích áp dụng Trình tự đầy đủ để đảm bảo hiệu quả cao nhất của hoạt động hỗ trợ.

Trình tự đầy đủ (7 bước)

Bước 1: Khảo sát và xây dựng đề xuất sơ bộ.

Bước 2: Sàng lọc đối tượng hỗ trợ.

Bước 3: Tìm kiếm tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ.

Bước 4: Xây dựng đề xuất chi tiết và sàng lọc nội dung hỗ trợ.

Bước 5: Triển khai hỗ trợ.

Bước 6: Đánh giá, điều chỉnh kế hoạch.

Bước 7: Hoàn thành công tác hỗ trợ.

TRÌNH TỰ ĐẦY ĐỦ

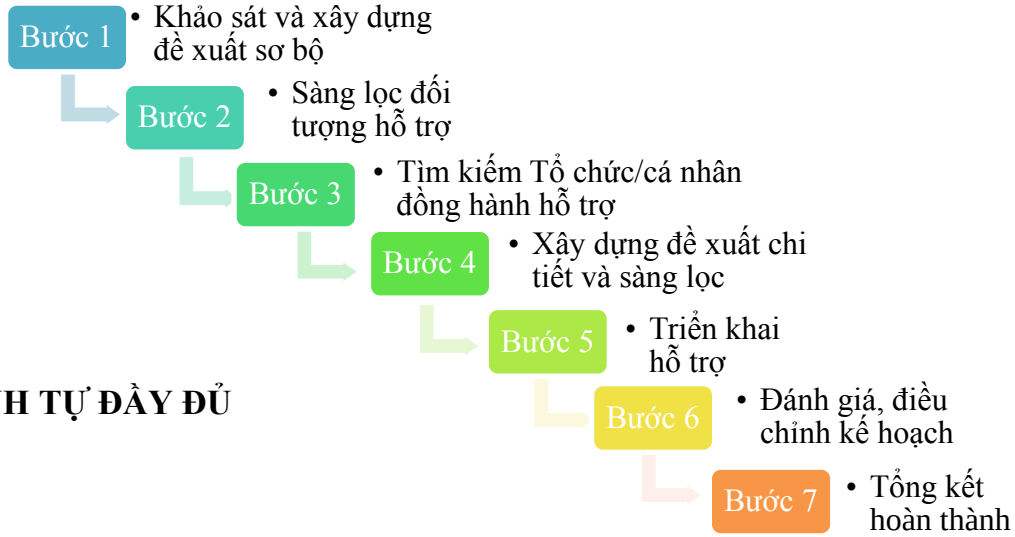

Trình tự rút gọn (5 bước)

Bước 1: Khảo sát và xây dựng đề xuất sơ bộ.

Bước 2: Sàng lọc đối tượng hỗ trợ.

Bước 3: Tìm kiếm tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ.

Bước 5: Triển khai hỗ trợ.

Bước 7: Hoàn thành công tác hỗ trợ.

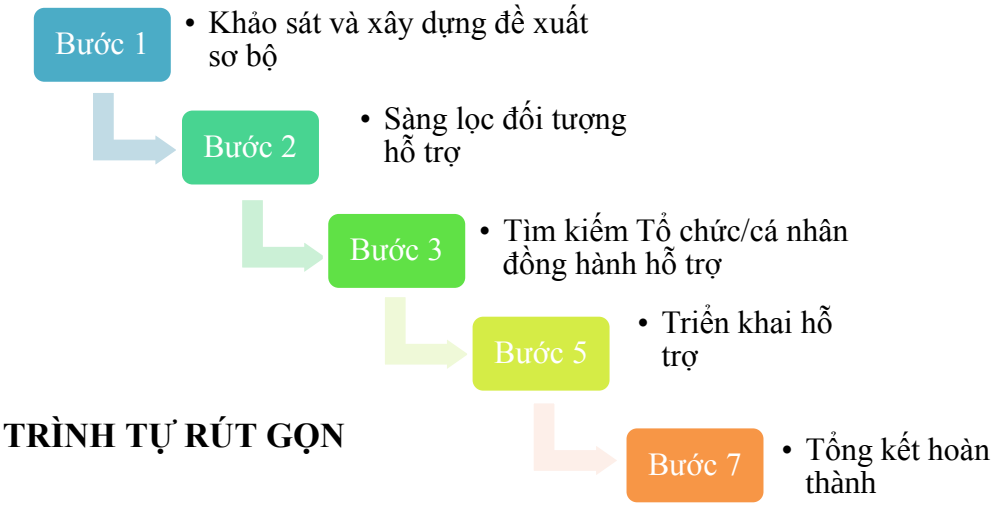

Nội dung công việc chi tiết của các bước cụ thể như sau:

2.1. Bước 1. Khảo sát và xây dựng đề xuất sơ bộ:

2.1.1. Mục đích:

Thu thập được thông tin đầy đủ về các nội dung khác nhau của đơn vị làm cơ sở cho Bước 2 - Sàng lọc đối tượng hỗ trợ. Đây là bước vô cùng quan trọng vì các thông tin chính xác là cơ sở để đảm bảo chọn được đúng đối tượng thụ hưởng.

Các nội dung khảo sát:

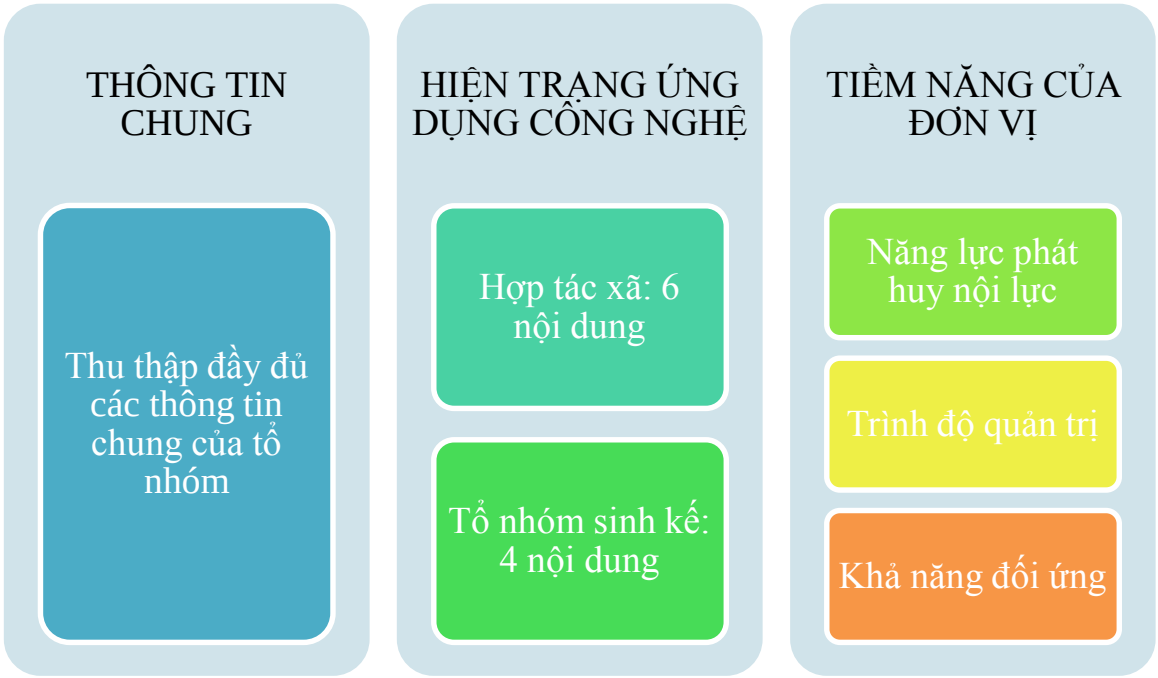

2.1.1. Hoạt động:

Hội LHPN chủ trì thực hiện hoặc phân công nhiệm vụ cho các Hội LHPN

cấp dưới (nếu có) khảo sát đối tượng thụ hưởng theo các nội dung sau:

(1) Lập danh sách đối tượng thụ hưởng tiềm năng: Tham vấn các Phòng Nông nghiệp, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Dân tộc, UBND xã, trưởng thôn/bản để lập danh sách đối tượng thụ hưởng tiềm năng.

(2) Khảo sát các đối tượng thụ hưởng tiềm năng trong danh sách về các nội dung sau:

- Thông tin chung về đối tượng thụ hưởng (*Mẫu 1 - Khảo sát thông tin chung*);
- Hiện trạng ứng dụng công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đối với Hợp tác xã, thu thập thông tin ở 6 nội dung (*Mẫu 2.1 - Hiện trạng ứng dụng công nghệ*):

+ Xây dựng thương hiệu;
+ Đăng ký các tiêu chuẩn;
+ Xây dựng truy xuất nguồn gốc và tập huấn quản lý chất lượng;
+ Hỗ trợ tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử;
+ Giới thiệu và kết nối với các giải pháp logistic và thanh toán điện tử;
+ Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật.

Đối với Tổ hợp tác, tổ nhóm sinh kế, do đây là các tập thể chưa có tư cách pháp nhân trong khi thương hiệu, chứng nhận tiêu chuẩn hay truy xuất nguồn gốc chỉ áp dụng cho cá nhân hoặc tổ chức có tư cách pháp nhân. Vì thế, đối với Tổ hợp tác, tổ nhóm sinh kế thu thập thông tin ở 4 nội dung: (*Mẫu 2.2 - Hiện trạng ứng dụng công nghệ*)

+ Tập huấn quản lý chất lượng;
+ Hỗ trợ tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử;
+ Giới thiệu và kết nối với các giải pháp logistic và thanh toán điện tử;
+ Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật.

- Đánh giá tiềm năng của đơn vị trên các nội dung:

+ Năng lực phát huy nội lực trong sản xuất kinh doanh của lãnh đạo đơn vị (*Mẫu 03 - Năng lực phát huy nội lực*);
+ Trình độ quản trị sản xuất của đơn vị (*Mẫu 04 - Năng lực quản trị*);

(3) Hỗ trợ xây dựng đề xuất sơ bộ: Tham vấn Tổ công nghệ số cộng đồng và đồng hành hỗ trợ các đối tượng thụ hưởng xây dựng đề xuất sơ bộ (*Mẫu 05 - Đề xuất sơ bộ*).

2.2. Bước 2. Sàng lọc đối tượng thụ hưởng:

***2.2.1. Mục đích*:** Xác định chính xác đối tượng thụ hưởng.

2.2.2. Hoạt động: Hội LHPN các cấp tổng hợp bảng điểm để đánh giá đơn vị tiềm năng trên các khía cạnh: 1) Năng lực phát huy nội lực; 2) Trình độ quản trị. Chi tiết hướng dẫn chấm điểm trong *Phụ lục 02 – Hướng dẫn sàng lọc đối tượng hỗ trợ.*

Tiêu chí lựa chọn ưu tiên theo thứ tự từ trên xuống:

- Ưu tiên các đơn vị có tổng điểm đánh giá ở 2 khía cạnh cao hơn;
- Trường hợp có 2 đơn vị có điểm bằng nhau thì ưu tiên các đơn vị có điểm đánh giá ở 2 khía cạnh đồng đều nhau.

Trừ trường hợp được chỉ định bởi chỉ tiêu được giao, nguyên tắc lựa chọn đối tượng cần bám sát nguyên tắc tập trung, không dàn trải. Theo đó, ưu tiên hỗ trợ nhiều nội dung cho 1 đối tượng thay cho hỗ trợ 1 nội dung cho nhiều đối tượng.

Sau khi lựa chọn được danh sách các đối tượng tiềm năng phù hợp với chỉ tiêu được giao, Hội LHPN các cấp xây dựng bảng tổng hợp nhu cầu hỗ trợ để tiến hành tìm kiếm tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ.

2.3. Bước 3. Tìm kiếm tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ:

2.3.1. Mục đích: Lựa chọn được đúng tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ. Ưu tiên lựa chọn các tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ từ địa phương hoặc các tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ đã có nhiều kinh nghiệm làm việc với người DTTS.

2.3.2. Hoạt động: Hội LHPN chủ trì tổng hợp các đề xuất sơ bộ của các đối tượng thụ hưởng và lập danh sách các đề xuất hỗ trợ. Dựa trên danh sách, Hội LHPN chủ trì tổ chức tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ từ 3 nguồn sau:

(1). Tổ công nghệ số cộng đồng:

Hội LHPN tham vấn Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng Công nghệ Thông tin) để sàng lọc các dịch vụ hỗ trợ mà Tổ công nghệ cộng đồng có thể cung cấp cho các đối tượng thụ hưởng. Các dịch vụ mà Tổ công nghệ số cộng đồng cung cấp được nêu trong *Phụ lục 01- Tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ.*

Ghi chú: Phòng Công nghệ Thông tin (Sở Thông tin và Truyền thông) là đơn vị quản lý, điều hành các Tổ công nghệ số cộng đồng theo Công văn số 793/BTTTT-THH ngày ngày 05 tháng 3 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

(2). Khối tư nhân:

Hội LHPN tham vấn đối tác cung ứng, thu mua hàng hóa dịch vụ của các đối tượng thụ hưởng để sàng lọc các dịch vụ hỗ trợ mà các đối tác này có thể cung cấp cho các đối tượng thụ hưởng (khối tư nhân). Thông tin chi tiết hơn về Khối tư nhân tham khảo *Phụ lục 01 - Tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ.*

Các cam kết hỗ trợ của đối tác được xác nhận chính thức thông qua ký kết Thỏa thuận hợp tác triển khai Hoạt động (tham khảo *Mẫu 07 - Thỏa thuận hợp tác*).

(3). Tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ:

Sau khi loại trừ các đề xuất hỗ trợ đã được Tổ công nghệ số cộng đồng và Khối tư nhân phụ trách, với các hoạt động còn lại, Hội LHPN tổ chức tuyển chọn tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ theo Luật đấu thầu.

Nội dung chi tiết về hoạt động hỗ trợ và tổ chức/cá nhân đồng hành, hỗ trợ tương ứng tham khảo *Phụ lục 01 – Tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ.*

2.4. Bước 4: Xây dựng đề xuất chi tiết và sàng lọc nội dung hỗ trợ

2.4.1.Mục đích: Sàng lọc thêm một lần nữa để lựa chọn chính xác nội dung hỗ trợ, đánh giá chính xác đề xuất hỗ trợ sẽ mang lại hiệu quả gì cho đơn vị.

2.4.2. Hoạt động:

- Tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ sẽ hỗ trợ các đối tượng thụ hưởng xây dựng Đề xuất chi tiết theo *Mẫu 06 – Đề xuất chi tiết*.

- Sau khi các đối tượng thụ hưởng nộp lại đề xuất chi tiết, căn cứ theo ngân sách được giao, Hội LHPN thành lập Tổ đánh giá với thành phần chính là Cán bộ Hội LHPN, tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ chịu trách nhiệm sàng lọc các nội dung hỗ trợ để lựa chọn hoặc điều chỉnh các nội dung hỗ trợ một cách phù hợp.

Một số phương pháp sàng lọc tham khảo: Chấm điểm, bình chọn, tổ chức thuyết trình bảo vệ ý tưởng,… Một số hướng dẫn để tổ chức thuyết trình bảo vệ ý tưởng tham khảo *Phụ lục 03 – Hướng dẫn tổ chức thuyết minh, bảo vệ nội dung đề xuất*

2.5. Bước 5: Triển khai hỗ trợ

2.5.1. Mục đích: Xây dựng và triển khai Kế hoạch hỗ trợ chi tiết.

2.5.2. Hoạt động:

- Sau khi sàng lọc, Hội LHPN chủ trì, tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ phối hợp xây dựng một Kế hoạch làm việc. Trong Kế hoạch làm việc cần có một lịch trình đánh giá, điều chỉnh cụ thể.

- Hội LHPN tiến hành hoặc chỉ đạo Hội LHPN cấp dưới triển khai kế hoạch hỗ trợ; tiến hành giám sát, đánh giá hoạt động hỗ trợ của Tổ chức, cá nhân đồng hành theo Kế hoạch làm việc.

2.6. Bước 6: Đánh giá, điều chỉnh kế hoạch

2.6.1. Mục đích: Giám sát, đánh giá và điều chỉnh Kế hoạch làm việc liên tục nhằm đạt được Mục tiêu hỗ trợ đề ra.

2.6.2. Hoạt động: Theo Kế hoạch làm việc, Hội LHPN chủ trì tổ chức các

cuộc họp định kỳ theo 3 phiên riêng bao gồm:

- Phiên 1: Hội LHPN họp riêng với đối tượng thụ hưởng;
- Phiên 2: Hội LHPN họp riêng với tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ ;
- Phiên toàn thể: Hội LHPN họp cùng tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ và đối tượng thụ hưởng.

Nội dung cuộc họp bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Đánh giá tiến độ thực hiện công việc;
- Đánh giá chất lượng thực hiện công việc;
- Các đề xuất điều chỉnh (nếu có) về tiến độ, chất lượng công việc;
- Thống nhất kế hoạch triển khai giai đoạn tiếp theo.

2.7. Bước 7: Hoàn thành công tác hỗ trợ

2.7.1. Mục đích: Thu thập thông tin về hoạt động hỗ trợ và các bài học, các đề xuất làm cơ sở rút kinh nghiệm cho các năm tiếp theo.

2.7.2. Hoạt động: Hội LHPN thực hiện các hoạt động sau:

- Đôn đốc các tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ hoàn thành báo cáo theo *Mẫu 08 - Báo cáo công tác tư vấn*.
- Đôn đốc Đối tượng thụ hưởng hoàn thành báo cáo theo *Mẫu 09 - Báo cáo hoàn thành*.
- Tổng hợp các Báo cáo nêu trên và xây dựng Báo cáo trình Hội LHPN chủ quản và UBND cùng cấp để báo cáo.

Phần 3
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Điều hành dự án 8:

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát, các đơn vị trong quá trình triển khai dự án 8 nói chung, Hoạt động 2 nói riêng;

- Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan để phối hợp, lồng ghép nguồn lực thực hiện Dự án 8 với các Dự án khác và với nguồn lực của các CTMTQG khác;

- Chỉ đạo, điều phối các hoạt động của Dự án 8 nói chung, Hoạt động 2 nói riêng nhằm tạo sự phối hợp chặt chẽ và thống nhất trên phạm cả nước và trong từng địa bàn cụ thể;

- Tổng hợp các báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện dự án hằng năm, theo giai đoạn với TW Hội LHPN Việt Nam để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Trung ương Hội LHPN Việt Nam:

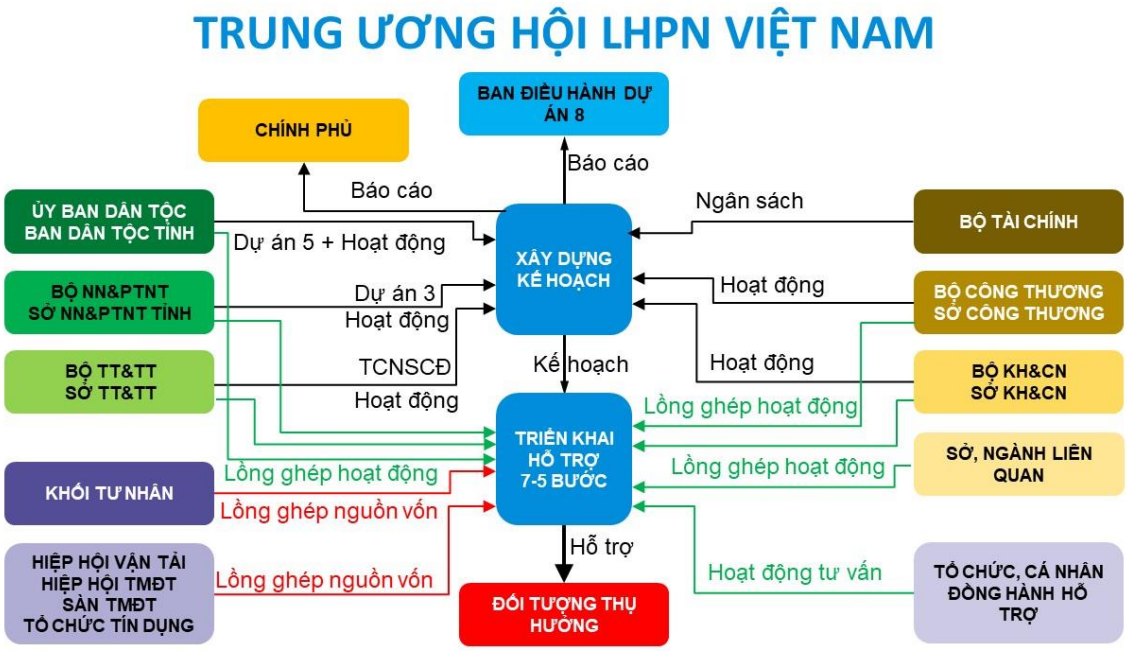

2.1. Xây dựng kế hoạch hoạt động:

- Trung ương Hội LHPN Việt Nam căn cứ vào ngân sách được giao xây dựng Kế hoạch hoạt động trình Ban Điều hành dự án 8 phê duyệt. Kế hoạch hoạt động bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

+ Các hoạt động chung nhằm thực hiện Dự án 8 trên phạm vi cả nước

+ Các hoạt động triển khai Dự án 8 tại địa bàn điểm.

- Đối với kế hoạch hoạt động thuộc phạm vi triển khai thí điểm thực hiện Hoạt động 2 nói riêng, dự án 8 nói chung, Trung ương Hội LHPN Việt Nam xây dựng kế hoạch hoạt động như sau:

+ Tham vấn Ủy ban Dân tộc (và Ban Dân tộc tỉnh địa bàn thí điểm) về các hoạt động trong Tiểu dự án 2, Dự án 3 do Uỷ ban dân tộc phối hợp cùng với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn triển khai để tránh trùng lặp và lồng ghép nguồn vốn và hoạt động.

+ Tham vấn Ủy ban Dân tộc (và Ban Dân tộc tỉnh địa bàn thí điểm) tỉnh về Tiểu dự án 4, Dự án 5 có nội dung là "Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp" để tham gia các khóa đào tạo về các nội dung:

- Đối với đối tượng thụ hưởng: tham gia các chuyên đề 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 (tùy theo nhu cầu và ngành nghề);
- Đối với cán bộ Hội LHPN: tham gia các chuyên đề 1, 3, 9, 10, 11, 12, 13, 14 (tùy theo nhu cầu).

+ Tham vấn Bộ Thông tin và Truyền thông (và Sở Thông tin và truyền thông) về hoạt động cụ thể của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh triển khai thí điểm nhằm lồng ghép nguồn vốn, hoạt động.

+ Tham vấn Bộ Công thương (và Sở Công thương tỉnh), Bộ KH&CN (và Sở KH&CN tỉnh) về các hoạt động và lồng ghép nguồn vốn, hoạt động.

2.2. Triển khai các hoạt động:

2.2.1. Hướng dẫn Hội LHPN các cấp triển khai Hoạt động:

- Xây dựng và cung cấp tài liệu hỗ trợ, hướng dẫn cho các địa phương triển khai Hoạt động 2.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, tư vấn kỹ thuật cho Hội LHPN các cấp (HLPN cấp tỉnh ở các địa phương tự tổ chức triển khai, HLPN các cấp ở các địa phương triển khai thí điểm) về hỗ trợ các tổ nhóm sinh kế ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh với các nội dung:

- Giới thiệu một số phương pháp tiếp cận mới: Phương pháp đào tạo đa giác quan, Phương pháp Mentoring - Cố vấn đồng hành, tiếp cận phát triển dựa trên nội lực, quản trị Tiên lượng - Thích ứng - Linh hoạt.

Ghi chú: Có thể thiết kế chương trình tập huấn hoặc cung cấp tài liệu tham khảo tuỳ nguồn lực của chương trình và các địa phương.

- Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức về lợi ích, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh trên các phương tiện thông tin đại chúng, lồng ghép vào các buổi sinh hoạt chi tổ Hội, câu lạc bộ sẵn có tại địa phương và vào các hoạt động, chương trình khác của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

Ghi chú: có thể lồng ghép với các chương trình truyền thông khác trong khuôn khổ Dự án 8 và Chương trình MTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS&MN.

2.2.2. Tổ chức triển khai thí điểm:

- Trung ương Hội LHPN Việt Nam tổ chức triển khai tại các địa bàn điểm theo nội dung và trình tự nêu trong Phần 2 của Tài liệu hướng dẫn này.

2.3. Tổng kết, báo cáo

2.3.1. Đánh giá, tổng kết:

- Chỉ đạo Hội LHPN các cấp về việc lập báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ, đột xuất để tổng hợp báo cáo trình Chính phủ về việc triển khai Hoạt động 2 nói riêng, Dự án 8 nói chung.

- Tổng hợp kết quả thực hiện Hoạt động 2 nói riêng, Dự án 8 nói chung trên địa bàn cả nước để xây dựng báo cáo trình Chính phủ và Ban Điều hành dự án 8 về việc triển khai Hoạt động 2 nói riêng, Dự án 8 nói chung.

2.3.2.Tài liệu hóa và chia sẻ bài học kinh nghiệm:

- Trung ương Hội LHPN Việt Nam tập hợp và nghiên cứu kinh nghiệm thực hiện tại các địa phương thực hiện thành công và tổ chức chia sẻ kinh nghiệm, triển khai thực hiện, tư liệu hóa, tuyên truyền, lan tỏa các kết quả và ghi nhận, biểu dương các điển hình tiêu biểu về việc triển khai Hoạt động 2 nói riêng, Dự án 8 nói chung.

3. Hội LHPN cấp tỉnh:

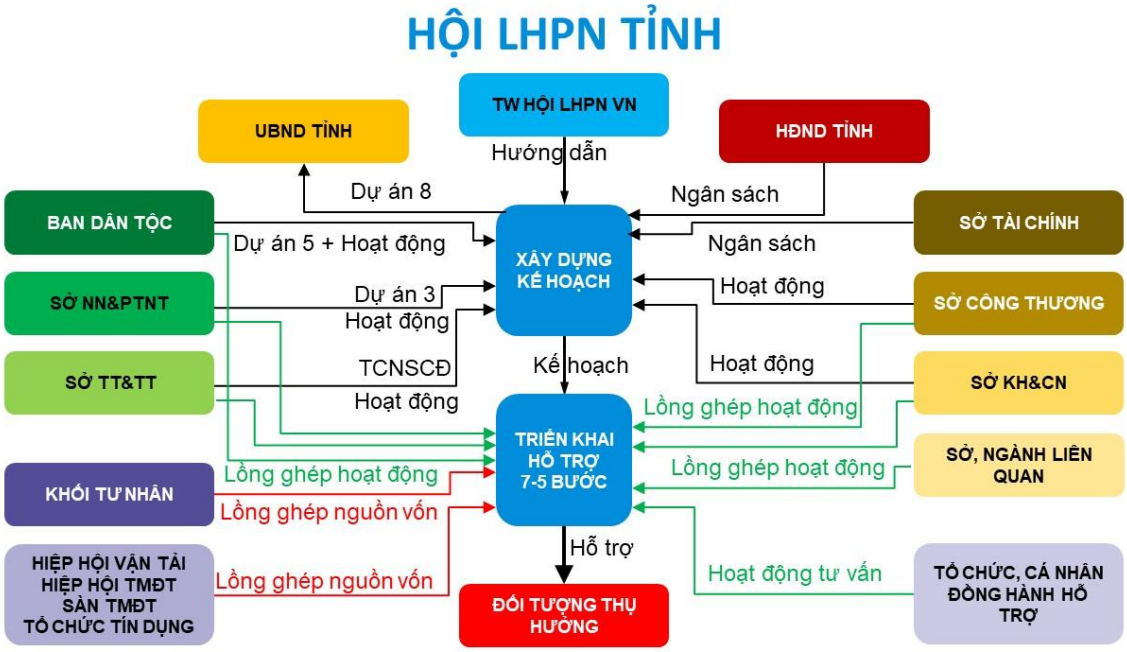

3.1. Xây dựng kế hoạch hoạt động:

Hội LHPN tỉnh triển khai xây dựng Kế hoạch cho Hoạt động 2 nằm trong Dự án 8 như sau:

- Căn cứ vào nội dung hoạt động, chỉ tiêu của Dự án giao cho tỉnh, Hội LHPN tỉnh, thành phố tham vấn Hội đồng nhân dân tỉnh và chủ động phối hợp với Sở Tài chính tham mưu phân bổ ngân sách để thực hiện Dự án 8.

- Dựa trên phân bổ ngân sách được giao, Hội LHPN tỉnh, thành phố chủ trì,

phối hợp với các Sở NN&PTNT, Ban DT, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở KH&CN, Sở Thông tin và truyền thông và các Sở ngành liên quan khác xây dựng kế hoạch thực hiện Dự án 8, trong đó có phân bổ chỉ tiêu và kế hoạch của hoạt động 2 trình UBND tỉnh phê duyệt. Một số bên cần được lưu ý tham vấn và phối hợp chặt chẽ trong quá trình xây dựng kế hoạch cho Hoạt động 2 gồm:

+ Tham vấn Ban Dân tộc tỉnh và Sở NN&PTNT về các hoạt động trong Tiểu dự án 2, Dự án 3 do Uỷ ban dân tộc phối hợp cùng với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn triển khai để tránh trùng lặp và lồng ghép nguồn vốn và hoạt động.

+ Tham vấn Ban Dân tộc tỉnh về Tiểu dự án 4, Dự án 5 có nội dung là "Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp" để tham gia các khóa đào tạo về các nội dung:

- Đối với đối tượng thụ hưởng: tham gia các chuyên đề 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 (tùy theo nhu cầu và ngành nghề);
- Đối với cán bộ Hội LHPN: tham gia các chuyên đề 1, 3, 9, 10, 11, 12, 13, 14 (tùy theo nhu cầu).

+ Tham vấn Sở Thông tin và truyền thông về hoạt động cụ thể của Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm lồng ghép nguồn vốn, hoạt động.

+ Tham vấn Sở Công thương, Sở KH&CN về các hoạt động và lồng ghép nguồn vốn, hoạt động.

3.2. Triển khai các hoạt động:

3.2.1. Công tác chuẩn bị:

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, tư vấn kỹ thuật cho Hội LHPN cấp huyện, xã về hỗ trợ các tổ nhóm sinh kế ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh với các nội dung:

+ Hướng dẫn triển khai Hoạt động 2.

+ Giới thiệu một số phương pháp tiếp cận mới: Phương pháp đào tạo đa giác quan, Phương pháp Mentoring - Cố vấn đồng hành, tiếp cận phát triển dựa trên nội lực, quản trị Tiên lượng - Thích ứng - Linh hoạt.

Ghi chú: Có thể thiết kế chương trình tập huấn hoặc cung cấp tài liệu tham khảo tuỳ nguồn lực của chương trình và các địa phương.

- Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức về lợi ích, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh, lồng ghép vào các buổi sinh hoạt chi tổ Hội, câu lạc bộ sẵn có tại địa phương và vào các hoạt động, chương trình khác của Hội LHPN tỉnh. (*Lưu ý: Có thể lồng ghép với các chương trình truyền thông của Tổ công nghệ số cộng đồng ở cấp tỉnh)*

- Để phối hợp triển khai, Hội LHPN tỉnh phân công các nhiệm vụ cụ thể cho Hội LHPN cấp huyện, xã trong quá trình triển khai Hoạt động 2 nói riêng,

Dự án 8 nói chung.

3.2.2. Tổ chức triển khai thí điểm:

- Hội LHPN cấp tỉnh tổ chức triển khai thí điểm tại các địa bàn điểm theo nội dung và trình tự nêu trong Phần 2 của Tài liệu hướng dẫn này.

3.3. Tổng kết, báo cáo

3.3.1. Đánh giá, tổng kết:

- Hội LHPN tỉnh chỉ đạo các tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ và Đối tượng thụ hưởng xây dựng Báo cáo theo *Mẫu 08 – Báo cáo công tác tư vấn* và *Mẫu 09 – Báo cáo hoàn thành*.

- Hội LHPN tỉnh chỉ đạo Hội LHPN cấp huyện, xã lập báo cáo hoạt động trình UBND cùng cấp và Hội LHPN tỉnh để tổng hợp.

- Dựa trên các báo cáo chi tiết, Hội LHPN tỉnh tổng hợp Báo cáo trình UBND Tỉnh và TW Hội LHPN Việt Nam để báo cáo.

- Quy trình và biểu mẫu đánh giá thực hiện theo Điều 5, Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban dân tộc.

3.3.2. Tài liệu hóa và chia sẻ bài học kinh nghiệm:

- Hội LHPN tỉnh tập hợp kinh nghiệm và các bài học thực hiện trên địa bàn tỉnh dựa trên Báo cáo của tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ

- Hội LHPN tỉnh triển khai công tác tài liệu hóa và tổ chức chia sẻ kinh nghiệm, các bài học, tuyên truyền và biểu dương các điển hình tiêu biểu trên địa bàn tỉnh dưới các hình thức khác nhau tùy thuộc vào nguồn lực được phân bổ và lồng ghép.

4. Hội LHPN cấp huyện:

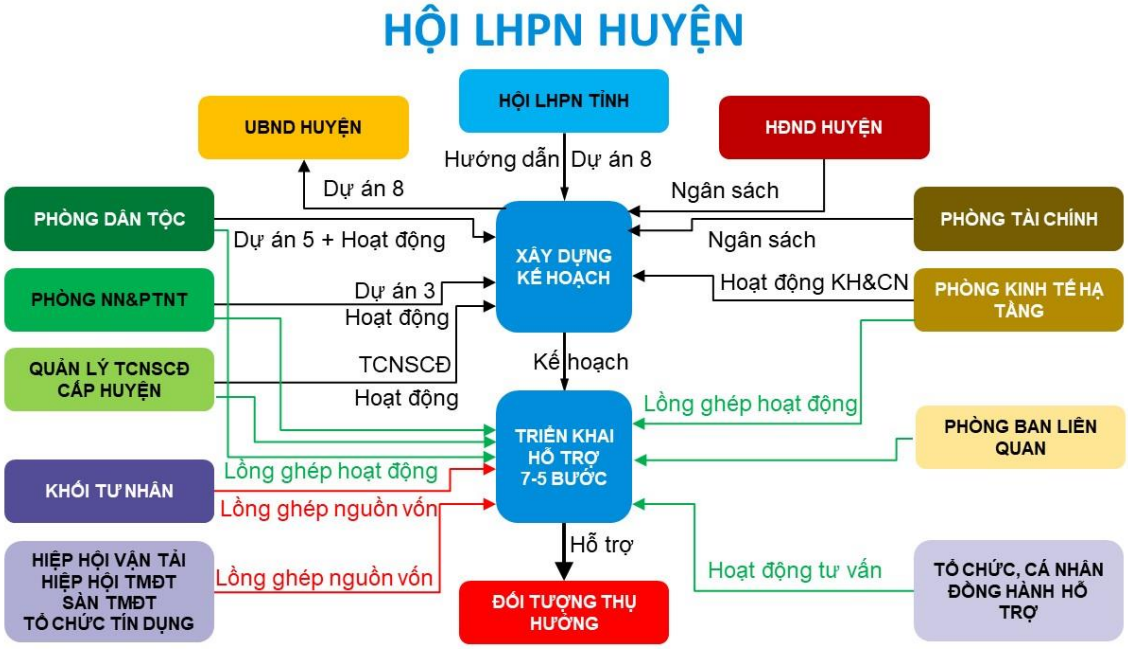

4.1. Xây dựng kế hoạch hoạt động:

Trong trường hợp được phân bổ nguồn lực thực hiện Hoạt động 2 nói riêng hoặc Dự án 8 nói chung, Hội LHPN huyện xây dựng kế hoạch hoạt động theo trình tự sau:

- Dựa trên phân bổ ngân sách được giao, Hội LHPN Huyện tham vấn Hội đồng nhân dân huyện và chủ trì, phối hợp với các Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Dân tộc, Phòng NN&PTNT và các phòng ban liên quan khác xây dựng kế hoạch thực hiện Dự án 8, trong đó có phân bổ chỉ tiêu và kế hoạch của hoạt động 2 trình UBND huyện phê duyệt. Một số bên cần được lưu ý tham vấn và phối hợp chặt chẽ trong quá trình xây dựng kế hoạch cho Hoạt động 2 gồm:

+ Tham vấn Hội LHPN chủ quản về Hoạt động của các Hội LHPN chủ quản trong Dự án 8 để tránh chồng chéo, trùng lặp.

+ Tham vấn Phòng Dân tộc và Phòng NN&PTNT về các hoạt động trong Tiểu dự án 2, Dự án 3 để tránh trùng lặp và lồng ghép nguồn vốn, hoạt động.

+ Tham vấn Phòng Dân tộc về Tiểu dự án 4, Dự án 5 có nội dung là "Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp" để tham gia các khóa đào tạo về các nội dung:

- Đối với đối tượng thụ hưởng: tham gia các chuyên đề 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 (tùy theo nhu cầu và ngành nghề).
- Đối với cán bộ Hội LHPN: tham gia các chuyên đề 1, 3, 9, 10, 11, 12, 13, 14 (tùy theo nhu cầu).

+ Tham vấn cơ quan quản lý Tổ công nghệ số cộng đồng cấp huyện nhằm lồng ghép nguồn vốn, hoạt động.

+ Tham vấn Phòng Kinh tế - Hạ tầng về các hoạt động khoa học công nghệ, công thương đang được triển khai trên địa bàn huyện, xã.

4.2. Triển khai các hoạt động:

4.2.1. Công tác chuẩn bị:

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, tư vấn kỹ thuật cho Hội LHPN cấp xã về hỗ trợ các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh với các nội dung:

+ Hướng dẫn triển khai hoạt động 2 thuộc Nội dung 2, Dự án 8.

+ Giới thiệu một số phương pháp tiếp cận mới: Phương pháp Mentoring - Cố vấn đồng hành, tiếp cận phát triển dựa trên nội lực.

Ghi chú: Có thể thiết kế chương trình tập huấn hoặc cung cấp tài liệu tham khảo tuỳ nguồn lực của chương trình và các địa phương.

- Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức về lợi ích, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh lồng ghép vào các buổi sinh hoạt

chi tổ Hội, câu lạc bộ sẵn có tại địa phương và vào các hoạt động, chương trình khác của Hội LHPN huyện.

Ghi chú: Có thể lồng ghép với các chương trình truyền thông của Tổ công nghệ số cộng đồng ở cấp Huyện.

- Để phối hợp triển khai, Hội LHPN cấp huyện phân công các nhiệm vụ cụ thể cho Hội LHPN cấp xã trong quá trình triển khai Hoạt động 2 nói riêng, Dự án 8 nói chung.

4.2.2. Tổ chức triển khai:

- Hội LHPN cấp huyện tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ theo nội dung và trình tự nêu trong Phần 2 của Tài liệu hướng dẫn này.

4.3. Tổng kết, báo cáo

4.3.1. Đánh giá, tổng kết:

- Hội LHPN huyện chỉ đạo tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ và Đối tượng thụ hưởng xây dựng Báo cáo theo *Mẫu 08 – Báo cáo công tác tư vấn* và *Mẫu 09 – Báo cáo hoàn thành*.

- Hội LHPN huyện chỉ đạo Hội LHPN xã lập báo cáo hoạt động trình UBND xã và Hội LHPN huyện để tổng hợp.

- Dựa trên các báo cáo chi tiết, Hội LHPN huyện tổng hợp Báo cáo trình UBND Huyện và Hội LHPN tỉnh để báo cáo.

- Quy trình và biểu mẫu đánh giá thực hiện theo Điều 5, Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban dân tộc.

4.3.2. Tài liệu hóa và chia sẻ bài học kinh nghiệm:

- Hội LHPN huyện tập hợp kinh nghiệm và các bài học thực hiện tại các địa phương dựa trên Báo cáo của tổ chức/cá nhân đồng hành, hỗ trợ.

- Hội LHPN huyện tổ chức chia sẻ kinh nghiệm, các bài học, tuyên truyền và biểu dương các điển hình tiêu biểu trên địa bàn tỉnh dưới các hình thức khác nhau tùy thuộc vào nguồn lực được phân bổ và lồng ghép.

- Ngoài ra, Hội LHPN huyện chủ động chia sẻ kinh nghiệm và các bài học trong các chương trình chia sẻ bài học kinh nghiệm của Hội LHPN tỉnh (nếu có).

5. Hội LHPN cấp cơ sở:

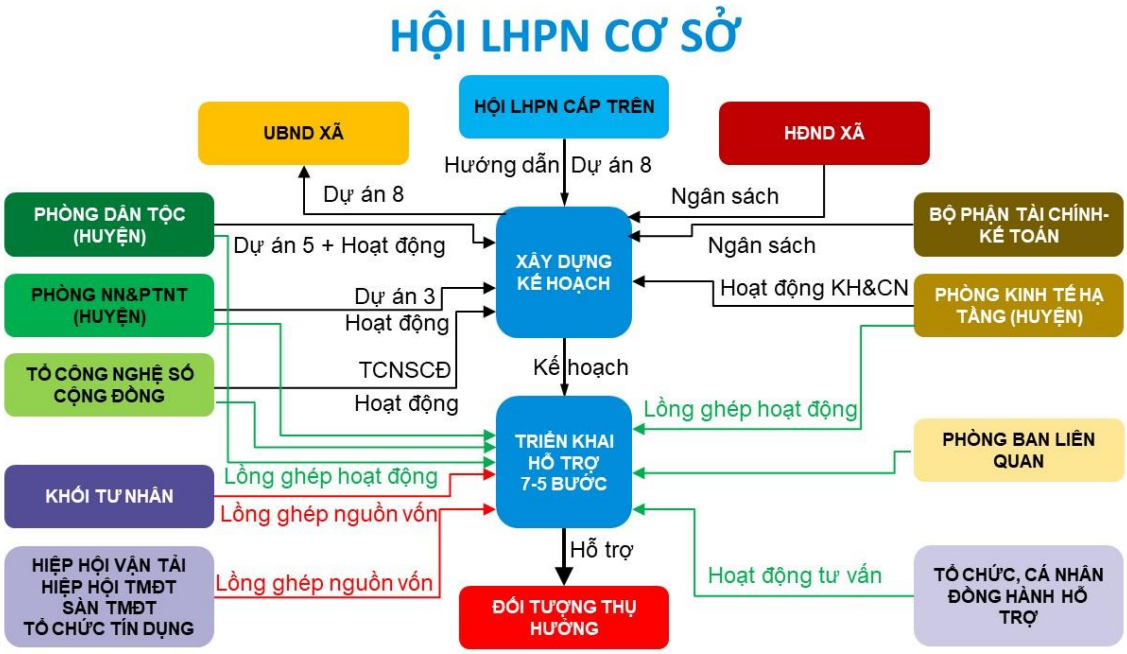

5.1. Xây dựng kế hoạch hoạt động:

Trong trường hợp được phân bổ nguồn lực thực hiện Hoạt động 2 nói riêng hoặc Dự án 8 nói chung, Hội LHPN cơ sở xây dựng kế hoạch hoạt động theo trình tự sau:

- Dựa trên phân bổ ngân sách được giao, Hội LHPN cơ sở chủ trì, phối hợp với bộ phận Tài chính - Kế toán xã và tham vấn các tổ chức, đoàn thể có liên quan để xây dựng kế hoạch thực hiện Dự án 8, trong đó có phân bổ chỉ tiêu và kế hoạch của hoạt động 2 trình UBND xã phê duyệt. Một số bên cần được lưu ý tham vấn và phối hợp chặt chẽ trong quá trình xây dựng kế hoạch cho Hoạt động 2 gồm:

+ Tham vấn Hội LHPN cấp tỉnh và cấp huyện về Hoạt động của các Hội LHPN nói trên trong Dự án 8 để tránh trùng lặp.

+ Tham vấn Phòng Dân tộc và Phòng NN&PTNT về các hoạt động trong Tiểu dự án 2, Dự án 3 để tránh trùng lặp và lồng ghép nguồn vốn, hoạt động.

+ Tham vấn Phòng Dân tộc về Tiểu dự án 4 thuộc Dự án 5 có nội dung là "Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp" để tham gia các khóa đào tạo về các nội dung:

- Đối với đối tượng thụ hưởng: tham gia các chuyên đề 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 (tùy theo nhu cầu và ngành nghề).
- Đối với cán bộ Hội LHPN: tham gia các chuyên đề 1, 3, 9, 10, 11, 12, 13, 14 (tùy theo nhu cầu).

+ Tham vấn Tổ công nghệ số cộng đồng của xã để lồng ghép nguồn vốn, hoạt động.

+ Tham vấn Phòng Kinh tế - Hạ tầng về các hoạt động khoa học công nghệ, công thương đang được triển khai trên địa bàn huyện, xã.

5.2. Triển khai các hoạt động:

5.2.1. Công tác chuẩn bị:

Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức về lợi ích, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh lồng ghép vào các buổi sinh hoạt của Hội và các chi Hội, câu lạc bộ sẵn có tại địa phương và vào các hoạt động, chương trình khác của Hội LHPN cơ sở.

Ghi chú: Có thể lồng ghép với các chương trình truyền thông của Tổ công nghệ số cộng đồng ở cấp xã và Tổ truyền thông cộng đồng.

5.2.2. Tổ chức triển khai:

Hội LHPN cấp cơ sở tổ chức triển khai hoạt động theo nội dung và trình tự nêu trong Phần 2 của Tài liệu hướng dẫn này.

5.3. Tổng kết, báo cáo

5.3.1. Đánh giá, tổng kết:

- Hội LHPN cấp cơ sở phối hợp với tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ và Đối tượng thụ hưởng xây dưng báo cáo theo *Mẫu 08 - Báo cáo công tác tư vấn* và *Mẫu 09 – Báo cáo hoàn thành*.

- Dựa trên các báo cáo, Hội LHPN cấp cơ sở tổng hợp Báo cáo trình UBND Xã và Hội LHPN Huyện để báo cáo.

- Quy trình và biểu mẫu đánh giá thực hiện theo Điều 5, Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban dân tộc.

5.3.2. Tài liệu hóa và chia sẻ bài học kinh nghiệm

- Hội LHPN cấp cơ sở tập hợp kinh nghiệm và các bài học thực hiện tại các địa phương dựa trên Báo cáo của tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ.

- Hội LHPN cấp cơ sở tổ chức chia sẻ kinh nghiệm, các bài học, tuyên truyền và biểu dương các điển hình tiêu biểu trên địa bàn tỉnh dưới các hình thức khác nhau tùy thuộc vào nguồn lực được phân bổ và lồng ghép. Ngoài ra, Hội LHPN cấp cơ sở chủ động chia sẻ kinh nghiệm và các bài học trong các chương trình chia sẻ bài học kinh nghiệm của Hội LHPN tỉnh, huyện (nếu có).

6. Công tác lập dự toán và quản lý chi phí

Công tác lập dự toán và quản lý chi phí dành cho Dự án 8 thực hiện theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 03 năm 2022 của Bộ Tài Chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Nội dung chi phí thực hiện theo Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án 8. Một số nội dung chi phí

như sau:

6.1. Công tác chuẩn bị:

- Công tác tổ chức tập huấn cho cán bộ HPN cấp huyện, xã: thực hiện theo Điều 4, mục 1, Thông tư 15/2022/TT-BTC.

6.2. Triển khai hoạt động

- Chi phí dành cho tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ (nếu có): thực hiện theo Điều 4, mục 6 Thông tư 15/2022/TT-BTC. Khoản chi phí dành cho tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ để hỗ trợ kỹ thuật cho tổ nhóm được tính vào chi phí hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng.

- Chi phí triển khai các hoạt động truyền thông: thực hiện theo Điều 4, mục 2, Thông tư 15/2022/TT-BTC.

- Chi phí khảo sát: thực hiện theo Điều 4, mục 7, Thông tư 15/2022/TT-BTC.

- Chi hỗ trợ đối tượng thụ hưởng: thực hiện theo Mục 1, Điều 39, Thông tư 15/2022/TT-BTC. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/mô hình thí điểm đã bao gồm chi phí cho tổ chức, cá nhân đồng hành, hỗ trợ. Các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ cần đối ứng phần chi phí còn lại để thực hiện, duy trì bền vững mô hình.

- Chi tổ chức các sự kiện (truyền thông, pitching,...): thực hiện theo Điều 4, mục 2, Thông tư 15/2022/TT-BTC và Luật Đấu thầu.

- Các chi phí khác thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

Phần 4
PHỤ LỤC VÀ BIỂU MẪU

Danh sách biểu mẫu: Đây là những biểu mẫu mang tính chất tham khảo, Hội LHPN các cấp vận dụng, sửa đổi trên thực tế tại địa phương.

Mẫu 1 - Khảo sát thông tin chung

Mẫu 2.1 - Hiện trạng ứng dụng công nghệ (áp dụng cho HTX)

Mẫu 2.2 - Hiện trạng ứng dụng công nghệ (áp dụng cho Tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác)

Mẫu 3 - Năng lực phát huy nội lực

Mẫu 4.1 - Năng lực quản trị (áp dụng cho HTX)

Mẫu 4.2 - Năng lực quản trị (áp dụng cho Tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác)

Mẫu 5.1 - Đề xuất sơ bộ (áp dụng cho HTX)

Mẫu 5.2 - Đề xuất sơ bộ (áp dụng cho Tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác)

Mẫu 6.1 - Đề xuất chi tiết (áp dụng cho HTX)

Mẫu 6.2 - Đề xuất chi tiết (áp dụng cho Tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác)

Mẫu 7 - Thỏa thuận hợp tác

Mẫu 8 - Báo cáo công tác tư vấn

Mẫu 9 - Báo cáo hoàn thành

Danh sách các phụ lục:

Phụ lục 01 - Tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ

Phụ lục 02 - Hướng dẫn sàng lọc đối tượng hỗ trợ

Phụ lục 03 - Hướng dẫn tổ chức thuyết minh, bảo vệ nội dung đề xuất

Phụ lục 04 - Một số tài liệu tham khảo

Mẫu 1

KHẢO SÁT THÔNG TIN CHUNG

(Áp dụng chung cho Tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, HTX)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, HTX :

....

....

2. Ngày thành lập/đăng ký kinh doanh:

....

Số đăng ký *(áp dụng cho HTX):* ....

3. Loại hình tổ chức

- ☐ Tổ nhóm sinh kế
- ☐ Tổ hợp tác
- ☐ Hợp tác xã

4. Địa chỉ đăng ký kinh doanh/thường trú:

....

....

5.Tên người điều hành/đại diện pháp luật:

....

Giới tính: ..... Dân tộc: .....

6. Tên người tham gia khảo sát:

....

Chức vụ ∨Quan hệ với lãnh đạo đơn vị: .....

Giới tính: ..... Dân tộc: .....

7. Điện thoại di động: ..... **Email**: .....

B. THÔNG TIN VỀ TỔ NHÓM SINH KẾ, TỔ HỢP TÁC, HTX

(Đánh dấu x vào các phương án lựa chọn, có thể chọn nhiều đáp án)

1. Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh

- ☐ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản

- ☐ Công nghệ chế biến, chế tạo
- ☐ Cung cấp nước; Hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải
- ☐ Bán buôn và bán lẻ;
- ☐ Dịch vụ lưu trú và ăn uống
- ☐ Giáo dục đào tạo
- ☐ Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội
- ☐ Nghệ thuật, vui chơi giải trí
- ☐ Hoạt động dịch vụ khác (ghi rõ)

2. Sản phẩm chính của Tổ nhóm sinh kế, Tổ hợp tác, HTX là gì ?

....

3. Các sản phẩm khác (nếu có)?

....

....

4. Đâu là lý do chính khiến cho anh/chị tham gia vào sản xuất kinh doanh

- ☐ Truyền thống gia đình
- ☐ Dự án kêu gọi
- ☐ Nhu cầu thị trường
- ☐ Khác (Ghi rõ) ....

5. Động lực thúc đẩy anh chị thành lập Tổ nhóm sinh kế, Tổ hợp tác, HTX là gì?

....

....

....

6. Ai là người bắt đầu ý tưởng sản xuất kinh doanh này?

- ☐ Bản thân
- ☐ Chồng/vợ
- ☐ Gia đình, anh, chị, em
- ☐ Khác (Ghi rõ)..... .....

7. Cơ sở vật chất ban đầu của đơn vị có được từ đâu?

- ☐ Không có gì
- ☐ Gia đình
- ☐ Thuê
- ☐ Nhà nước cung cấp
- ☐ Khác (Ghi rõ) ....

8. Hiện nay ai là người bỏ vốn chính cho hoạt động của tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, HTX?

Họ tên: ..... Giới tính: .....
Dân tộc: ....

Họ tên: ..... Giới tính: .....
Dân tộc: ....

Họ tên: ..... Giới tính: .....
Dân tộc: ....

Họ tên: ..... Giới tính: .....
Dân tộc: ....

Họ tên: ..... Giới tính: .....
Dân tộc: ....

Họ tên: ..... Giới tính: .....
Dân tộc: ....

Họ tên: ..... Giới tính: .....
Dân tộc: ....

9. Tổng số vốn hiện nay của Đơn vị là (VNĐ): .....

trong đó:

Vốn chủ sở hữu: ....

Vốn đi vay: ....

10. Danh sách những người tham gia quản lý trong đơn vị:

Họ tên: ..... Chức vụ: .....

Dân tộc: ..... Giới tính: .....

Họ tên: ..... Chức vụ: .....

Dân tộc: ..... Giới tính: .....

Họ tên: ..... Chức vụ: .....

Dân tộc: ..... Giới tính: .....

Họ tên: ..... Chức vụ: .....

Dân tộc: ..... Giới tính: .....

11. Số lượng thành viên của đơn vị:

Tổng số thành viên: ..... Số thành viên là phụ nữ: .....

Số thành viên nữ DTTS: ....

12. Số lao động (LĐ) chính thức trong đơn vị?

Tổng số LĐ chính thức: ..... Số LĐ là phụ nữ:.....

Số LĐ là phụ nữ DTTS:..... .....

Số LĐ địa phương:..... Số LĐ địa phương là phụ nữ: .....

Số LĐ địa phương là phụ nữ DTTS:... .....

13. Số công nhân lao động mùa vụ trong đơn vị?

Tổng số lao động mùa vụ:..... Số lao động là phụ nữ: .....

Số lao động là phụ nữ DTTS: ....

Số LĐ địa phương:..... Số LĐ địa phương là phụ nữ: .....

Số LĐ địa phương là phụ nữ DTTS:... .....

14. Doanh thu trung bình trong 3 năm gần đây nhất đạt (VNĐ/năm)?

....

15. Đơn vị/hộ gia đình của chị thường mua các yếu tố đầu vào cho sản xuất kinh doanh ở đâu?

- ☐ Huyện
- ☐ Tỉnh
- ☐ Ngoài tỉnh
- ☐ Nhập khẩu

16. Liệt kê danh sách các vật tư, sản phẩm địa phương (tại xã /huyện) đơn vị thu mua hằng năm?

Loại vật tư/sản phẩm 1:..... .....

Số lượng cần mua hàng năm: .. ..

Số lượng hộ gia đình cung cấp vật tư cho đơn vị:.....

Tên tổ chức cung cấp vật tư cho đơn vị (nếu có): .....

....

Loại vật tư/sản phẩm 2 (nếu có): ....

Số lượng cần mua hàng năm: .. ..

Số lượng hộ gia đình cung cấp vật tư cho đơn vị:.....

Tên tổ chức cung cấp vật tư cho đơn vị (nếu có): .....

....

Loại vật tư/sản phẩm 3 (nếu có): ....

Số lượng cần mua hàng năm: .. ..

Số lượng hộ gia đình cung cấp vật tư cho đơn vị:.....

Tên tổ chức cung cấp vật tư cho đơn vị (nếu có): .....

....

17. Ai là khách hàng chính của đơn vị/ hộ gia đình:

- ☐ Huyện
- ☐ Tỉnh
- ☐ Ngoài tỉnh
- ☐ Nhập khẩu

Tên khách hàng chính: ....

Tên khách hàng chính: ....

Tên khách hàng chính: ....

Tên khách hàng chính: ....

Tên khách hàng chính: ....

18. Đơn vị mong muốn gì vào năm 2024

Số công nhân lao động sẽ sử dụng: ....

Mục tiêu đặt ra về doanh thu năm 2024: .....

Thương hiệu sẽ được quảng bá ở đâu vào năm 2024:

- ☐ Huyện
- ☐ Tỉnh
- ☐ Toàn quốc
- ☐ Quốc tế

Mẫu 2.1

HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

(Mẫu áp dụng cho HTX)

Cách thức khảo sát: Khoanh tròn vào phương án lựa chọn – chỉ chọn 1 phương án mô tả chính xác nhất thực tế của đơn vị hiện nay.

1. Thương hiệu:

1) Số lượng nhãn hiệu đơn vị đã đăng ký bảo hộ:
   a) Chưa biết nhãn hiệu là gì / đăng ký như nào
   b) Hiểu biết về nhãn hiệu nhưng chưa đăng ký nhãn hiệu nào
   c) Đã đăng ký nhưng chưa được cấp văn bằng bảo hộ
   d) Đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ ít nhất 1 nhãn hiệu
2) Các hoạt động của đơn vị khi đăng ký bảo hộ nhãn hiệu:
   a) Chưa biết nhãn hiệu là gì / đăng ký như nào
   b) Thuê đơn vị tư vấn thiết kế và đăng ký nhãn hiệu
   c) Tự thiết kế nhãn hiệu và thuê đơn vị tư vấn đăng ký
   d) Tự thiết kế và tự đăng ký nhãn hiệu tại Cục Sở hữu trí tuệ

2. Đăng ký tiêu chuẩn:

1) Mức độ hiểu biết và đăng ký các tiêu chuẩn trong ngành nghề của đơn vị:
   a) Chưa biết đơn vị cần phải có các tiêu chuẩn nào
   b) Biết một số tiêu chuẩn phải có nhưng chưa thực hiện.
   c) Biết tất cả các tiêu chuẩn phải có nhưng chỉ thực hiện một số tiêu chuẩn.
   d) Có đầy đủ các tiêu chuẩn cần thiết.

   Trường hợp câu trả lời là (d) thì liệt kê các tiêu chuẩn đơn vị đã đăng ký:

   ....

   ....

   ....

   ....

   ....

   ....

3. Truy xuất nguồn gốc và tập huấn quản lý chất lượng

1) Mức độ hiểu biết và thực hiện các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc của đơn vị:

   a) Không biết và không áp dụng.

   b) Biết quy định phải thực hiện truy xuất nguồn gốc nhưng không thực hiện.

   c) Biết quy định phải thực hiện truy xuất nguồn gốc nhưng không thực hiện đầy đủ.

   d) Thực hiện đầy đủ quy định về truy xuất nguồn gốc.

Trường hợp câu trả lời là (d) thì mô tả về hệ thống truy xuất nguồn gốc của đơn vị:..... .....

....

....

....

2) Các hoạt động của đơn vị khi thực hiện truy xuất nguồn gốc:

   a) Không biết và không áp dụng.

   b) Thuê đơn vị tư vấn xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc một phần.

   c) Thuê đơn vị tư vấn xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc đầy đủ.

   d) Tự triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc đầy đủ.

3) Số lượng người trong đơn vị được tập huấn / đào tạo về quản lý chất lượng:

   a) Chưa có ai được đào tạo.

   b) 1-2 người trong đơn vị đã được đào tạo.

   c) Đa số quản lý và người lao động đã được đào tạo.

   d) Tất cả đều đã được đào tạo về quản lý chất lượng.

4. Tham gia sàn thương mại điện tử

1) Đơn vị tiến hành mua bán với khách hàng thông qua các kênh:

   a) Không mua bán với bên ngoài tỉnh

   b) Hoạt động mua bán được trao đổi qua Facebook Messenger / Zalo /Viber /Skype

   c) Hoạt động mua bán được thực hiện qua Facebook Messenger / Zalo /Viber /Skype và kênh thương mại điện tử như Shopee / Tiki / Lazada

d) Hoạt động mua bán được thực hiện qua Facebook Messenger / Zalo /Viber /Skype và kênh thương mại điện tử Shopee / Tiki / Lazada và trang web riêng có chức năng thương mại điện tử.

2) Số lượng người lao động quản lý các hoạt động thương mại điện tử:

a) Không có người chuyên trách. Người chuyên trách bán hàng kiêm nhiệm các nhiệm vụ khác hoặc Cộng tác viên.

b) Có 1 người chuyên trách bán hàng trực tuyến (Online).

c) Có 2-3 người chuyên trách bán hàng trực tuyến (Online).

d) Có phòng ban chuyên trách đảm nhiệm việc bán hàng trực tuyến (Online).

5. Các giải pháp logistic và thanh toán điện tử

1) Đơn vị vận chuyển nguyên vật liệu/hàng hóa/khách hàng bằng:

a) Không vận chuyển (khách tự đến, nguyên vật liệu bên cung cấp chở đến, hàng hóa bên thu mua tự đến chở đi)

b) Vận chuyển bằng các phương tiện công cộng không thường xuyên

c) Vận chuyển bằng phương tiện công cộng thường xuyên hoặc có đối tác vận chuyển thường xuyên

d) Có hệ thống vận tải riêng.

2) Mức độ lệ thuộc của đơn vị vào hệ thống vận tải công cộng:

a) Lệ thuộc rất cao. Đơn vị dừng hoạt động khi hệ thống vận tải công cộng đình trệ do thiếu hụt nguyên liệu/không xuất được hàng.

b) Tương đối lệ thuộc. Đơn vị có đối tác vận chuyển khác nhưng giá vận chuyển cao hơn.

c) Ít lệ thuộc. Đơn vị chủ động được nguồn nguyên liệu và đầu ra chủ yếu là trong địa bàn huyện/xã.

d) Không lệ thuộc, đơn vị có hệ thống vận tải riêng hoặc nguyên liệu và đầu ra của HTX toàn bộ nằm trong địa bàn huyện/xã.

3) Các giải pháp thanh toán mà đơn vị đang thực hiện:

a) Chỉ chấp nhận thanh toán bằng tiền mặt.

b) Chấp nhận thanh toán bằng tiền mặt và chuyển khoản.

c) Chấp nhận thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản và ví điện tử.

d) Chấp nhận thanh toán bằng thẻ thanh toán, tiền mặt, chuyển khoản và ví điện tử/cổng thanh toán điện tử.

6. Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật

1) Nguồn tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị:
   a) Không có tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ
   b) Tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ sinh sống địa phương hoặc cán bộ kỹ thuật của xã
   c) Thuê tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ cung cấp dịch vụ tư vấn theo gói
   d) Có cán bộ kỹ thuật trình độ đại học trở lên phụ trách trực tiếp tại đơn vị
2) Nguồn tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực tài chính của đơn vị:
   a) Không có tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ
   b) Tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ sinh sống địa phương hoặc cán bộ kỹ thuật của xã
   c) Thuê tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ cung cấp dịch vụ tư vấn theo gói
   d) Có cán bộ kỹ thuật trình độ đại học trở lên phụ trách trực tiếp tại đơn vị
3) Nguồn tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực marketing của đơn vị:
   a) Không có tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ
   b) Tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ sinh sống địa phương hoặc cán bộ kỹ thuật của xã
   c) Thuê tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ cung cấp dịch vụ tư vấn theo gói
   d) Có cán bộ kỹ thuật trình độ đại học trở lên phụ trách trực tiếp tại đơn vị
4) Nguồn tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực Quản trị nhân sự của đơn vị:
   a) Không có tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ
   b) Tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ hỗ trợ sinh sống địa phương hoặc cán bộ kỹ thuật của xã
   c) Thuê Tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ cung cấp dịch vụ tư vấn theo gói
   d) Có cán bộ kỹ thuật trình độ đại học trở lên phụ trách trực tiếp tại đơn vị

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT

STT	Nội dung khảo sát	Số lượng điểm				Ghi chú
		a	b	c	d	
1	Xây dựng thương hiệu					
2	Đăng ký tiêu chuẩn:					
3	Truy xuất nguồn gốc và tập huấn quản lý chất lượng					
4	Tham gia sàn thương mại điện tử					
5	Các giải pháp logistic và thanh toán điện tử					
6	Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật					
	Tổng					

Cán bộ hội LHPN thực hiện khảo sát

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 2.2

HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

(Áp dụng cho tổ nhóm sinh kế)

Cách thức khảo sát: Khoanh tròn vào phương án lựa chọn – chỉ chọn 1 phương án mô tả chính xác nhất thực tế của đơn vị hiện nay.

1. Tập huấn quản lý chất lượng

1) Số lượng người trong tổ nhóm sinh kế/tổ hợp tác đã được tập huấn / đào tạo về quản lý chất lượng:

   a) Chưa có ai được đào tạo.

   b) 1-2 người thành viên đã được đào tạo.

   c) Đa số thành viên đã được đào tạo.

   d) Tất cả thành viên đã được đào tạo về quản lý chất lượng.

2. Tham gia sàn thương mại điện tử

1) Tổ nhóm sinh kế/tổ hợp tác tiến hành mua bán với khách hàng thông qua các kênh:

   a) Không mua bán với bên ngoài

   b) Hoạt động mua bán được thảo luận qua Zalo

   c) Hoạt động mua bán được thảo luận qua Facebook Messenger / Zalo /Viber /Skype

   d) Hoạt động mua bán được thực hiện qua Facebook Messenger / Zalo /Viber /Skype và kênh thương mại điện tử như Shopee / Tiki / Lazada

2) Số lượng thành viên quản lý các hoạt động thương mại điện tử:

   a) Không có thành viên chuyên trách.

   b) Có 1 thành viên chuyên trách bán hàng trực tuyến (Online).

   c) Có 2-3 thành viên chuyên trách bán hàng trực tuyến (Online).

   d) Tất cả nhóm đều có thể phụ trách bán hàng trực tuyến (Online).

3. Các giải pháp logistic và thanh toán điện tử

1) Tổ nhóm vận chuyển nguyên vật liệu/hàng hóa/khách hàng bằng:

   a) Không vận chuyển (khách tự đến, nguyên vật liệu bên cung cấp chở, hàng hóa bên thu mua tự chở)

   b) Vận chuyển bằng các phương tiện công cộng không thường xuyên

c) Vận chuyển bằng phương tiện công cộng thường xuyên hoặc có đối tác vận chuyển thường xuyên

d) Có thành viên phụ trách vận tải.

2) Mức độ lệ thuộc của tổ nhóm vào hệ thống vận tải công cộng:

a) Lệ thuộc rất cao. Tổ nhóm dừng hoạt động khi hệ thống vận tải công cộng đình trệ do thiếu hụt nguyên liệu/không xuất được hàng.

b) Tương đối lệ thuộc. Tổ nhóm có đối tác vận chuyển khác nhưng giá vận chuyển cao hơn.

c) Ít lệ thuộc. Tổ nhóm chủ động được nguồn nguyên liệu và đầu ra chủ yến là trong địa bàn huyện/xã.

d) Không lệ thuộc, tổ nhóm có thành viên phụ trách vận tải riêng hoặc nguyên liệu và đầu ra của tổ nhóm toàn bộ nằm trong địa bàn huyện/xã.

3) Các giải pháp thanh toán mà tổ nhóm đang thực hiện:

a) Chỉ chấp nhận thanh toán bằng tiền mặt.

b) Chấp nhận thanh toán bằng tiền mặt và chuyển khoản.

c) Chấp nhận thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản và ví điện tử.

d) Chấp nhận thanh toán bằng thẻ thanh toán, tiền mặt, chuyển khoản và ví điện tử/cổng thanh toán điện tử.

4. Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật

1) Nguồn tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực hoạt động chính của tổ nhóm:

a) Không có Tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ

b) Tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ sinh sống địa phương hoặc cán bộ kỹ thuật của xã

c) Thuê Tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ cung cấp dịch vụ tư vấn theo gói

d) Trong tổ nhóm có cán bộ kỹ thuật trình độ đại học trở lên

2) Nguồn tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực tài chính của tổ nhóm:

a) Không có Tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ

b) Tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ sinh sống địa phương hoặc cán bộ kỹ thuật của xã

c) Thuê Tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ cung cấp dịch vụ tư vấn theo gói

d) Trong tổ nhóm có cán bộ kỹ thuật trình độ đại học trở lên

3) Nguồn tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực marketing của tổ nhóm:

a) Không có Tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ

b) Tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ sinh sống địa phương hoặc cán bộ kỹ thuật của xã

c) Thuê Tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ cung cấp dịch vụ tư vấn theo gói

d) Có cán bộ kỹ thuật trình độ đại học trở lên phụ trách trực tiếp tại đơn vị

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT

STT	Nội dung khảo sát	Số lượng điểm				Ghi chú
		a	b	c	d	
1	Tập huấn quản lý chất lượng					
2	Tham gia sàn thương mại điện tử					
3	Các giải pháp logistic và thanh toán điện tử					
4	Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật					
	Tổng					

Cán bộ hội LHPN thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 3

NĂNG LỰC PHÁT HUY NỘI LỰC

(Áp dụng chung cho Tổ nhóm sinh kế / Tổ hợp tác / HTX)

Cách thức khảo sát: Khoanh tròn vào phương án lựa chọn – chỉ chọn 1 phương án mô tả chính xác nhất thực tế của đơn vị hiện nay.

1) Trên 50% nguồn vốn đầu tư vào đơn vị (tổ nhóm sinh kế/ tổ hợp tác/ HTX) do:
   a) Người bên ngoài tỉnh đóng góp
   b) Người trong tỉnh đóng góp
   c) Người trong huyện đóng góp
   d) Người trong đơn vị đóng góp
2) Trên 50% nguyên liệu sản xuất của đơn vị (tổ nhóm sinh kế/ tổ hợp tác/ HTX) lấy từ:
   a) Thu mua từ tỉnh khác
   b) Trong tỉnh
   c) Trong huyện
   d) Trong xã
3) Các công việc chuyên môn phức tạp do:
   a) Thuê từ tỉnh khác (lao động chính thức / tư vấn)
   b) Người trong tỉnh phụ trách (lao động chính thức / tư vấn)
   c) Người trong huyện phụ trách (lao động chính thức / tư vấn)
   d) Người trong xã phụ trách (lao động chính thức / tư vấn)
4) Mối quan hệ của đơn vị với các tổ chức, đoàn thể xã hội tại địa phương:
   a) Không quan hệ (không có số điện thoại liên lạc)
   b) Quan hệ xã giao (có số điện thoại liên lạc)
   c) Quan hệ gắn bó (đôi khi tham gia vào các hoạt động)
   d) Quan hệ mật thiết (tham gia vào hầu hết các hoạt động của tổ chức, đoàn thể xã hội tại địa phương)
5) Số lượng đối tác (đối tác cung ứng/đối tác cùng ngành nghề) trong địa bàn huyện:
   a) Không có đối tác

b) Có 1-2 đối tác

c) Có 3-4 đối tác

d) Có >5 đối tác

6) Ý tưởng kinh doanh của đơn vị đến từ:

a) Ý tưởng cá nhân

b) Ý tưởng của gia đình

c) Ý tưởng chung của cả đơn vị

d) Ý tưởng chung của cả đơn vị kết hợp với các điểm mạnh truyền thống của địa phương

---

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT

STT	Nội dung khảo sát	Số lượng điểm				Ghi chú
		a	b	c	d	
1	Năng lực phát huy nội lực					
	Tổng					

Cán bộ hội LHPN thực hiện khảo sát

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 4.1

NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

(Áp dụng cho Hợp tác xã)

Cách thức khảo sát: Khoanh tròn vào phương án lựa chọn – chỉ chọn 1 phương án mô tả chính xác nhất thực tế của đơn vị hiện nay.

1. Sứ mệnh và tầm nhìn:

1) Nhận xét về Sứ mệnh - Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi của HTX:

a) Không hiểu Sứ mệnh - Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi là gì

b) Hiểu nhưng chưa xây dựng Sứ mệnh - Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi của HTX

c) Có nhưng không rõ ràng cụ thể

d) Có, rõ ràng cụ thể

Nếu chọn phương án d) thì nêu rõ:

Sứ mệnh ....

....

Tầm nhìn ....

....

Giá trị cốt lõi ....

....

2) Số lượng thành viên hiểu biết về Sứ mệnh - Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi của HTX:

a) KHÔNG

b) MỘT SỐ thành viên

c) ĐA SỐ thành viên

d) TẤT CẢ thành viên

3) Truyền thông về Sứ mệnh - Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi của HTX:

a) KHÔNG có Sứ mệnh - Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi

b) Có Sứ mệnh - Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi nhưng KHÔNG được tài liệu hóa và truyền thông rộng rãi

c) Được tài liệu hóa nhưng KHÔNG truyền thông rộng rãi

d) Được tài liệu hóa và truyền thông rộng rãi

2. Năng lực lãnh đạo

1) Đánh giá về năng lực lãnh đạo HTX

a) KHÔNG xây dựng văn hóa kinh doanh của HTX

b) Tổ chức khá tốt trong việc duy trì văn hóa kinh doanh của HTX

c) Tổ chức khá tốt trong việc duy trì và phát triển văn hóa kinh doanh của HTX

d) Tích cực và tổ chức tốt trong việc duy trì và phát triển văn hóa kinh doanh của HTX

2) Đánh giá về kỹ năng quản lý của lãnh đạo HTX:

a) Thiếu hụt các kỹ năng quản lý và không biết kỹ năng quản lý nào là cần thiết.

b) Khá rõ ràng về các kỹ năng quản lý cần thiết và đánh giá được sự chênh lệch về kỹ năng giữa những người lao động trong HTX; KHÔNG có hoạt động nào được thực hiện để cải thiện kỹ năng của quản lý và của người lao động.

c) Khá rõ ràng về các kỹ năng quản lý cần thiết và đánh giá được sự chênh lệch về kỹ năng giữa những người lao động trong HTX; có một số hoạt động để cải thiện kỹ năng của quản lý hoặc của người lao động.

d) Rất rõ ràng về các kỹ năng quản lý cần thiết và đánh giá được sự chênh lệch về kỹ năng giữa những người lao động trong HTX; thường xuyên có các hoạt động để cải thiện kỹ năng cho cả quản lý lẫn người lao động.

3) Tinh thần đồng đội trong HTX:

a) KHÔNG được nêu ra/đề cao trong HTX.

b) Được nêu ra và đề cao; KHÔNG có hoạt động nào cụ thể để xây dựng tinh thần đồng đội.

c) Được nêu ra và đề cao trong văn hóa kinh doanh của HTX; CÓ một vài hoạt động cụ thể để xây dựng tinh thần đồng đội.

d) Tôn vinh tinh thần đồng đội, CÓ hoạt động xây dựng tinh thần đồng đội định kỳ.

4) Mức độ tự tin của người lao động khi được ủy quyền:

a) KHÔNG được ủy quyền.

b) DO DỰ khi được ủy quyền, KHÔNG thảo luận về các nội dung ủy quyền.

c) TỰ TIN tiếp nhận ủy quyền, KHÔNG thảo luận về các nội dung ủy quyền.

d) TỰ TIN tiếp nhận ủy quyền, thảo luận CỞI MỞ về các nội dung ủy quyền.

5) Mối quan hệ trong nhóm quản lý:

a) KHÔNG đạt được sự nhất trí trong các cuộc họp. Thực hiện công việc theo chỉ đạo.

b) Chia sẻ một tầm nhìn chung, nhưng KHÓ đạt được sự nhất trí trong các cuộc họp.

c) Sự hợp tác tốt giữa các thành viên trong nhóm quản lý tạo ra một môi trường tin cậy, nơi người lao động cảm thấy tự tin để hoàn thành trách nhiệm.

d) Sự hợp tác tuyệt vời giữa các thành viên trong nhóm quản lý tạo ra sức mạnh tổng hợp.

6) Số lượng thành viên và người lao động hiểu rõ Nội dung của Kế hoạch chiến lược của HTX:

a) KHÔNG có Kế hoạch chiến lược

b) MỘT SỐ thành viên và người lao động

c) ĐA SỐ thành viên và người lao động

d) TẤT CẢ thành viên và người lao động

3. Hệ thống

1) HTX có sơ đồ và cơ cấu tổ chức và phân chia bộ phận rõ ràng cho:

a) KHÔNG có sơ đồ và cơ cấu tổ chức

b) MỘT SỐ bộ phận có mô tả chức năng, nhiệm vụ

c) ĐA SỐ bộ phận có mô tả chức năng, nhiệm vụ

d) TẤT CẢ bộ phận có mô tả chức năng, nhiệm vụ

2) Số lượng người lao động hiểu rõ vai trò chức năng và nhiệm vụ của mình và đồng nghiệp:

a) KHÔNG có người lao động hiểu rõ

b) MỘT SỐ người lao động hiểu rõ

c) ĐA SỐ người lao động hiểu rõ

d) TẤT CẢ người lao động hiểu rõ

3) Số lượng thành viên trong Ban quản trị (BQT) có chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với sứ mệnh và hoạt động của tổ chức:

a) KHÔNG có Ban quản trị

b) MỘT SỐ thành viên BQT hiểu rõ

c) ĐA SỐ thành viên BQT hiểu rõ

d) TẤT CẢ thành viên BQT hiểu rõ

4) Số lượng các quy trình hoạt động được soạn thảo/in:

a) KHÔNG có quy trình/trao đổi miệng

b) MỘT SỐ quy trình được soạn thảo/in

c) ĐA SỐ quy trình được soạn thảo/in

d) TẤT CẢ quy trình được soạn thảo/in

5) Lịch làm việc được lập trước cho:

a) KHÔNG có lịch làm việc lập sẵn

b) Có lịch làm việc cho NGÀY MAI

c) Có lịch làm việc cho TUẦN SAU

d) Có lịch làm việc cho THÁNG SAU

6) Tần suất thực thi kế hoạch bảo trì:

a) KHÔNG có kế hoạch bảo trì

b) Có kế hoạch bảo trì nhưng KHÔNG thực thi

c) Có kế hoạch bảo trì nhưng HIẾM KHI thực thi

d) LUÔN thực thi kế hoạch bảo trì

4. Quản lý tài chính:

1) Người phụ trách công tác tài chính kế toán:

a) KHÔNG có người phụ trách tài chính kế toán

b) Người phụ trách tài chính kế toán BÁN THỜI GIAN có chuyên môn CƠ BẢN

c) Người phụ trách tài chính kế toán BÁN THỜI GIAN có chuyên môn TỐT

d) Người phụ trách tài chính kế toán TOÀN THỜI GIAN có chuyên môn TỐT

2) Nội dung của Báo cáo tài chính phản ánh:

a) KHÔNG đọc / KHÔNG hiểu Báo cáo tài chính

b) Báo cáo tài chính KHÔNG phản ánh hoạt động của HTX

c) Báo cáo tài chính phản ánh MỘT PHẦN hoạt động của HTX

d) Báo cáo tài chính phản ánh CHÍNH XÁC hoạt động của HTX

3) Tần suất cập nhật Hệ thống quản lý tài chính (phần mềm và công nghệ được các tổ chức sử dụng để kết nối, lưu trữ và báo cáo về tài sản, thu nhập và chi phí):

a) KHÔNG có Hệ thống quản lý tài chính

b) Có nhưng ít cập nhật (1-2 lần/năm)

c) Thường xuyên cập nhật (1-2 lần / tháng)

d) Thường xuyên cập nhật (hàng ngày).

4) Khi nhận thông báo sẽ phải cắt giảm chi phí 10% mà không làm ảnh hưởng đến hoạt động của HTX, Ban quản trị sẽ:

a) KHÔNG xác định được cái gì có thể cắt giảm

b) Xác định được MỘT SỐ chi phí có thể cắt giảm

c) Xác định được ĐA SỐ chi phí có thể cắt giảm

d) Xác định được TẤT CẢ chi phí có thể cắt giảm

5) Phương thức ghi chép thu chi hằng ngày của HTX:

a) KHÔNG ghi chép

b) Ghi chép vào SỔ TAY

c) Ghi chép bằng SỔ KẾ TOÁN

d) Sử dụng Phần mềm để ghi chép

6) Trong trường hợp không có doanh thu, HTX có đủ nguồn lực để hoạt động trong:

a) DỪNG hoạt động

b) 6 tháng

c) 1 năm

d) 2 năm

5. Quản lý nhân sự

1. Số lượng người lao động có bản Mô tả công việc chi tiết và được lưu hồ sơ:

a) KHÔNG có bản Mô tả công việc

b) MỘT SỐ người lao động có bản Mô tả công việc

c) ĐA SỐ người lao động có bản Mô tả công việc

d) TẤT CẢ người lao động có bản Mô tả công việc

2. Số lượng vị trí chủ chốt về kỹ thuật, quản lý, hành chính, tài chính được bổ nhiệm cho những người có chuyên môn và kỹ năng:

a) KHÔNG có vị trí chủ chốt nào

b) MỘT SỐ vị trí chủ chốt

c) ĐA SỐ vị trí chủ chốt

d) TẤT CẢ vị trí chủ chốt

3. Tỷ lệ người lao động nghỉ việc hoặc gặp vấn đề khi tham gia vào HTX:

a) CAO (>50%).

b) TRUNG BÌNH (30%-50%)

c) THẤP (10%-30%)

d) RẤT THẤP (<10%)

4. Tần suất Quản lý đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động:

a) 1 năm 1 lần.

b) 1 quý 1 lần

c) 1 tháng 1 lần

d) Hàng tuần

5. Hình thức Quản lý đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động:

a) Không đánh giá.

b) Quản lý đánh giá không có sự tham gia của người lao động, không có kế hoạch phát triển năng lực cho người lao động

c) Quản lý đánh giá với sự tham gia của người lao động, không có kế hoạch phát triển năng lực cho người lao động

d) Quản lý đánh giá với sự tham gia của người lao động, có kế hoạch phát triển năng lực cho người lao động

6. Số lượng người lao động được đào tạo định kỳ về chuyên môn:

a) KHÔNG có chính sách đào tạo.

b) Đào tạo MỘT LẦN khi tham gia tổ chức

c) MỘT SỐ người lao động được đào tạo định kỳ

d) ĐA SỐ người lao động được đào tạo định kỳ

6. Marketing

1) Nội dung của Chiến lược Marketing:

a) KHÔNG có chiến lược Marketing

b) KHÔNG nhấn vào điểm độc đáo trong sản phẩm/dịch vụ

c) Nhấn vào MỘT SỐ điểm độc đáo trong sản phẩm/dịch vụ.

d) Nhấn mạnh TẤT CẢ các độc đáo trong sản phẩm/dịch vụ.

2) Số lượng người lao động hiểu rõ điểm độc đáo trong sản phẩm/dịch vụ của HTX:

a) KHÔNG ai hiểu rõ

b) MỘT SỐ người lao động hiểu rõ

c) ĐA SỐ người lao động hiểu rõ

d) TẤT CẢ người lao động hiểu rõ

3) Nội dung của Kế hoạch truyền thông:

a) KHÔNG có Kế hoạch truyền thông

b) Kế hoạch truyền thông sơ sài, không có lịch cụ thể, không bám sát Chiến lược truyền thông

c) Kế hoạch truyền thông có lịch cụ thể theo quý, bám theo Chiến lược truyền thông, chưa có ngân sách cụ thể.

d) Kế hoạch truyền thông có lịch cụ thể, chi tiết theo tuần, bám theo Chiến lược truyền thông và gắn với ngân sách.

4) Đánh giá về Người phụ trách truyền thông:

a) KHÔNG có người chuyên trách về truyền thông

b) Có người phụ trách BÁN THỜI GIAN về truyền thông

c) Có người phụ trách TOÀN THỜI GIAN phụ trách truyền thông

d) Có người phụ trách TOÀN THỜI GIAN và có CHUYÊN MÔN phụ trách truyền thông

5) Triển khai Marketing 0 đồng:

a) KHÔNG hiểu Marketing 0 đồng là gì

b) Hiểu rõ nhưng KHÔNG thực hiện

c) Thực hiện MỘT SỐ biện pháp Marketing 0 đồng.

d) Thực hiện TẤT CẢ các biện pháp Marketing 0 đồng

6) Nội dung của Phân khúc khách hàng:

a) KHÔNG rõ Phân khúc khách hàng là gì

b) KHÔNG xác định được Phân khúc khách hàng của sản phẩm/dịch vụ của HTX

c) Phân khúc khách hàng được xác định chung chung, chưa chi tiết

d) Phân khúc khách hàng được xác định chi tiết, cụ thể

7. Bán hàng

1) Kế hoạch bán hàng và việc triển khai:

e) KHÔNG có kế hoạch bán hàng

f) CÓ kế hoạch bán hàng nhưng KHÔNG thực hiện

g) Thực hiện MỘT PHẦN kế hoạch bán hàng.

h) Thực hiện đúng theo kế hoạch bán hàng.

2) Mức độ áp dụng quy trình và kịch bản bán hàng:

a) KHÔNG có quy trình và kịch bản bán hàng

b) CÓ quy trình và kịch bản bán hàng nhưng không in ra, không áp dụng

c) Chỉ có số ít người phụ trách bán hàng áp dụng

d) TẤT CẢ người phụ trách bán hàng hiểu và áp dụng quy trình, kịch bản bán hàng

3) Số lần đào tạo kỹ năng bán hàng cho người phụ trách bán hàng:

e) KHÔNG đào tạo

f) Đào tạo 1 lần khi vào làm việc

g) Đào tạo định kỳ 1 lần hằng năm.

h) Đào tạo định kỳ trên 1 lần hằng năm.

4) Phương pháp ghi chép hoạt động mua hàng của từng khách hàng:

a) Không ghi chép cụ thể tên khách hàng trong mỗi lần mua hàng

b) Có ghi chép cụ thể tên của khách hàng trong mỗi lần mua hàng vào sổ

c) Ghi chép cụ thể tên của khách hàng trong mỗi lần mua hàng vào sổ dành riêng cho kế toán hoặc sử dụng phần mềm bảng tính Excel

d) Sử dụng phần mềm bán hàng chuyên dụng để ghi chép

5) Lịch họp để sửa chữa các sai sót được ghi nhận trong quá trình bán hàng:
   a) KHÔNG ghi chép các sai sót trong quá trình bán hàng
   b) GHI CHÉP nhưng không họp xử lý
   c) GHI CHÉP và họp xử lý vào cuối tháng hoặc cuối năm
   d) GHI CHÉP và họp xử lý vào cuối ngày, cuối tuần, hoặc xử lý ngay lập tức.
6) Đánh giá hiệu quả bán hàng của Bộ phận bán hàng theo lịch:
   e) KHÔNG đánh giá
   f) Đánh giá theo năm (mỗi năm 1 lần)
   g) Đánh giá theo quý (mỗi quý 1 lần)
   h) Đánh giá theo tháng hoặc tuần (mỗi tháng hoặc mỗi tuần 1 lần)

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT

STT	**Nội dung khảo sát**	**Số lượng điểm**				**Ghi chú**
		a	**b**	**c**	**d**	
1	Sứ mệnh và tầm nhìn					
2	Năng lực lãnh đạo					
3	Hệ thống					
4	Tài chính					
5	Nhân sự					
6	Marketing					
7	Bán hàng					
	Tổng					

Cán bộ hội LHPN thực hiện khảo sát **Đại diện đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu 4.2

NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

(Áp dụng cho Tổ nhóm sinh kế / Tổ hợp tác)

Cách thức khảo sát: Khoanh tròn vào phương án lựa chọn – chỉ chọn 1 phương án mô tả chính xác nhất thực tế của đơn vị hiện nay.

1. Nhận xét về Mục tiêu chung của Tổ nhóm:
    a) Không hiểu Mục tiêu chung của tổ nhóm là gì
    b) Hiểu nhưng chưa xây dựng Mục tiêu chung của tổ nhóm
    c) Có nhưng không rõ ràng cụ thể
    d) Có, rõ ràng cụ thể
2. Số lượng thành viên hiểu biết về Mục tiêu chung của tổ nhóm:
    a) KHÔNG.
    b) MỘT SỐ thành viên.
    c) ĐA SỐ thành viên.
    d) TẤT CẢ thành viên.
3. Số lượng các thành viên hiểu rõ Nội dung của Kế hoạch của tổ nhóm:
    a) KHÔNG có Kế hoạch
    b) MỘT SỐ thành viên
    c) ĐA SỐ thành viên
    d) TẤT CẢ thành viên
4. Lịch làm việc được lập trước cho:
    a) KHÔNG có lịch làm việc lập sẵn
    b) Có lịch làm việc cho NGÀY MAI
    c) Có lịch làm việc cho TUẦN SAU
    d) Có lịch làm việc cho THÁNG SAU
5. Tinh thần đồng đội trong tổ nhóm:
    a) KHÔNG được nêu ra/đề cao trong tổ nhóm.
    b) Được nêu ra và đề cao; KHÔNG có hoạt động nào cụ thể để xây dựng tinh thần đồng đội.

c) Được nêu ra và đề cao trong tổ nhóm; CÓ một vài hoạt động cụ thể để xây dựng tinh thần đồng đội.

d) Tôn vinh tinh thần đồng đội, CÓ hoạt động xây dựng tinh thần đồng đội định kỳ.

6. Phương thức ghi chép thu chi hằng ngày của tổ nhóm:
   a) KHÔNG ghi chép
   b) Ghi chép vào SỔ TAY
   c) Ghi chép bằng SỔ KẾ TOÁN
   d) Sử dụng Phần mềm để ghi chép
7. Số lượng thành viên được đào tạo định kỳ về chuyên môn:
   a) KHÔNG được đào tạo
   b) Đào tạo MỘT LẦN khi tham gia tổ nhóm
   c) MỘT SỐ thành viên được đào tạo định kỳ
   d) ĐA SỐ thành viên được đào tạo định kỳ
8. Số lượng thành viên hiểu rõ điểm độc đáo trong sản phẩm/dịch vụ của tổ nhóm:
   a) KHÔNG ai hiểu rõ
   b) MỘT SỐ thành viên hiểu rõ
   c) ĐA SỐ thành viên hiểu rõ
   d) TẤT CẢ thành viên hiểu rõ
9. Đánh giá về thành viên phụ trách marketing:
   a) KHÔNG có thành viên chuyên trách về truyền thông
   b) Có thành viên đảm nhiệm nhưng không có chuyên môn
   c) Có thành viên đảm nhiệm nhưng mới qua đào tạo cơ bản
   d) Có thành viên đảm nhiệm được đào tạo đầy đủ về marketing
10. Triển khai Marketing 0 đồng:
   a) KHÔNG hiểu Marketing 0 đồng là gì
   b) Hiểu rõ nhưng KHÔNG thực hiện
   c) Thực hiện MỘT SỐ biện pháp Marketing 0 đồng.
   d) Thực hiện TẤT CẢ các biện pháp Marketing 0 đồng
11. Nội dung của Phân khúc khách hàng:

a) KHÔNG rõ Phân khúc khách hàng là gì
b) KHÔNG xác định được Phân khúc khách hàng của sản phẩm/dịch vụ của tổ nhóm.
c) Phân khúc khách hàng được xác định chung chung, chưa chi tiết
d) Phân khúc khách hàng được xác định chi tiết, cụ thể

12.Kế hoạch bán hàng và việc triển khai:

a) KHÔNG có kế hoạch bán hàng
b) CÓ kế hoạch bán hàng nhưng KHÔNG thực hiện
c) Thực hiện MỘT PHẦN kế hoạch bán hàng.
d) Thực hiện đúng theo kế hoạch bán hàng.

13.Số lần đào tạo kỹ năng bán hàng cho thành viên:

a) KHÔNG đào tạo
b) Đào tạo 1 lần khi vào tổ nhóm
c) Đào tạo định kỳ 1 lần hằng năm.
d) Đào tạo định kỳ trên 1 lần hằng năm.

14.Phương pháp ghi chép hoạt động mua hàng của từng khách hàng:

a) Không ghi chép cụ thể tên khách hàng trong mỗi lần mua hàng
b) Có ghi chép cụ thể tên của khách hàng trong mỗi lần mua hàng vào sổ
c) Ghi chép cụ thể tên của khách hàng trong mỗi lần mua hàng vào sổ dành riêng cho kế toán hoặc sử dụng phần mềm bảng tính Excel
d) Sử dụng phần mềm bán hàng chuyên dụng để ghi chép

15.Lịch họp để sửa chữa các sai sót được ghi nhận trong quá trình hoạt động:

a) KHÔNG ghi chép các sai sót trong quá trình hoạt động
b) GHI CHÉP nhưng không họp xử lý
c) GHI CHÉP và họp xử lý vào cuối tháng hoặc cuối năm
d) GHI CHÉP và họp xử lý vào cuối ngày, cuối tuần, hoặc xử lý ngay lập tức.

16.Đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ nhóm theo lịch:

a) KHÔNG đánh giá
b) Đánh giá theo năm (mỗi năm 1 lần)
c) Đánh giá theo quý (mỗi quý 1 lần)

d) Đánh giá theo tháng hoặc tuần (mỗi tháng hoặc mỗi tuần 1 lần)

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT

STT	Nội dung khảo sát	Số lượng điểm				Ghi chú
		a	b	c	d	
1	Năng lực quản trị trong tổ nhóm					

Cán bộ hội LHPN thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Tổ nhóm
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 5.1

ĐỀ XUẤT SƠ BỘ

(Áp dụng cho Hợp tác xã)

Tên người lập: ....

Số CMND/CCCD: ....

Địa chỉ: ....

Số điện thoại (ghi số đăng ký sử dụng Zalo nếu có): .....

Đại diện cho HTX: ....

Số ĐKKD của HTX: ....

Chức vụ trong HTX: ....

Tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật và đề xuất được hỗ trợ các nội dung sau:

1) Xây dựng thương hiệu [(1)]: ....

   ....

   Ngân sách cần thiết dự kiến[(2)]:.... .....

   Khả năng đối ứng của đơn vị [(3)]:. .....

2) Đăng ký các tiêu chuẩn [(4)]: ....

   ....

   ....

   Ngân sách cần thiết dự kiến[(2)]:.... .....

   Khả năng đối ứng của đơn vị [(3)]:. .....

3) Xây dựng truy xuất nguồn gốc và tập huấn quản lý chất lượng [(5)]:

   ....

   ....

   Ngân sách cần thiết dự kiến[(2)]: ... .

   Khả năng đối ứng của đơn vị [(3)]: .....

4) Hỗ trợ tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử [(6)]:

   ....

   ....

   Ngân sách cần thiết dự kiến[(2)]:.... .....

Khả năng đối ứng của đơn vị [3]: .....

5) Giới thiệu và kết nối với các giải pháp logistic và thanh toán điện tử [7]:

....

....

Ngân sách cần thiết dự kiến[2]: ... .

Khả năng đối ứng của đơn vị [3]: .....

6) Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật [8]:

....

....

Ngân sách cần thiết dự kiến[2]: ... .

Khả năng đối ứng của đơn vị [3]: .....

Người lập đề xuất

(Ký, ghi rõ họ tên)

---

(1): Nêu rõ thương hiệu cần đăng ký, đại diện cho các sản phẩm nào, sản phẩm có phải là sản phẩm chính của đơn vị không.

(2): Nếu chưa xác định được Ngân sách cần thiết thì để trống.

(3): Đơn vị phải nêu rõ mức đối ứng nếu được hỗ trợ.

(4): Nêu các tiêu chuẩn cần hỗ trợ đăng ký (ví dụ như Tiêu chuẩn VSATTP, Tiêu chuẩn homestay ASEAN,...).

(5): Nêu rõ sản phẩm nào cần đăng ký truy xuất nguồn gốc. Nêu rõ cần tập huấn quản lý chất lượng cho bao nhiêu người, làm về lĩnh vực nào.

(6): Nêu rõ các sàn thương mại điện tử muốn tham gia.

(7): Nêu rõ cần vận chuyển hàng hóa gì, khối lượng bao nhiêu, chuyển đi đâu; các phương thức thanh toán điện tử đơn vị muốn được hướng dẫn sử dụng (cổng thanh toán, ví điện tử,...).

(8): Nêu rõ các vấn đề kỹ thuật mà đơn vị có mong muốn được tư vấn / đào tạo / cung cấp giải pháp xử lý.

Mẫu 5.2

ĐỀ XUẤT SƠ BỘ

(Áp dụng cho tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác)

Tên người lập: ....

Số CMND: ....

Địa chỉ: ....

Số điện thoại (ghi số đăng ký sử dụng Zalo nếu có): .....

Số thành viên của tổ nhóm:..... .....

Thuộc dân tộc: ....

Tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật và đề xuất được hỗ trợ các nội dung sau:

1) Tập huấn quản lý chất lượng [(1)]:

....

Ngân sách cần thiết dự kiến[(2)]: ... .

Khả năng đối ứng của đơn vị [(3)]: .....

2) Hỗ trợ tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử [(4)]:

....

....

....

Ngân sách cần thiết dự kiến[(2)]: ... .

Khả năng đối ứng của đơn vị [(3)]: .....

3) Giới thiệu và kết nối với các giải pháp logistic và thanh toán điện tử [(5)]:

....

....

....

Ngân sách cần thiết dự kiến[(2)]: ... .

Khả năng đối ứng của đơn vị [(3)]:. .....

4) Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật [(6)]:

....

....

Ngân sách cần thiết dự kiến[2]: ... .

Khả năng đối ứng của đơn vị [3]: .....

Người lập đề xuất

(Ký, ghi rõ họ tên)

---

(1): Nêu rõ cần tập huấn quản lý chất lượng cho bao nhiêu người, làm về lĩnh vực nào.

(2): Nếu chưa xác định được Ngân sách cần thiết thì để trống.

(3): Đơn vị phải nêu rõ mức đối ứng nếu được hỗ trợ.

(4): Nêu rõ các sàn thương mại điện tử muốn tham gia

(5): Nêu rõ cần vận chuyển hàng hóa gì, đi đâu; Nêu rõ các phương thức thanh toán điện tử mà các thành viên tổ nhóm muốn được hướng dẫn sử dụng (cổng thanh toán, ví điện tử,...)

(6): Nêu rõ các vấn đề kỹ thuật mà các thành viên tổ nhóm có mong muốn được tư vấn / đào tạo / cung cấp giải pháp xử lý.

Mẫu 6.1

ĐỀ XUẤT CHI TIẾT

(Áp dụng cho Hợp tác xã)

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên người lập: ....

Số CMND/CCCD: ....

Địa chỉ: ....

Số điện thoại (ghi số đăng ký sử dụng Zalo nếu có): .....

Đại diện cho HTX: ....

Số ĐKKD của HTX: ....

Chức vụ trong HTX: ....

II. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT

Thay mặt HTX, tôi đề xuất được hỗ trợ các nội dung sau:

1) Xây dựng thương hiệu [(1)]: ....

....

....

Ngân sách cần thiết dự kiến[(2)]: ... .

Khả năng đối ứng của đơn vị [(3)]: .....

Các tác động dự kiến [(4)]: ....

....

....

Chỉ tiêu đo lường tác động [(5)]: ... .

....

....

Đăng ký các tiêu chuẩn [(6)]:..... .....

....

....

Ngân sách cần thiết dự kiến[(2)]: ... .

Khả năng đối ứng của đơn vị [(3)]: .....

Các tác động dự kiến [(4)]: ....

....

Chỉ tiêu đo lường tác động [5]: ....

....

2) Xây dựng truy xuất nguồn gốc và tập huấn quản lý chất lượng [7]:

....

....

Ngân sách cần thiết dự kiến[2]: ... .

Khả năng đối ứng của đơn vị [3]: .....

Các tác động dự kiến [4]: ....

....

....

Chỉ tiêu đo lường tác động [5]: ... .

....

....

3) Hỗ trợ tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử [8]:

....

....

Ngân sách cần thiết dự kiến[2]: ... .

Khả năng đối ứng của đơn vị [3]: .....

Các tác động dự kiến [4]: ....

....

....

Chỉ tiêu đo lường tác động [5]: ... .

....

....

4) Giới thiệu và kết nối với các giải pháp logistic và thanh toán điện tử [9]:

....

....

Ngân sách cần thiết dự kiến[2]: ... .

Khả năng đối ứng của đơn vị [3]: .....

Các tác động dự kiến [4]: ....

....

Chỉ tiêu đo lường tác động [5]: ... .

....

....

Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật [10]:

....

....

....

Ngân sách cần thiết dự kiến[2]: ... .

Khả năng đối ứng của đơn vị [3]: .....

Các tác động dự kiến [4]: ....

....

....

Chỉ tiêu đo lường tác động [5]: ... .

....

....

III. CAM KẾT CỦA HỢP TÁC XÃ:

Thay mặt HTX, tôi cam kết rằng: ....

....

....

1. Tất cả các nội dung nêu trên là đúng sự thật. Tất cả các đề xuất phản ánh đúng mong muốn được hỗ trợ của Hợp tác xã.

2. Tôi cam kết mình đã hiểu rõ các nội dung đề xuất hỗ trợ, các tác động dự kiến sẽ xảy ra với Hợp tác xã khi được hỗ trợ.

3. Tôi cam kết sẽ sử dụng các hỗ trợ đúng như bản đề xuất này và đúng như tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ của dự án đã hướng dẫn.

4. Tôi cam kết sẽ không sử dụng các hỗ trợ và bất cứ một mục đích nào khác ngoại trừ các mục đích đã nêu trong đề xuất này.

5. Trong trường hợp không sử dụng đến hoặc sử dụng sai mục đích các hỗ trợ, tôi cam kết sẽ hoàn trả lại cho các tổ chức, cá nhân các nội dung đã hỗ trợ.

6. Trong trường hợp được hỗ trợ, tôi cam kết rằng HTX sẽ bố trí đủ nguồn lực để đối ứng như đã cam kết trong đề xuất này.

Người lập đề xuất

(Ký, ghi rõ họ tên)

---

(1): Nêu rõ thương hiệu cần đăng ký, đại diện cho các sản phẩm nào, sản phẩm có phải là sản phẩm chính của đơn vị không.

(2): Nếu chưa xác định được Ngân sách cần thiết thì để trống.

(3): Đơn vị phải nêu rõ mức đối ứng nếu được hỗ trợ.

(4): Nêu rõ các thay đổi dự kiến sẽ diễn ra ở đơn vị trong ngắn hạn và dài hạn trước và sau khi được hỗ trợ.

(5): Nêu rõ các chỉ tiêu dùng để đo lường các thay đổi nêu trên.

(6): Nêu các tiêu chuẩn cần hỗ trợ đăng ký (ví dụ như Tiêu chuẩn VSATTP, Tiêu chuẩn VietGAP,...).

(7): Nêu rõ sản phẩm nào cần đăng ký truy xuất nguồn gốc. Nêu rõ cần tập huấn quản lý chất lượng cho bao nhiêu người, làm về lĩnh vực nào.

(8): Nêu rõ các sàn thương mại điện tử muốn tham gia.

(9): Nêu rõ cần vận chuyển hàng hóa gì, khối lượng bao nhiêu, chuyển đi đâu; các phương thức thanh toán điện tử đơn vị muốn được hướng dẫn sử dụng (cổng thanh toán, ví điện tử,...).

(10): Nêu rõ các vấn đề kỹ thuật mà đơn vị có mong muốn được tư vấn / đào tạo / cung cấp giải pháp xử lý.

Mẫu 6.2

ĐỀ XUẤT CHI TIẾT

(Áp dụng cho tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác)

Tên người lập: ....

Số CMND: ....

Địa chỉ: ....

Số điện thoại (ghi số đăng ký sử dụng Zalo nếu có): .....

Đại diện cho tổ nhóm: ....

Số thành viên của tổ nhóm: ....

Thuộc dân tộc: ....

Tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật và đề xuất được hỗ trợ các nội dung sau:

1) Tập huấn quản lý chất lượng [(1)]: . .....

   ....

   ....

   Ngân sách cần thiết dự kiến[(2)]:.... .....

   Khả năng đối ứng của đơn vị [(3)]: .....

   Các tác động dự kiến [(4)]: ....

   ....

   ....

   Chỉ tiêu đo lường tác động [(5)]: ....

   ....

2) Hỗ trợ tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử [(6)]: .....

   ....

   ....

   Ngân sách cần thiết dự kiến[(2)]: ... .

   Khả năng đối ứng của đơn vị [(3)]: .....

   Các tác động dự kiến [(4)]: ....

   ....

   Chỉ tiêu đo lường tác động [(5)]: ... .

....

3) Giới thiệu và kết nối với các giải pháp logistic và thanh toán điện tử [7]:

....

....

....

Ngân sách cần thiết dự kiến[2]: ... .

Khả năng đối ứng của đơn vị [3]:. .....

Các tác động dự kiến [4]: ....

....

....

Chỉ tiêu đo lường tác động [5]: ... .

Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật [8]: ....

....

Ngân sách cần thiết dự kiến[2]:.... .....

Khả năng đối ứng của đơn vị [3]: .....

Các tác động dự kiến [4]: ....

....

....

Chỉ tiêu đo lường tác động [5]: ... .

....

Thay mặt tổ nhóm sinh kế, tôi cam kết rằng:.....

....

....

....

1. Tất cả các nội dung nêu trên là đúng sự thật. Tất cả các đề xuất phản ánh đúng mong muốn được hỗ trợ của tổ nhóm.

2. Tôi cam kết mình đã hiểu rõ các nội dung đề xuất hỗ trợ, các tác động dự kiến sẽ xảy ra với tổ nhóm sinh kế khi được hỗ trợ.

3. Tôi cam kết sẽ sử dụng các hỗ trợ đúng như bản đề xuất này và đúng như tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ của dự án đã hướng dẫn.

4. Tôi cam kết sẽ không sử dụng các hỗ trợ và bất cứ một mục đích nào khác ngoại trừ các mục đích đã nêu trong đề xuất này.

5. Trong trường hợp không sử dụng đến hoặc sử dụng sai mục đích các hỗ trợ, tôi cam kết sẽ hoàn trả lại cho các tổ chức, cá nhân các nội dung đã hỗ trợ.

6. Trong trường hợp được hỗ trợ, tôi cam kết rằng HTX sẽ bố trí đủ nguồn lực để đối ứng như đã cam kết trong đề xuất này.

Tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ	**Người lập đề xuất**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

---

(1): Nêu rõ cần tập huấn quản lý chất lượng cho bao nhiêu người, làm về lĩnh vực nào.

(2): Nếu chưa xác định được Ngân sách cần thiết thì để trống.

(3): Đơn vị phải nêu rõ mức đối ứng nếu được hỗ trợ.

(4): Nêu rõ các thay đổi dự kiến sẽ diễn ra ở đơn vị trong ngắn hạn và dài hạn trước và sau khi được hỗ trợ.

(5): Nêu rõ các chỉ tiêu dùng để đo lường các thay đổi nêu trên.

(6): Nêu rõ các sàn thương mại điện tử muốn tham gia

(7): Nêu rõ cần vận chuyển hàng hóa gì, đi đâu; Nêu rõ các phương thức thanh toán điện tử mà các thành viên tổ nhóm muốn được hướng dẫn sử dụng (cổng thanh toán, ví điện tử,...)

(8): Nêu rõ các vấn đề kỹ thuật mà các thành viên tổ nhóm có mong muốn được tư vấn / đào tạo / cung cấp giải pháp xử lý.

Mẫu 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày_____tháng _____ năm_____

THỎA THUẬN HỢP TÁC

Giữa

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH/HUYỆN/XÃ .....

Và

....

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1719) phê duyệt CTMTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 56/2012/NĐ-CP, ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ Quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, UBND các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội LHPN Việt Nam tham gia quản lý nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-UBDT, ngày 26/5/2022 của Ủy Ban Dân tộc Quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện CTMTQG DTTS & MN giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-ĐCT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Đoàn chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam về việc thành lập Ban điều hành Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em" cấp Trung ương;

Căn cứ Kế hoạch số 43/KH-ĐCT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam về Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em";

Căn cứ Quyết định số 275/QĐ-ĐCT ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam về việc phân công nhiệm vụ thực hiện Dự

án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em";

Căn cứ Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em";

Nhằm tăng cường hiệu quả hỗ trợ các đối tượng thụ hưởng phát triển kinh tế, thực hiện chủ trương lồng ghép các nguồn vốn trong Chương trình mục tiêu quốc gia, hai bên gồm:

BÊN A: HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH/HUYỆN/XÃ .....

Địa chỉ trụ sở: ....

Đại diện bởi: ....

Chức vụ: ....

BÊN B: TỔ CHỨC..... .....

Địa chỉ trụ sở: ....

Đại diện bởi: ....

Chức vụ: ....

Sau khi trao đổi các công việc, hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận hợp tác với các nội dung sau:

Điều 1: Mục tiêu hợp tác

Hai bên thống nhất mục tiêu hợp tác là cung cấp các hỗ trợ cần thiết cho đối tượng thụ hưởng nhằm giúp đối tượng thụ hưởng ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và kinh doanh.

Các lĩnh vực hỗ trợ bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

1) xây dựng thương hiệu;
2) đăng ký các tiêu chuẩn;
3) xây dựng truy xuất nguồn gốc và tập huấn quản lý chất lượng;
4) hỗ trợ tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử;
5) giới thiệu và kết nối với các giải pháp logistic và thanh toán điện tử;
6) tư vấn hỗ trợ kỹ thuật.

Đối tượng hỗ trợ trong thỏa thuận này là HTX/tổ nhóm sinh kế sau:

Tên HTX/tổ nhóm sinh kế:..... .....

Địa chỉ:..... .....

Đại diện bởi: ....

Điều 2: Nguyên tắc hợp tác

Hai bên thỏa thỏa thuận hợp tác trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện; làm việc trên cơ sở đồng thuận, tuân thủ chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Điều 3: Nội dung hợp tác

Hội LHPN ..... sẽ hỗ trợ các nội dung cụ thể sau:

(Nêu rõ các nội dung hỗ trợ do Hội LHPN ..... phụ trách)

Tổ chức ..... sẽ hỗ trợ các nội dung cụ thể sau:

(Nêu rõ các nội dung hỗ trợ mà tổ chức ..... sẽ cung cấp)

Điều 4: Cơ chế thỏa thuận hợp tác

Hai bên đồng ý sẽ phối hợp chặt chẽ và thống nhất một kế hoạch làm việc cụ thể để cùng triển khai.

Kế hoạch làm việc giữa hai bên sẽ bao gồm cả lịch trình giám sát, kiểm tra, đánh giá, theo dõi và điều chỉnh. Hội LHPN……..chịu trách nhiệm thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá, theo dõi theo hướng dẫn của TW Hội LHPN Việt Nam.

Hai bên thống nhất rằng hình ảnh và tư liệu của các hoạt động do bên nào phụ trách sẽ thuộc quyền sở hữu của bên đó. Nếu một bên có nhu cầu sử dụng hình ảnh và tư liệu của các hoạt động do bên còn lại phụ trách vào mục đích truyền thông thì cần được sự cho phép của bên còn lại. Hội LHPN ..... được phép sử dụng hình ảnh và tư liệu của mọi hoạt động do cả 2 bên thực hiện cho mục đích tổng hợp báo cáo trình UBND cùng cấp ..... và Hội LHPN chủ quản, tuy nhiên cần nêu rõ các hình ảnh và tư liệu đó do bên nào thực hiện.

Để thống nhất và điều phối các hoạt động, hai bên cử cán bộ làm đầu mối liên lạc như sau:

Hội LHPN tỉnh/huyện/xã ..... :.....

Tên cán bộ: ....

Chức vụ:..... .....

SĐT liên hệ:..... .....

Tổ chức ..... :.....

Tên cán bộ: ....

Chức vụ:..... .....

SĐT liên hệ:..... .....

Điều 5: Trách nhiệm của hai bên

Trách nhiệm của Hội LHPN ....

- Phối hợp và tạo mọi điều kiện để Tổ chức ..... triển khai các nội dung hỗ trợ mà Tổ chức……phụ trách.
- Giám sát, theo dõi, kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động hỗ trợ của Tổ chức ....., tổ chức tham vấn điều chỉnh nếu cần thiết.
- Chủ động triển khai các nội dung hỗ trợ do Hội phụ trách, tránh chồng chéo về thời gian, địa điểm với hoạt động của Tổ chức ..... .
- Chỉ đạo Hội LHPN cấp dưới (nếu có) phối hợp chặt chẽ với Tổ chức ..... trong các hoạt động của Tổ chức . ..... được nêu tại điều 3 Thỏa thuận hợp tác này.

Trách nhiệm của Tổ chức..... .....

- Chủ động triển khai các nội dung hỗ trợ mà Tổ chức ..... đã cam kết thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.
- Thông báo cho Hội LHPN ..... các vấn đề tồn tại hoặc phát sinh cần có sự điều chỉnh và chủ động đề xuất các giải pháp trong khuôn khổ hoạt động do Tổ chức ..... phụ trách.

Điều 6: Điều khoản thi hành

- Biên bản hợp tác này có thể sửa đổi hoặc bổ sung bằng văn bản với sự nhất trí của hai bên.
- Trường hợp Tổ chức ..... đơn phương hủy bỏ Thỏa thuận hợp tác này thì cần thông báo cho Hội LHPN……..trước ít nhất 01 tháng và chuyển giao toàn bộ các hình ảnh và dữ liệu hoạt động đã có cho Hội LHPN ..... để sử dụng vào mục đích tiếp tục triển khai công việc và tổng hợp báo cáo. Nếu việc đơn phương hủy bỏ Thỏa thuận hợp tác mà không báo trước ít nhất 1 tháng hoặc không chuyển giao toàn bộ hình ảnh và dữ liệu hoạt động dẫn tới ảnh hưởng tới kế hoạch hoạt động của Hội LHPN..... , Tổ chức..... sẽ phải bồi hoàn mọi chi phí phát sinh để khắc phục hậu quả.
- Thỏa thuận hợp tác này có 6 điều, được lập bằng tiếng Việt và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản để triển khai.

- Thỏa thuận hợp tác này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

Mẫu 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày_____tháng _____ năm_____

BÁO CÁO CÔNG TÁC TƯ VẤN

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên Tổ chức/cá nhân:..... .....

Số CMND/CCCD/ĐKKD: ....

Địa chỉ:..... .....

Lĩnh vực tư vấn: ....

II. NỘI DUNG TƯ VẤN VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TƯ VẤN

(Phần này liệt kê rõ: Tư vấn cho đơn vị nào, về nội dung gì, đối tượng thụ hưởng đã có những thay đổi gì so với trước khi tư vấn hỗ trợ. Nếu có nhiều nội dung hỗ trợ thì chèn thêm dòng tương ứng)

Nội dung hỗ trợ 1: ....

Đối tượng hỗ trợ 1: ....

Các thay đổi của đơn vị với nội dung hỗ trợ 1: .....

....

....

....

....

....

Nội dung hỗ trợ 2:..... .....

Đối tượng hỗ trợ 2: ....

Các thay đổi của đơn vị với nội dung hỗ trợ 2: .....

....

....

....

....

III. CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM

(Phần này liệt kê rõ: Trong quá trình tư vấn rút ra được những bài học gì)

IV. CÁC THÁCH THỨC VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

(Phần này liệt kê rõ: Trong quá trình tư vấn đã gặp những khó khăn gì về đề xuất hướng khắc phục các khó khăn)

Các khó khăn gặp phải: ....
....
....
....
....
....

Đề xuất giải pháp khắc phục: ....
....
....
....
....
....
....

Tôi xin cam kết tất cả những nội dung nêu trong báo cáo này là đúng sự thật và sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thông tin này.

Người lập báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Mẫu 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày_____tháng _____ năm_____

BÁO CÁO HOÀN THÀNH

I. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên người lập báo cáo: ....

Số CMND/CCCD: ....

Đại diện cho đơn vị (Tổ nhóm hoặc HTX):.....

Số ĐKKD (nếu có): ....

Địa chỉ:..... .....

II. NỘI DUNG ĐƯỢC HỖ TRỢ VÀ HIỆU QUẢ HỖ TRỢ

(Phần này liệt kê rõ: Đơn vị được hỗ trợ những nội dung nào, do ai hỗ trợ đơn vị đã có những thay đổi gì so với trước khi được hỗ trợ và mức độ hài lòng của đơn vị đối với những nội dung đã được hỗ trợ. Nếu có nhiều nội dung thì chèn thêm các dòng tương ứng).

Nội dung hỗ trợ 1: ....

Tổ chức/cá nhân hỗ trợ 1: ....

Các thay đổi của đơn vị với nội dung hỗ trợ 1: .....

....

....

....

....

....

Mức độ hài lòng với nội dung hỗ trợ 1:.....

Nội dung hỗ trợ 2 (nếu có): ....

Tổ chức/cá nhân hỗ trợ 2: ....

Các thay đổi của đơn vị với nội dung hỗ trợ 2: .....

....

....

....

....

Mức độ hài lòng với nội dung hỗ trợ 2: .....

III. CÁC THÁCH THỨC VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

(Phần này liệt kê rõ: Trong quá trình được hỗ trợ, đơn vị đã gặp những khó khăn gì về đề xuất hướng khắc phục các khó khăn này.

Các khó khăn gặp phải: ....

....
....
....
....
....
....
....

Đề xuất giải pháp khắc phục: ....
....
....
....
....
....
....

Tôi xin cam kết tất cả những nội dung nêu trong báo cáo này là đúng sự thật và sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thông tin này.

Người lập báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

PHỤ LỤC 01

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỒNG HÀNH HỖ TRỢ

Nhóm tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật đến từ 3 nguồn:

1. Tổ công nghệ số cộng đồng:

Nhiệm vụ của Tổ công nghệ số cộng đồng theo công văn số 793/BTTTT-THH ngày 05 tháng 3 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông:

Triển khai các nội dung để thực hiện nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- Thông tin, tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về chuyển đổi số đến các hộ gia đình, người dân trong thôn, bản, khu phố.
- Về chính quyền số: hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; sử dụng các dịch vụ số và tương tác với chính quyền qua các nền tảng số được đánh giá và lựa chọn.
- Về kinh tế số: hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người dân trên địa bàn đăng ký tham gia các sàn thương mại điện tử như "voso.vn", "postmart.vn",…; mở tài khoản thanh toán điện tử; hướng dẫn người dân sử dụng nền tảng số, công nghệ số để đăng ảnh, quảng bá sản phẩm, tạo gian hàng, nhận đơn, đóng gói sản phẩm và quan trọng nhất là cam kết cung cấp sản phẩm đúng chất lượng cho khách hàng; hướng dẫn ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện KT - XH của địa phương.
- Về xã hội số: hướng dẫn người dân tiếp cận, cài đặt, sử dụng các dịch vụ số phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu như y tế, giáo dục, chính sách xã hội, phòng chống dịch... thông qua các nền tảng số.

Phương thức triển khai: Tổ công nghệ số cộng đồng nhận chỉ tiêu về triển khai các nền tảng số và trực tiếp làm mẫu, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn lại cho cá nhân, hộ gia đình trong thôn, bản, tổ dân phố (ví dụ như: Mở gian hàng số, cài ứng dụng sổ sức khỏe điện tử, ứng dụng PC - COVID, ứng dụng phản ánh hiện trường, dịch vụ công, thông tin đất đai,...). Tạo nhóm mạng xã hội Việt Nam (ví dụ: lập nhóm Zalo, Mocha, Gapo hoặc các mạng xã hội Việt Nam phổ biến khác) gồm tất cả các hộ gia đình/người dân trong thôn, bản, tổ dân phố để hỗ trợ, tương tác, hướng dẫn thường xuyên.

2. Khối tư nhân

Khối tư nhân là các doanh nghiệp, hợp tác xã trong và ngoài tỉnh có các mối quan hệ kinh doanh với các đối tượng thụ hưởng. Một cách gián tiếp, khối tư

nhân cũng được được hưởng lợi khi các đối tượng thụ hưởng được hưởng lợi và phát triển tốt hơn, nâng cao được năng lực kinh doanh. Vì thế, việc tham vấn khối tư nhân là cần thiết. Trong nhiều trường hợp, khối tư nhân này sẵn sàng cung cấp các hỗ trợ dành cho đối tượng thụ hưởng tùy theo nguồn lực sẵn có của họ.

Các nội dung tham vấn bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Danh sách các dịch vụ tư vấn mà các đối tác có thể cung cấp cho đối tượng thụ hưởng.
- Các đối ứng mà đối tác có thể cung cấp cho Hoạt động 2.2, ví dụ như: cho mượn địa điểm tập huấn, cung cấp dịch vụ lưu trú cho Tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ, đóng góp chi phí thuê Tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ,...

Thông tin liên hệ của khối tư nhân đến từ kết quả khảo sát thông tin của đối tượng thụ hưởng.

3. Khối Tổ chức/cá nhân tư vấn hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân tư vấn hỗ trợ là các tổ chức, cá nhân có chuyên môn đảm nhiệm việc cung cấp các dịch vụ tư vấn hỗ trợ phát triển kinh doanh ở nhiều nội dung khác nhau.

Nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân tư vấn hỗ trợ bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Hỗ trợ các đơn vị xây dựng đề xuất chi tiết (nếu có)
- Phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ đánh giá, sàng lọc đối tượng thụ hưởng
- Tích cực tham gia các buổi họp rà soát / điều chỉnh và chủ động đề xuất các điều chỉnh nếu cần thiết nhằm đạt được mục tiêu
- Cung cấp các tư vấn cho các tổ nhóm, tổ hợp tác, hợp tác xã
- Tham gia cuộc thi thuyết trình với tư cách là đồng giám khảo
- Xây dựng biểu mẫu khảo sát kết quả sau hỗ trợ và tham gia đánh giá sau hỗ trợ.

Trong bối cảnh dự án với 6 nội dung ứng dụng công nghệ cụ thể, các Tổ chức/cá nhân tư vấn hỗ trợ có thể đến từ các nguồn cụ thể như sau:

a. Xây dựng thương hiệu:

- Nghiên cứu thị trường và xác định phân khúc thị trường mục tiêu: các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường.
- Thiết kế và đăng ký nhãn hiệu: Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực

Sở hữu trí tuệ.

- Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu (sau khi đăng ký nhãn hiệu): Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thiết kế.
- Xây dựng kế hoạch quảng bá thương hiệu và triển khai: Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực truyền thông.

b. Đăng ký tiêu chuẩn:

Các đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn liên quan đến lĩnh vực đăng ký các tiêu chuẩn là các đơn vị được cấp phép hoạt động theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

Danh sách các đơn vị nêu trên tham vấn tại các phòng ban chuyên môn tại các Sở ngành địa phương.

Ví dụ:

- Các tiêu chuẩn liên quan đến lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi tham vấn Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn
- Các tiêu chuẩn liên quan đến lĩnh vực sản xuất chế biến tham vấn Sở Công thương, Liên minh HTX

c. Truy xuất nguồn gốc:

- Hiện nay hoạt động truy xuất nguồn gốc do khối tư nhân cung cấp dịch vụ. Hoạt động truy xuất nguồn gốc của mỗi nhóm hàng hóa thuộc các lĩnh vực khác nhau sẽ do Sở ban ngành khác nhau quản lý. Vì thế, khi cần tìm tổ chức, cá nhân đồng hành hỗ trợ cung cấp dịch vụ truy xuất nguồn gốc cho nhóm hàng hóa thuộc lĩnh vực nào thì cần tham vấn Sở ngành tương ứng.

Ví dụ: đối với các loại nông sản, việc truy xuất nguồn gốc sẽ do Sở NN&PTNT quản lý. Đối với các loại hàng hóa chế biến, đóng gói, việc truy xuất nguồn gốc sẽ do Sở Công thương quản lý. ....

d. Tập huấn quản lý chất lượng

- Hiện nay hệ thống quản lý chất lượng được đánh giá là hiệu quả thực hiện theo Tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Các đơn vị cung cấp dịch vụ cấp chứng nhận tiêu chuẩn trên về nguyên tắc bắt buộc phải có Tổ chức/cá nhân tư vấn hỗ trợ về lĩnh vực quản lý chất lượng. Để tìm kiếm các đơn vị trên có thể tham vấn liên sở ngành: Sở KH&CN, Sở Công thương.
- Hệ thống quản lý sản xuất áp dụng 5S là phương pháp tổ chức sản xuất mang lại hiệu quả cao, rất dễ áp dụng, không tốn chi phí đầu tư. Tại Việt Nam, nhiều đơn vị trong khối tư nhân cung cấp dịch vụ này.

e. Tham gia sàn thương mại điện tử

- Tổ chức/cá nhân tư vấn hỗ trợ tốt nhất hỗ trợ tham gia sàn thương mại điện tử là bộ phận bán hàng và chăm sóc khách hàng của chính các sàn thương mại điện tử này. Vì thế, bước đầu tiên trong quá trình tìm kiếm Tổ chức/cá nhân tư vấn hỗ trợ là tham vấn người quản lý các sàn thương mại điện tử này để kêu gọi và lồng ghép sự hỗ trợ.
- Trong trường hợp thiếu hụt sự hỗ trợ từ các Tổ chức/cá nhân tư vấn hỗ trợ này cũng như không có sự hỗ trợ từ Tổ công nghệ số cộng đồng và từ khối Tư nhân, cần tham vấn với phòng Xúc tiến thương mại - Sở Công thương.

f. Thanh toán điện tử

- Tổ chức/cá nhântốt nhất hỗ trợ thanh toán điện tử là cán bộ thuộc bộ phận bán hàng, chăm sóc khách hàng của các tổ chức tài chính như Ngân hàng, các tổ chức tài chính vi mô, các đơn vị cung cấp dịch vụ Cổng thanh toán, ví điện tử. Vì thế, bước đầu tiên trong quá trình tìm kiếm Tổ chức/cá nhân tư vấn hỗ trợ là tham vấn người quản lý các tổ chức này để kêu gọi và lồng ghép sự hỗ trợ.
- Đối với hoạt động hỗ trợ kết nối thanh toán điện tử
- Dưới đây là danh sách các Ngân hàng thuộc sở hữu Nhà nước (để tham khảo). Đây là các Ngân hàng có nhiệm vụ chính trị và mối liên kết chặt chẽ với các chính quyền sở tại về mặt quản lý Nhà nước, vừa có mạng lưới chi nhánh trải rộng khắp nên có thể dễ dàng tiếp cận từ mọi miền Tổ quốc:
    - Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam
    - Ngân hàng Phát triển Việt Nam
    - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (AgriBank)
    - Ngân hàng TNHH MTV Dầu khí toàn cầu (GP Bank)
    - Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (Ocean Bank)
    - Ngân hàng TNHH MTV Xây dựng
    - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
    - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
    - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank)

    Lưu ý: Ngoài các Ngân hàng thuộc sở hữu Nhà nước nêu trên, trong quá trình triển khai, Hội LHPN có thể kết nối với bất cứ ngân hàng thương mại nào hoặc các tổ chức tín dụng (ví dụ như Quỹ TYM) đang

hoạt động tại địa phương để xúc tiến lồng ghép nguồn lực hỗ trợ.

g. Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật

- Các tư vấn kỹ thuật liên quán đến lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi tham vấn Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn để tìm kiếm Tổ chức/ cá nhân tư vấn hỗ trợ
- Các tư vấn kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực sản xuất chế biến tham vấn Sở Công thương, Liên minh HTX để tìm kiếm Tổ chức/ cá nhân tư vấn hỗ trợ
- Các tư vấn kỹ thuật khác tham vấn liên sở ngành: Sở KH&CN, Sở Công thương, Sở KH&ĐT, Sở Thông tin & Truyền thông.

PHỤ LỤC 02

HƯỚNG DẪN SÀNG LỌC SƠ BỘ

1. Nguyên tắc chấm điểm chung:

Lựa chọn a tương đương với 0 điểm

Lựa chọn b tương đương với 1 điểm

Lựa chọn c tương đương với 2 điểm

Lựa chọn d tương đương với 3 điểm.

Sau khi đánh giá, các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, HTX có số điểm càng cao sẽ được lựa chọn đến bước tiếp theo

2. Đánh giá năng lực phát huy nội lực (sử dụng bảng điểm từ Mẫu 03)

Sử dụng bảng trình bày theo mẫu sau, trong đó điểm đánh giá theo thang điểm 10:

STT	Nội dung khảo sát	Số lượng điểm				Tổng điểm khảo sát	Điểm đánh giá	Ghi chú
		a	b	c	d			
1	Năng lực phát huy nội lực							

Tổng điểm khảo sát = b + c x 2 + d x 3

Điểm đánh giá = Tổng điểm khảo sát /18 * 10

Ví dụ: Một hợp tác xã có 1 điểm a, 2 điểm b, 1 điểm c và 2 điểm d.

STT	Nội dung khảo sát	Số lượng điểm				Tổng điểm khảo sát	Điểm đánh giá	Ghi chú
		a	b	c	d			
1	Năng lực phát huy nội lực	1	2	1	2			

Tổng điểm khảo sát = 2 (b) + 1 (c) x 2 + 2 (d) x3 = 2+1x2+2x3 = 10

Điểm đánh giá = 10/18 *10 = 5.6

Kết quả trình bày như sau:

		Số lượng điểm	Tổng	Điểm	Ghi

STT	Nội dung khảo sát	a	b	c	d	điểm khảo sát	đánh giá	chú
1	Năng lực phát huy nội lực	1	2	1	2	10	5.6	

3. Đánh giá trình độ quản trị (sử dụng bảng điểm từ Mẫu 04)

a. Đối với HTX

Sử dụng bảng trình bày theo mẫu sau, trong đó điểm đánh giá theo thang điểm 10:

STT	Nội dung khảo sát	Số lượng điểm				Tổng điểm khảo sát	Điểm đánh giá	Ghi chú
		a	b	c	d			
1	Sứ mệnh và tầm nhìn							
2	Năng lực lãnh đạo							
3	Hệ thống							
4	Tài chính							
5	Nhân sự							
6	Marketing							
7	Bán hàng							
	Tổng							

Tổng điểm khảo sát = b + c x 2 + d x 3

Điểm đánh giá = Tổng điểm khảo sát /117 * 10

Ví dụ: Một hợp tác xã có bảng điểm như sau

STT	Nội dung khảo sát	Số lượng điểm				Tổng điểm khảo sát	Điểm đánh giá	Ghi chú
		a	b	c	d			
1	Sứ mệnh và tầm nhìn	1	1	1				
2	Năng lực lãnh đạo	1	1	2	2			
3	Hệ thống	2	2	1	1			
4	Tài chính	3	1	2				
5	Nhân sự	3	2	1				
6	Marketing	3	1	1	1			
7	Bán hàng	2	2	2				
	Tổng	15	10	10	4			

Tổng điểm khảo sát = 10 (b) + 10 (c) x 2 + 4 (d) x3 = 10+10x2+4x3 = 42

Điểm đánh giá = 42/117 *10 = 3.6

Kết quả trình bày như sau:

STT	Nội dung khảo sát	Số lượng điểm				Tổng điểm khảo sát	Điểm đánh giá	Ghi chú
		a	b	c	d			
1	Sứ mệnh và tầm nhìn	1	1	1				
2	Năng lực lãnh đạo	1	1	2	2			
3	Hệ thống	2	2	1	1			

4	Tài chính	3	1	2				
5	Nhân sự	3	2	1				
6	Marketing	3	1	1	1			
7	Bán hàng	2	2	2				
	Tổng	**15**	**10**	**10**	**4**	**42**	**3.6**	

b. Đối với tổ nhóm

Sử dụng bảng trình bày theo mẫu sau, trong đó điểm đánh giá theo thang điểm 10:

STT	**Nội dung khảo sát**	**Số lượng điểm**				**Tổng điểm khảo sát**	**Điểm đánh giá**	**Ghi chú**
		a	**b**	**c**	**d**			
1	Năng lực quản trị trong tổ nhóm							

Tổng điểm khảo sát = b + c x 2 + d x 3

Điểm đánh giá = Tổng điểm khảo sát /48 * 10

Ví dụ: Một hợp tác xã có 3 điểm a, 5 điểm b, 6 điểm c và 2 điểm d.

STT	**Nội dung khảo sát**	**Số lượng điểm**				**Tổng điểm khảo sát**	**Điểm đánh giá**	**Ghi chú**
		a	**b**	**c**	**d**			
1	Năng lực quản trị trong tổ nhóm	3	5	6	2			

Tổng điểm khảo sát = 5 (b) + 6 (c) x 2 + 2 (d) x3 = 5+6x2+2x3 = 23

Điểm đánh giá = 23/48 *10 = 4.8

Kết quả trình bày như sau:

		Số lượng điểm	**Tổng**	**Điểm**	**Ghi**

STT	Nội dung khảo sát	a	b	c	d	điểm khảo sát	đánh giá	chú
1	Năng lực quản trị trong tổ nhóm	3	5	6	2	23	4.8	

PHỤ LỤC 03

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THUYẾT MINH, BẢO VỆ

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT

(Phụ lục này cung cấp một số thông tin gợi ý để Hội LHPN tham khảo trong việc xây dựng một chương trình thuyết minh, bảo vệ nội dung đề xuất)

1. Hình thức tổ chức:

Ưu tiên tổ chức thuyết minh, bảo vệ trực tiếp trừ trường hợp giãn cách do dịch bệnh (nếu có).

2. Thành phần Ban Giám Khảo:

Xây dựng thành phần Ban Giám Khảo đa dạng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nhóm sau:

1) Cán bộ Hội LHPN
2) Đại diện Ban chỉ đạo chương trình MTQG của Tỉnh.
3) Cán bộ các Sở, Ban ngành chuyên môn của Tỉnh.
4) Tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ

3. Tiêu chí đánh giá:

Dưới đây là bảng gợi ý tiêu chí chấm thi:

STT	TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA
A	**Hình thức trình bày:**	**30**
1	***Bố cục hợp lý, rõ ràng, dễ theo dõi***	***5***
2	***Nội dung đầy đủ***	***5***
	Có mục tiêu	*1*
	Có phương án thực hiện	*1*
	Có chi phí và dự trù nguồn vốn	*1*
	Có tác động tích cực đối với đơn vị	*1*
	Có đề xuất rõ ràng	*1*
3	***Phong cách trình bày tự tin, cuốn hút***	***5***
	Trình bày rõ ràng, mạch lạc	*3*
	Không lúng túng, không bị vấp váp	*2*
4	***Đúng giờ (đúng 5 phút=5 điểm, lệch 1 phút trừ 1 điểm)***	***5***

5	***Trả lời các câu hỏi tốt (BGK đánh giá theo cảm quan cá nhân)***	***10***
B	**Nội dung Kế hoạch thúc đẩy kinh doanh nhờ ứng dụng công nghệ:**	**70**
1	***Sáng tạo***	***10***
	Có sự khác biệt về phương pháp thực hiện so với địa phương	*4*
	Ứng dụng kiến thức học hỏi từ Internet	*3*
	Ứng dụng công nghệ mới (đánh giá mức độ đổi mới tuỳ theo cảm quan của BGK)	*3*
2	***Hiệu quả:***	***30***
	Trước mắt	10
	Doanh thu dự kiến thay đổi trước mắt	*5*
	Số việc làm tạo ra thêm trước mắt (nếu có)	*5*
	Lâu dài	20
	Doanh thu dự kiến thay đổi lâu dài	*5*
	Số việc làm tạo ra thêm lâu dài	*5*
	Thu nhập tăng thêm cho các thành viên hiện có	*5*
	Tạo ra sự thay đổi về quy mô, về nhận diện thương hiệu	*5*
3	***Khả thi***	***20***
	Liệt kê chi phí một cách chi tiết, rõ ràng	*4*
	Chủ động được nguồn vốn đối ứng (vốn tự có hoặc vốn vay thành viên, vay nội bộ gia đình)	*8*
	Phù hợp với hiện trạng ứng dụng công nghệ của đơn vị	*8*
4	***Kế hoạch rõ ràng (kết quả có thể đo lường được)***	***10***
	Có kế hoạch công việc cụ thể, chi tiết	*4*
	Kế hoạch công việc có dự trù nhân sự rõ ràng, đầy đủ	*3*

	Kế hoạch công việc có xác định thời gian thực hiện rõ ràng	*3*
	TỔNG	100

PHỤ LỤC 04 - MỘT SỐ TÀI LIỆU THAM KHẢO

Danh mục một số tài liệu tham khảo:

1. Phương pháp đào tạo đa giác quan (VAK)
2. Phương pháp phát triển cộng đồng từ nội lực
3. Phương pháp tiếp cận Tiên lượng - Thích ứng - Linh hoạt
4. Phương pháp quản trị sản xuất 5S

PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO ĐA GIÁC QUAN

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Con người tiếp nhận các thông tin chủ yếu thông qua 5 giác quan cơ bản gồm: nhìn - thị giác; nghe - thính giác; vận động, sờ chạm - xúc giác; ngửi - khứu giác; nếm - vị giác. Sau khi nghiên cứu, các Tổ chức/cá nhân đồng hành hỗ trợ tâm lý nhận thấy mỗi người có một xu thế tiếp thu kiến thức học tập khác nhau tùy theo cách họ sử dụng các giác quan để tiếp nhận thông tin. Theo kết quả nghiên cứu, hầu hết chúng ta thích học theo một trong ba cách: thị giác, thính giác hoặc xúc giác (mỗi chúng ta thường "pha trộn và kết hợp" ba kiểu này).

- **Visual – Thị giác (sau đội gọi là Nhìn)**: một người học trực quan sẽ hấp thụ và giữ thông tin tốt hơn khi nội dung được trình bày dưới dạng hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ. Đây là nhóm người thích nhìn, đọc. Họ dễ dàng hiểu được nội dung thông qua các hình ảnh, sơ đồ. Họ bị thu hút bởi các hình ảnh, màu sắc. Họ thích các hướng dẫn trực quan trên giấy, trên màn hình.
- **Auditory – Thính giác (sau đây gọi là Nghe)**: những người này sẽ học bằng cách lắng nghe những điều đang được trình bày. Họ phản ứng rất tốt với giọng nói, ví dụ như bài giảng hoặc thảo luận nhóm. Đây là nhóm học viên có thể làm tốt nếu được nghe hướng dẫn từ Tổ chức/ cá nhân đồng hành hỗ trợ. Họ cũng thích nghe sách nói và nhớ được các lời bài hát. Họ có thể nghe các hướng dẫn qua điện thoại.
- **Kinesthetic – Vận động (sau đây gọi là nhóm Vận động)**: Người học theo phương pháp này thích trải nghiệm thể chất. Họ thường thích cách tiếp cận "thực hành" và phản ứng tốt với việc có thể chạm vào hoặc cảm nhận một vật thể. Đây là nhóm làm tốt mọi việc nếu được tự tay làm. Đây cũng là nhóm hiếm khi đọc hướng dẫn hoặc chú ý nghe hướng dẫn một cách chi tiết.

Mặc dù mỗi người đều có cả 3 cách tiếp nhận thông tin, tuy nhiên trong mỗi người sẽ luôn có 1, 2 cách tiếp nhận nổi trội hơn các cách còn lại. Do mỗi người có một cách tiếp thu thông tin khác nhau, nên phương pháp đào tạo truyền thống

theo mô thức thuyết trình - các giảng viên diễn giải về nội dung bài học, đặt một số câu hỏi, gọi một số học viên trả lời,... - phù hợp với nhóm học viên có khuynh hướng Auditory - Thính giác. Các nhóm học viên có khuynh hướng Thị giác và Vận động gặp rất nhiều khó khăn trong tiếp thu kiến thức, biểu hiện bằng những cái ngáp dài hoặc những người ngủ gật trong lớp học.

Với quan điểm đào tạo lấy người học làm trung tâm, các phương pháp đào tạo mới cần được thiết kế phù hợp với cả 3 nhóm khuynh hướng. Phương pháp đào tạo V-A-K là một phương pháp đáp ứng yêu cầu này.

Phương pháp đào tạo VAK là phương pháp đào tạo mà trong đó cách thức giảng dạy được thiết kế phù hợp với cả 3 nhóm khuynh hướng tiếp thu thông tin.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG ĐÀO TẠO VAK:

Có nhiều kỹ thuật để áp dụng trong đào tạo VAK, dưới đây là một số gợi ý:

1. Slide: Slide cần chứa các hình ảnh minh họa, các biểu đồ chứa đựng thông tin, các sơ đồ tư duy, …

2. Video bài giảng:

- Các video bài giảng với giọng đọc và các hình ảnh minh họa hợp lý sẽ phù hợp cho cả nhóm Nhìn và nhóm Nghe lẫn nhóm Vận động.

3. Thảo luận nhóm:

- Hoạt động thảo luận nhóm phù hợp với nhóm Nghe và nhóm Vận động. Để nó phù hợp với nhóm Nhìn, nên bổ sung hoạt động viết, vẽ lại các nội dung thảo luận.

4. Thực hành các nội dung đã học:

- Hoạt động thảo luận nhóm phù hợp với nhóm Nghe và nhóm Vận động. Để nó phù hợp với nhóm Nhìn, nên bổ sung hoạt động viết, vẽ lại các nội dung thảo luận.

5. Xây dựng các trò chơi đào tạo (Edugame):

- Đổi các bài kiểm tra ôn bài viết giấy thông thường thành trò chơi có thưởng trên các nền tảng online như Kahoot là một cách rất tốt để cả 3 nhóm có thể ôn và nhớ bài.

PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TỪ NỘI LỰC
(Asset Based Comunity Development)

Lời dẫn: Trong tài liệu hướng dẫn này, phương pháp tiếp cận phát triển cộng đồng từ nội lực được áp dụng trong việc lựa chọn đối tượng thụ hưởng. Theo đó, tiêu chí phát huy nội lực trong phát triển kinh doanh của đối tượng thụ hưởng được coi là một tiêu chí quan trọng tương đương với tiêu chí về trình độ quản trị.

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Lịch sử hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử trên thế giới

Phương pháp Phát triển cộng đồng là thành quả nghiên cứu các sáng kiến phát triển cộng đồng thành công từ các phong trào về quyền công dân ở nhiều bang khác nhau ở Hoa Kỳ của John McKnight và Jody Kretzmann thuộc Viên nghiên cứu chính sách của Trường Đại học Northwestern, bang Illinois. Phương pháp này sau đó đã được đưa vào trong cuốn sách: "Gây dựng cộng đồng theo hướng từ bên trong ra: Một hướng đi để tìm kiếm và huy động các tài sản của cộng đồng", được 2 ông viết năm 1993.

Phương pháp gần đây càng được sử dụng phổ biến tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có cả những quốc gia phát triển như: Canada, Anh, Úc.

1.2. Tại Việt Nam

Phương pháp này được đưa vào Việt Nam khi học viện Quốc Tế Coady - Canada tổ chức tập huấn cho cựu học sinh IFP và một số cán bộ của các tổ chức phi chính phủ và cơ quan nhà nước với sự tài trợ của Trung tâm trao đổi Giáo dục với Việt Nam (CEEVN) năm 2006 tại đại học An Giang.

Tính tới hiện nay, học viện Quốc Tế Coady đã đào tạo cho hơn 20 người, là cán bộ từ các cơ quan nhà nước và các tổ chức phi chính phủ.

2. Bản chất của phương pháp

ABCD là một phương pháp tiếp cận không bắt đầu từ "nhu cầu" mà chọn xuất phát từ "nội lực" của cộng đồng. Phương pháp này ưu việt hơn phương pháp "tiếp cận từ nhu cầu" (đã từng được các nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ áp dụng) bởi phương pháp này có thể thay đổi góc nhìn của cộng đồng, giúp cộng đồng thấy được các điểm mạnh, tiềm năng của chính cộng đồng và khai thác những yếu tố đó để tự phát triển.

Hình ảnh cốc nước:

- Khi cộng đồng nghĩ rằng họ là "người thụ hưởng", họ thấy nhu cầu và thiếu hụt

- Khi cộng đồng nghĩ rằng họ là "công dân", họ thấy được nội lực và khả năng.

Phương pháp này được ứng dụng trong việc thúc đẩy sự phát triển của một cộng đồng, một tổ chức, một cá nhân bằng cách đồng hành cùng họ khám phá các nội lực và học cách sử dụng hiệu quả các nội lực này trong quá trình phát triển.

II. NỘI DUNG

Trước hết, cần phải làm rõ về nội lực và các dạng nội lực cộng đồng địa phương có. Sau đó, chi tiết vào các phương pháp để khai phá và phát triển nội lực cộng đồng địa phương.

1. Nguồn nội lực

Nội lực luôn luôn dồi dào, có ở bất kì cộng đồng nào (dù là cộng đồng đầy đủ hay thiếu thốn) và khi nội lực được chia sẻ và sử dụng đúng cách, nội lực sẽ là nguồn lực hữu ích để thúc đẩy mỗi cá nhân trong cộng đồng tập trung phát triển cộng đồng. Nội lực được phân chia thành 6 nguồn:

1.1. Cá nhân

Sự cống hiến của cá nhân cho cộng đồng có thể là: tài năng, các kỹ năng, kiến thức và "tâm" phát triển cộng đồng.

Tài năng là thiên phú, thiên phú là tự nhiên. Nhưng kỹ năng và kiến thức là những thứ có thể được bồi đắp, có thể dễ dàng dạy, học và chia sẻ. Còn "tâm" chỉ có thể xuất phát từ chính các cá nhân, là tư duy quan tâm, mong muốn cống hiến cho sự phát triển chung của cộng đồng.

Khi mỗi cá nhân trong cộng đồng đều có ý thức cống hiến, họ đã cùng nhau đạt được **bước khởi đầu** trên hành trình phát triển cộng đồng.

1.2. Tổ chức

Tổ chức đoàn thể bao gồm các mạng lưới, các nhóm, tổ chức phi lợi nhuận với mục đích **mở ra** tầm nhìn cho cộng đồng và **hướng** cộng đồng để biến tầm nhìn trở thành khả năng. Họ có thể là các tổ chức có quy mô hay chỉ đơn giản là một nhóm các cá nhân có chung mục đích liên kết lại với nhau, nhưng tất cả các tổ chức này đều có mong muốn chung là lan toả tri thức, kỹ năng và mong muốn cống hiến của mình.

1.3. Đoàn thể địa phương

Đoàn thể địa phương bao gồm các cơ quan chính quyền và các tổ chức phi chính phủ. Nhiệm vụ của các cơ quan đoàn thể này là **hỗ trợ** sự phát triển của cộng đồng thông qua việc tạo điều kiện để mỗi cá nhân có nhu cầu được phát triển, làm công tác "hậu cần", hậu thuẫn cho mỗi một kế hoạch phát triển của cá nhân trong cộng đồng.

1.4. Điều kiện vật chất địa phương

Để ba yếu tố con người kể trên được phát huy, không thể thiếu sự góp mặt của yếu tố điều kiện vật chất địa phương (bao gồm điều kiện tài nguyên thiên nhiên

và cơ sở vật chất hạ tầng).

Điều kiện vật chất địa phương là một yếu tố vô cùng quan trọng, **tạo không gian** cho các yếu tố con người được tự do trao đổi, kết nối và phát triển.

1.5. Sự trao đổi

Sự trao đổi có thể được hiểu dưới 4 dạng: trao đổi các giá trị vô hình, trao đổi các giá trị hữu hình, trao đổi các đơn vị thay thế và trao đổi tiền tệ. Sự trao đổi cung cấp cho con người **phương tiện** để mở rộng **lựa chọn** và **kiểm soát** cuộc sống.

- Trao đổi giá trị vô hình (có thể bao gồm các giá trị văn hoá, nhân văn,…)

- Trao đổi giá trị hữu hình (bao gồm các nguồn lực hữu hình như tài nguyên, lợi ích vật chất)

- Trao đổi các đơn vị thay thế (ví dụ: thời gian làm việc,…)

- Trao đổi tiền tệ: Đây là hình thức trao đổi phổ biến kể từ khi tài chính ra đời. Tuy nhiên, đây là hình thức trao đổi không được coi trọng về tính nhân văn bởi nó là nền tảng sự thiếu thốn, là đại diện của "nợ". Vì vậy, trao đổi tiền tệ là hình thức không mang tính thúc đẩy cộng đồng kết nối, phát triển.

1.6. Câu chuyện

Truyện là một cách giúp cộng đồng truyền tải được những thông điệp, bài học kinh nghiệm. Truyện cũng là một phương pháp **kết nối các thế hệ** trong cộng đồng, là một tấm bản đồ giúp cộng đồng tìm thấy những nguồn nội lực ẩn giấu mà có thể cả chính những cá nhân trong cộng đồng cũng không biết.

2. Phương pháp

Sau khi đã khám phá được những nguồn nội lực sẵn có ở địa phương, câu hỏi trọng tâm đặt ra là: "Làm thế nào để cộng đồng có thể tận dụng được những nguồn lực ấy một cách hiệu quả để phát triển lợi ích chung?"

Các cộng đồng phát triển đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để gắn kết những nguồn lực địa phương. Trước khi các phương pháp cụ thể để phát triển được triển khai, cộng đồng cần phải **phát hiện được nội lực** thông qua các câu hỏi:

- Cộng đồng có thể tự làm được điều gì cho họ?

- Cộng đồng có thể làm gì nếu như có sự trợ giúp nhỏ từ các tổ chức xã hội bên ngoài?

- Điều gì cộng đồng cần nhưng không thể tự hoàn thành được?

- Điều gì mà các tổ chức xã hội cần dừng lại để cộng đồng có không gian tự phát triển?

- Điều gì mà các tổ chức xã hội có thể hỗ trợ để cộng đồng có thể phát triển vượt bậc?

Có thể nói, đây là một quá trình để giúp mỗi cá nhân trong cộng đồng có thể nhận thức được tiềm năng của bản thân mình, tạo bước mở đầu để cộng đồng có thể chuyển từ cộng đồng nhận hỗ trợ thành cộng đồng tham gia phát triển xã hội.

Sau khi cộng đồng thành công khám phá được nội lực, có vô số các phương pháp có thể áp dụng để **liên kết** triển khai các nguồn lực, nổi bật trong số đó là phương pháp "Phát triển dựa trên nội lực" (ABCD). Phương pháp này bao gồm các bước:

2.1. Khám phá

Phát hiện những người có khả năng kết nối, liên kết các cá thể trong cộng đồng để tạo nên một cộng đồng đoàn kết. Một cộng đồng với những mối quan hệ liên kết chặt chẽ là nguồn sức mạnh to lớn, là tiền đề của sự phát triển.

2.2. Chào đón

Mở rộng vòng tay chào đón với tất cả mọi người qua những cuộc đối thoại và lắng nghe. Bởi thông qua đối thoại và lắng nghe, cộng đồng mới bày tỏ được những vấn đề khó khăn mà họ đang vướng phải với nhau, đồng thời hỗ trợ nhau giải quyết vấn đề.

2.3. Hình dung

Sau khi phát hiện được những vấn đề chung, hình dung một bức tranh về nguồn nội lực của cộng đồng là một bước cần thiết. Tuy nhiên, vì không một ai có thể có một tầm nhìn tổng nên việc chia nhỏ bức tranh thành nhiều mảnh nhỏ (hay còn được gọi là sơ đồ nội lực) là một trong những phương pháp quan trọng, giúp mỗi một thành viên trong cộng đồng hình dung được những nguồn lực họ đã có và cách để liên kết các nguồn lực.

2.4. Chia sẻ

Những khảnh khắc chia sẻ là một bước tiền đề để biến những cá nhân trong cùng một cộng đồng trở thành bạn bè. Ngoài ra, khi chia sẻ, chúng ta vô hình chung trao đổi những kỹ năng của bản thân với những người trong cộng động, tạo nên những gắn kết vô hình trong cộng đồng

2.5. Kỷ niệm

Kỷ niệm tình hữu nghị và gắn kết cộng đồng thông qua việc ăn mừng để ghi nhận những thành công trong quá khứ; đồng thời, tiếp tục phát triển cộng đồng trong tương lai.

2.6. Tầm nhìn

Một trong những phương pháp xây dựng cộng đồng hiệu quả là tạo nên một tầm nhìn cộng đồng tổng thể và chia sẻ các khả năng về cộng đồng trong tương lai cho mỗi cá nhân. Điều này giúp cho mỗi cá nhân đều có thể cơ bản nắm được quy trình và "dòng chảy chung" của cộng đồng, giúp cho họ có tầm nhìn thống nhất cùng với cộng đồng.

3. Sơ đồ Phát triển nội lực

Dưới đây là 9 bước trong Sơ đồ nội lực để thúc đẩy các cá nhân tham gia vào quá trình phát triển cộng đồng.

3.1. Tạo nên một nhóm những người lãnh đạo kết nối

Cách hiệu quả để phát hiện những người có khả năng lãnh đạo kết nối là đặt câu hỏi cho cộng đồng địa phương về người có khả năng kết nối nhất trong cộng đồng. Người lãnh đạo kết nối là người có tố chất:

- Tận tuỵ và đam mê với việc cống hiến vì sự phát triển chung của cộng đồng
- Người có rất nhiều mối quan hệ
- Người được cộng đồng tôn trọng
- Người đã từng làm việc cống hiến cho sự phát triển của cộng đồng
- Người cam kết về tầm quan trọng của thời gian

Lưu ý:

- Tổ chức không kết nối, là con người kết nối. Cụ thể hơn, mối quan hệ, kết nối giữa tất cả các tổ chức được thực hiện nhờ sự kết nối của các cá nhân trong các tổ chức ấy.
- Hợp tác cần thời gian, để xây dựng **mối quan hệ** và **lòng tin**

3.2. Nhóm người lãnh đạo kết nối khám phá ra giới hạn cộng đồng

Tìm hiểu về giới hạn của cộng đồng thông qua nhóm những người lãnh đạo kết nối.

3.3. Nhóm người lãnh đạo kết nối tự thiết lập một bản đồ nội lực của cộng đồng

Để nhóm lãnh đạo tự vẽ ra các giới hạn, các nguồn nội lực và liên kết.

3.4. Nhóm người lãnh đạo kết nối tạo khảo sát để phát hiện tài năng và đam mê của mỗi cá nhân trong cộng đồng

Tạo một cuộc khảo sát ngắn để phát hiện khả năng của mỗi cá nhân (kiến thức, kỹ năng, tài năng) và sự sẵn sàng chia sẻ, đóng góp của họ trong các vấn đề chung của cộng đồng.

3.5. Tiến hành phỏng vấn sâu để xác định chính xác khả năng và mong muốn của các cá nhân

Sử dụng kỹ thuật phỏng vấn theo chuỗi để có thể tiếp cận được từng cá nhân trong cộng đồng

3.6. Nhóm người lãnh đạo kết nối thêm các kết quả từ việc khảo sát vào bản đồ nội lực cộng đồng.

- Đưa ra những vấn đề mà cộng đồng quan tâm
- Sử dụng các màu khác nhau để phân chia nhiệm vụ đến các đối tượng khác nhau.
- Tổng hợp trên sơ đồ

3.7. Nhóm người lãnh đạo kết nối kết nối liên hệ giữa các cá nhân gần nhau và có chung mối quan tâm lại với nhau

Mục đích chung là hoàn thành được những vấn đề mà cộng đồng quan tâm và cách dễ nhất để thực hiện được điều này là kết nối những người có chung mối quan tâm thành các nhóm nhỏ quan tâm và hoàn thành từng mục tiêu nhỏ một.

3.8. Phát triển Mối quan hệ- giữa con người, cộng đồng và các tổ chức

Không ngừng mở rộng cộng đồng và các mối quan hệ với các tổ chức và cộng đồng khác. Điều này có nghĩa là cộng đồng của mình sẽ không ngừng lớn mạnh, ngày càng có nhiều nội lực tích luỹ.

3.9. Phát hiện và kỷ niệm thành công của cộng đồng

Để tiếp tục duy trì được năng lượng phát triển của cộng đồng, chúng ta cũng cần phải ngừng lại và nhìn lại được những thành công đã đạt được để tiếp thêm sức mạnh, tiếp tục phát triển cộng đồng.

4. Lựa chọn cơ hội phát triển

Dựa trên phân tích, xu thế và cơ hội phát triển của vùng, tầm nhìn dài hạn của cộng đồng và dựa trên nguồn lực, gắn kết được mong ước của cộng đồng với môi trường lớn bên ngoài.

Xu thế: Các quy hoạch của vùng miền (địa phương, trung ương)

Viễn cảnh: Mong muốn tương lai

Nội lực: Đang có của cộng đồng

5. Cơ hội và Thách thức

Sau khi phân tích, liên kết các nguồn lực, xây dựng được tầm nhìn và xác định được xu thế phát triển chung, cộng đồng vẫn cần phải xem xét khi thực hiện hoá các cơ hội đã tìm ra và dự báo các thách thức, khó khăn có thể xảy ra trong quá trình triển khai.

Tuy nhiên, khi phân tích các thách thức, cộng đồng có thể phân tích theo hướng: các thách thức có thể đưa đến những cơ hội nào khác?

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN
TIÊN LƯỢNG - THÍCH ỨNG - LINH HOẠT
(Anticipatory, Agile and Adaptive - AAA)

Lời dẫn: Trong tài liệu hướng dẫn này, phương pháp Tiên lượng – Thích ứng – Linh hoạt được áp dụng trong thiết kế các bước triển khai công việc. Theo đó, ở trình tự đầy đủ, hoạt động đánh giá – điều chỉnh được coi là hoạt động cốt lõi trong việc đảm bảo cho kế hoạch được triển khai một cách linh hoạt và thích ứng, đảm bảo mục tiêu đề ra.

BỐI CẢNH

Bất chấp những kết quả ấn tượng của Việt Nam trong việc giảm nghèo và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, các dân tộc thiểu số, đặc biệt là phụ nữ, vẫn bị bỏ lại phía sau. Chỉ chiếm 14,7% dân số Việt Nam, người dân tộc thiểu số chiếm 90% số hộ nghèo cùng cực và 51,2% số người nghèo đa chiều (sử dụng chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia). Trong khi tỷ lệ mắc MDP ở người Kinh chỉ là 3,7% vào năm 2018, tỷ lệ này vẫn rất cao ở một số dân tộc: 61,0% ở người H'Mông, 29,1% - Dzao, 17,1% - Khmer, 9,8% - Thái và 30,7% - các dân tộc khác (nguồn: GSO 2016 và 2018 VHLSS). Năm 2016, tỷ lệ người dân tộc thiểu số không có trình độ chuyên môn là 43,8%, cao gấp đôi so với người Kinh / Hoa.

Chính phủ không đặt ai bị bỏ lại phía sau trong các ưu tiên chính của chiến lược phát triển KT – XH của đất nước. Quốc hội đã thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 nhằm lồng ghép các chính sách và nguồn lực để đẩy nhanh giảm nghèo và phát triển toàn diện vùng dân tộc thiểu số. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT - XH vùng dân tộc thiểu số và miền núi (CTMTQG) giai đoạn 2021-2030 đã được xây dựng và phê duyệt.

Nhiều thí điểm nhằm đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số đã được người dân, cộng đồng, doanh nghiệp thực hiện ở nhiều địa phương khác nhau, bao gồm cả các chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) và các dự án / chương trình do các đối tác phát triển hỗ trợ. Tuy nhiên, trong khi hầu hết các thí điểm này đều thành công ở quy mô nhỏ, khả năng nhân rộng của chúng ở quy mô lớn hơn vẫn còn khá hạn chế. Việc tăng tốc giảm nghèo ở quy mô lớn ở người dân tộc thiểu số, đặc biệt trong bối cảnh không chắc chắn sau COVID-19, đòi hỏi các CTMTQG phải tạo ra một hệ sinh thái để khuyến khích và thể chế hóa các giải pháp đổi mới ở cấp địa phương.

UNDP đã và đang tạo điều kiện cho một nền tảng để thể chế hóa các giải pháp sáng tạo. Ở cấp trung ương, UNDP vận động cho một khung chính sách linh hoạt hơn cho phép không gian rộng rãi hơn cho chính quyền địa phương và người dân để tạo ra và áp dụng các giải pháp sáng tạo. Ở cấp địa phương, UNDP

xây dựng năng lực để tạo ra và thử nghiệm các giải pháp sáng tạo, đồng thời tạo ra bằng chứng để đưa vào công tác chính sách ở cấp trung ương để mở rộng quy mô. Một trong các phương pháp tiếp cận được áp dụng trong các hoạt động này là tiếp cận **Tiên lượng - Thích ứng - Linh hoạt** (Anticipatory, Agile and Adaptive - AAA).

Tiếp cận này được thể hiện trong nguyên tắc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia tại Khoản 3, Điều 4, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ, cụ thể như sau: *"Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia"*.

TỔNG QUAN

Phương pháp tiếp cận Tiên lượng - Thích ứng - Linh hoạt (AAA) có các đặc điểm chính sau:

Tiếp cận thông thường	Tiếp cận AAA
Thực hiện hoặc không (theo quy định)	Dành nhiều không gian cho sự linh hoạt và thích ứng
Dựa trên đầu ra	Dựa trên kết quả
Ngân sách phân bổ chặt chẽ, chi tiết	Ngân sách phân bổ theo gói/dự án
Chỉ đạo trực tiếp, từ trên xuống	Có sự phối hợp, tham gia
Quản lý theo ngành dọc	Điều phối hợp tác liên ngành
Đánh giá định kỳ	Học hỏi tích cực: đánh giá và điều chỉnh
Một giải pháp chung cho tất cả	Giải pháp riêng phù hợp với địa phương, nhân khẩu, dân tộc

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

<u>Cấp trung ương:</u>

- Khung chính sách sẽ cung cấp cho các cấp địa phương nhiều không gian và tính linh hoạt hơn để thử nghiệm và áp dụng các cách làm mới nhằm tạo ra các kết quả mong đợi (tức là hướng dẫn thiết kế và quản lý chương trình mục tiêu quốc gia)

- Chuyển từ cách tiếp cận dựa trên đầu ra-tuân thủ (với các quy tắc cứng nhắc) sang cách tiếp cận dựa trên kết quả, áp dụng nguyên tắc quản lý theo ngoại lệ. Điều này sẽ tạo ra không gian cho sự đổi mới của địa phương trong việc điều chỉnh các hoạt động thí điểm đã được kiểm chứng phù hợp với các điều kiện, bối cảnh và năng lực cụ thể của họ.
- Đồng thời, cơ chế khuyến khích sẽ được tăng cường cho cấp trung ương để cấp địa phương chịu trách nhiệm về việc đạt được các kết quả và cơ chế có sự tham gia hiệu quả của các bên liên quan đa ngành và các cơ chế tài chính bao trùm.

Chính quyền địa phương:

- Các kỹ năng và năng lực sẽ được phát triển để: 1) tận dụng tối đa không gian mới cho đổi mới; 2) xác định các điểm nghẽn của chính sách và thông báo cho cấp trung ương để điều chỉnh kịp thời; 3) tôn trọng và xác định đúng giá trị của tri thức bản địa và tư duy mới "hỗ trợ sáng kiến của người dân" để cùng phát triển và cung cấp các hỗ trợ cũng như dịch vụ dựa trên nhu cầu và 4) xác định vai trò của từng chủ thể khác nhau và thu hút nhiều bên liên quan bao gồm khu vực tư nhân và các thành phần thị trường khác, khuyến khích các cơ chế tài chính đổi mới và áp dụng quản lý và giám sát dựa trên kết quả và kết quả;
- Chuyển từ hướng dẫn, trực tiếp thực hiện và tuân thủ các quy định cũng như đầu ra được giao sang vai trò tạo điều kiện và hỗ trợ cho người dân địa phương, bao gồm cả phụ nữ nghèo dân tộc thiểu số, thực hiện các kế hoạch và giải pháp phát triển của chính họ.

Người thụ hưởng:

- Người dân địa phương, bao gồm cả phụ nữ nghèo dân tộc thiểu số: là người sáng tạo trung tâm, phối hợp với các doanh nghiệp, hợp tác xã, nhà cung cấp dịch vụ có liên quan để xây dựng và thực hiện các kế hoạch và giải pháp phát triển của riêng mình.
- Họ sẽ được hỗ trợ bởi chương trình mục tiêu quốc gia và các doanh nghiệp liên quan, các nhà cung cấp dịch vụ để có được những kiến thức và kỹ năng mới (chẳng hạn như cơ hội kinh doanh, kỹ năng xác định các điểm nghẽn, áp dụng công nghệ mới và nhận được sự hỗ trợ cần thiết từ các bên khác nhau) để mở rộng hoạt động kinh doanh của họ, tạo ra và thực hiện các giải pháp của riêng họ để giải quyết các thách thức về sức khỏe, giáo dục và sinh kế mà họ đang phải đối mặt, bao gồm khả năng chống chịu và phục hồi từ các tác động KT - XH của COVID-19.

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ 5S

1. Khái niệm 5S

5S là nền tảng cơ bản để thực hiện các hệ thống đảm bảo chất lượng.

Xuất phát từ quan điểm, nếu làm việc trong một môi trường lành mạnh, sạch đẹp, thoáng đãng, tiện lợi thì tinh thần sẽ thoải mái hơn, năng suất lao động sẽ cao hơn và tạo điều kiện cho việc áp dụng một hệ thống quản lý chất lượng đem lại niềm tin cho khách hàng.

5S là chữ cái đầu của các từ tiếng Nhật "SERI", "SEITON", "SEISO", SEIKETSU" Và "SHITSUKE", tạm dịch sang tiếng Việt là "Sàng lọc", "sắp xếp", "sạch sẽ", săn sóc" và "sẵn sàng".

SERI (Sàng lọc) Là sàng lọc những cái không cần thiết tại nơi làm việc và loại bỏ chúng.

SEITON (Sắp xếp) Là sắp xếp mọi thứ ngăn nắp trật tự đúng chỗ của nó để có thể tiện lợi khi sử dụng.

SEISO (Sạch sẽ) Là vệ sinh mọi chỗ tại nơi làm việc để không còn rác trên nền nhà, máy móc và thiết bị.

SEIKETSU (Săn sóc) Là luôn săn sóc, giữ gìn vệ sinh nơi làm việc bằng cách liên tục thực hiện Seri, Seiton và Seiso.

SHITSUKE (Sẵn sàng) Là tạo cho mọi người thói quen tự giác làm việc tốt và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các qui định tại nơi làm việc.

2. Ý nghĩa của hoạt động 5S

5S xuất phát từ nhu cầu:

- Đảm bảo sức khoẻ của cán bộ công nhân viên
- Dễ dàng, thuận lợi hơn khi làm việc
- Tạo tinh thần làm việc và bầu không khí cởi mở
- Nâng cao chất lượng cuộc sống
- Nâng cao năng suất

Bắt nguồn từ truyền thống của Nhật Bản, ở mọi nơi, trong mọi công việc, người Nhật luôn cố gắng khơi dậy ý thức trách nhiệm, tự nguyện, tính tự giác của người thực hiện các công việc đó. Người Nhật luôn tìm cách sao cho người công nhân thực sự gắn bó với công việc của mình. Các nhà quản lý của Nhật đã tiếp thu truyền thống này và đẩy nó lên thành một phong trào phát triển rộng rãi. Sau đó đã đúc kết các kinh nghiệm thực tiễn thành lý luận khoa học và cho ra đời chương trình năng suất chất lượng mới đó là 5S.

Khi thực hiện 5S thành công trong công ty, 5S sẽ đưa lại sự thay đổi kỳ diệu. Những thứ không cần thiết sẽ được loại bỏ khỏi nơi làm việc, những vật dụng cần thiết được xếp ngăn nắp, gọn gàng, đặt ở những vị trí thuận tiện cho người

sử dụng, máy móc thiết bị trở nên sạch sẽ, được bảo dưỡng, bảo quản. Từ các hoạt động 5S sẽ nâng cao tinh thần tập thể, khuyến khích sự hoà đồng của mọi người, qua đó người làm việc sẽ có thái độ tích cực hơn, có trách nhiệm và ý thức hơn với công việc.

Ngày nay, 5S là một chương trình nâng cao năng suất rất phổ biến ở Nhật Bản và dần dần trở nên phổ biến ở nhiều nước khác vì các lợi ích sau:

1. Nơi làm việc trở nên sạch sẽ và ngăn nắp hơn.

2. Mọi người trong cũng như ngoài công ty dễ dàng nhận rõ kết quả.

3. Tăng cường phát huy sáng kiến.

4. Mọi người trở nên có kỷ luật hơn.

5. Chỗ làm việc trở nên thuận tiện và an toàn hơn.

6. Cán bộ công nhân viên tự hào về nơi làm việc sạch sẽ và ngăn nắp của mình.

7. Kết quả tốt đẹp của công ty sẽ đem lại nhiều cơ hội kinh doanh hơn.

5S Có thể áp dụng đối với mọi loại hình doanh nghiệp: nhỏ, vừa và lớn. Có thể áp dụng đối với các doanh nghiệp ở bất kỳ ngành nào: sản xuất, thương mại và dịch vụ. Triết lý của 5S dễ hiểu, không đòi hỏi phải hiểu biết các thuật ngữ khó. Bản chất mọi người đều thích sạch sẽ, thoải mái và sự ngăn nắp tại nơi làm việc.

5S đóng góp vào các yếu tố PQCDSM. Thực hiện tốt 5S sẽ góp phần vào việc:

Nâng cao năng suất (P – Productivity)

Nâng cao chất lượng (Q – Quality)

Giảm chi phí (C – Cost)

Giao hàng đúng hạn (D – Delivery)

Đảm bảo an toàn (S – Safety)

Nâng cao tinh thần (M – Morale)

Một công ty quản lý yếu kém sẽ được đặc trưng bởi những điểm sau đây:

- Có rất nhiều những thứ không cần thiết và chúng không được sắp xếp gọn gàng.

- Di chuyển các đồ vật đòi hỏi phải đi lại nhiều, quãng đường xa, không có ranh giới rõ ràng lối đi với khu vực làm việc.

- Lãng phí thời gian, công sức trong phần lớn công việc.

- Nhiều sai sót trong công việc.

- Nhiều công việc phải làm lại, giao hàng luôn chậm trễ và phải làm ngoài giờ nhiều.

- Tồn kho nguyên liệu, bán thành phẩm quá nhiều và mất nhiều thời gian xếp

dỡ.

- Thiết bị văn phòng, trang thiết bị sản xuất bẩn thỉu, diện tích bỏ không, tỷ lệ máy hỏng cao.

- Sàn nhà, tường, cửa sổ, thiết bị chiếu sáng bẩn thỉu, bám bụi, thiếu ánh sáng.

- Nơi làm việc không an toàn và nhiều tai nạn, sự cố xảy ra.

- Những nơi công cộng (phòng ăn, tủ đồ đạc, nhà vệ sinh ...) thiếu vệ sinh.

- Tinh thần làm việc của công nhân kém.

- Người lao động không tự hào về công ty và công việc của mình.

3. Mục tiêu chính của chương trình 5S

Chương trình 5S là một chương trình của toàn công ty với sự tham gia của tất cả mọi người trong công ty. Đây là một phương pháp rất hiệu quả để huy động con người, cải tiến môi trường làm việc và nâng cao năng suất.

Mục tiêu chính của chương trình 5S bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

+ Xây dựng ý thức cải tiến (Kaizen) cho mọi người tại nơi làm việc.

+ Xây dựng tinh thần đồng đội giữa mọi người thông qua chương trình 5S.

+ Phát triển vai trò lãnh đạo của cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý thông qua các hoạt động thực tế.

+ Xây dựng cơ sở để đưa vào các kỹ thuật cải tiến.

4. Bốn yếu tố cơ bản để thực hiện thành công chương trình 5S

1. Lãnh đạo luôn cam kết và hỗ trợ: Điều kiện tiên quyết cho sự thành công khi thực hiện 5S là sự hiểu biết và ủng hộ của lãnh đạo. Lãnh đạo cần hình thành các nhóm công tác và chỉ đạo thực hiện.

2. Thực hiện 5S bắt đầu bằng đào tạo và huấn luyện: Đào tạo cho mọi người nhận thức được ý nghĩa của các hoạt động 5S, cung cấp cho họ những phương pháp thực hiện. Khi đã có nhận thức và có phương tiện thì mọi người sẽ tự giác tham gia và chủ động trong các hoạt động 5S.

3. Mọi người cùng tự nguyện tham gia vào thực hiện 5S: Bí quyết thành công khi thực hiện 5S là tạo ra một môi trường thích hợp khuyến khích mọi người tham gia.

4. Lặp lại vòng 5S với tiêu chuẩn cao hơn: Thực hiện chương trình 5S là sự lặp lại không ngừng các hoạt động nhằm đảm bảo duy trì và cải tiến công tác quản lý.

Tài liệu tham khảo

- Vai trò của khoa học và công nghệ và ứng dụng các nghiên cứu khoa học trong hoạch định chính sách tài chính – (Phạm Thanh Thủy - ĐTN Viện CL&CSTC, 2019);
- Văn kiện chương trình quốc gia cho Việt Nam (2022-2026) (UNDP, 2022)
- McKnight, J. (2017). Asset-Based Community Development: The Essentials, ABCD Institute;
- Công tác quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 (Tùng Linh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2022);
- Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư và bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng, đúng quy định pháp luật trong quản lý, tổ chức triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia (Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, 2022);
- Toàn quốc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu (Hoàng Quý, Báo Dân tộc, 2022);
- Sổ tay hướng dẫn thực hiện mô hình 4M.